

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Thực hiện Thông báo số 15/TB-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết luận phiên họp lần thứ 12;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 22/TTr-STC ngày 01 tháng 03 năm 2022; Báo cáo số 94/BC-STC ngày 26 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022 để xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Hệ số điều chỉnh giá đất (K) quy định tại Quyết định này được áp dụng khi:

a) Xác định giá đất cụ thể trong các trường hợp sau mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng, cụ thể:

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất;

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản khai thác khoáng sản;

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá;

- Xác định đơn giá thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nay chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

- Xác định lại giá đất cụ thể khi người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án;

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm và thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

- Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

b) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 10 tỷ đồng trở lên;

c) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản);

d) Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm;

đ) Xác định giá đất cụ thể để tính số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

2. Đối với các thửa đất hoặc khu đất thuộc đô thị, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có lợi thế, khả năng sinh lợi thì đơn vị được giao tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, lập hồ sơ đề xuất tăng hệ số điều chỉnh, gửi Sở Tài chính xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hệ số điều chỉnh cho từng trường hợp cụ thể để làm cơ sở xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền một lần mà diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá) dưới 10 tỷ đồng; đấu giá quyền sử dụng đất thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

3. Trường hợp người sử dụng đất đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà thửa đất hoặc khu đất có diện tích tính thu tiền thuê đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 10 tỷ đồng trở lên khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng chi tiết được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trên diện tích đất đang thuê (nhưng không chuyển mục đích sử dụng đất) mà có hệ số sử dụng đất (mật độ xây dựng, chiều cao của công trình) cao hơn hệ số sử dụng đất theo quy hoạch hiện trạng trước khi thực hiện dự án thì Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền thuê đất cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể.
2. Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất (K) được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với đất ở: Theo Phụ lục I đính kèm.
2. Đối với đất nông nghiệp: Theo Phụ lục II đính kèm.
3. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là đất thương mại, dịch vụ và không phải là đất thương mại, dịch vụ tại khu vực đô thị và nông thôn, đất phi nông nghiệp khác: Được xác định bằng hệ số điều chỉnh đối với đất ở tại các vị trí tương ứng.
4. Đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư: Được xác định bằng hệ số điều chỉnh đối với đất nông nghiệp cùng loại và cùng vị trí.
5. Đối với đất nông nghiệp khác: Được xác định bằng hệ số điều chỉnh đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác liền kề cùng khu vực.
6. Đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Được xác định bằng hệ số điều chỉnh đối với đất rừng sản xuất tại khu vực lân cận.
7. Trường hợp bổ sung giá đất trong Bảng giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất ($K = 1,0$) đối với các đoạn đường, tuyến đường được bổ sung mới.
8. Trường hợp tên đường, đoạn đường trong Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh, sửa đổi thì tên đường, đoạn đường tại Quyết định này cũng được thay đổi tương ứng mà không làm thay đổi hệ số điều chỉnh giá đất đã quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/6/2022 và thay thế Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.



Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC I:

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 16 /2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
I	THÀNH PHỐ GIA NGHĨA			
I.1	Phường Nghĩa Tân			
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường vào Bộ đội Biên phòng	Hết ngã ba Sùng Đức + 100m	1,20
		Hết ngã ba Sùng Đức + 100m	Hết đường đôi (cầu Đăk Tih 2)	1,20
2	Quốc lộ 14	Hết đường đôi (cầu Đăk Tih 2)	Hết địa phận thành phố Gia Nghĩa	1,20
3	Đường 23/3	Đường Nguyễn Tất Thành (đường vào Bộ đội Biên phòng)	Tịnh xá Ngọc Thiện	1,94
		Tịnh xá Ngọc Thiện	Cầu Đăk Nông	1,50
4	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường 23/3 (cầu Đăk Nông)	Đường 23/3 (quán lẩu bò Thắng)	
			Tà luy dương	1,60
			Tà luy âm	1,55
5	Đường Quang Trung	Đường 23/3	Ngã ba giao nhau với đường 3/2	
			Tà luy dương	1,70
			Tà luy âm	1,65
		Ngã ba giao nhau với đường 3/2	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,65
6	Đường Lê Duẩn (Đăm Bri cũ)	Đường Nguyễn Tất Thành (Ngã ba Sùng Đức)	Ngã tư Lê Duẩn (Văn phòng - Nhà điều hành dự án Thủy điện Đăk Tih)	2,00
		Ngã tư Lê Duẩn (Văn phòng - Nhà điều hành dự án Thủy điện Đăk Tih)	Hết đường	1,70
7	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung (Trụ sở UBND phường Nghĩa Tân)	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
8	Đường 3/2 (đường vào Trung tâm hành chính thành phố Gia Nghĩa)	Đường Quang Trung	Hết đường 3/2	
			Tà luy dương	1,55
			Tà luy âm	1,55
9	Đường Phan Kế Bính	Đường Lê Duẩn	Hết đường Phan Kế Bính	1,45
10	Đường Tô Hiến Thành	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường Tô Hiến Thành	
			Tà luy dương	1,45
			Tà luy âm	1,45
11	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Quang Trung	Đường Tô Hiến Thành	1,45
		Đường Tô Hiến Thành	Đường Lê Duẩn	1,45

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
12	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba Trần Hưng Đạo - Nguyễn Trung Trực	Ngã tư Trần Hưng Đạo - Nguyễn Trung Trực - đường 41	
			Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,40
13	Đường Cao Bá Quát	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Hưng Đạo	1,40
14	Đường Võ Văn Tần	Hết đường		1,40
15	Đường vào TDP 4, phường Nghĩa Tân (đường số 90)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết đường nhựa	
			Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,40
16	Đường nhựa (Lê Thánh Tông cũ)	Giáp ranh giới phường Nghĩa Trung	Thủy điện Đăk Nông (hết đường nhựa)	1,00
		Giáp ranh giới phường Nghĩa Trung (gần ngã ba thủy điện)	Cầu gậy (giáp ranh xã Đăk Nia)	1,30
17	Khu Tái định cư Sùng Đức	Nội các Tuyến đường nhựa		
		Tà luy dương		1,40
		Tà luy âm		1,40
18	Khu Tái định cư Biên Phòng	Nội các tuyến đường đất		1,00
19	Khu Tái định cư Công An	Nội các tuyến đường nhựa		1,00
20	Khu Tái định cư Ngân hàng	Nội các tuyến đường nhựa		1,00
21	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc Nam giai đoạn 2)	Đường 23/3	Suối Đăk Nông (cũ)	1,00
22	Đất ở các khu dân cư còn lại			
22.1	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông	Tổ dân phố 1, 2		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
22.2	Đất ở ven các đường đất thông 2 đầu	Tổ dân phố 1, 2		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
22.3	Đất ở ven các đường đất cụt	Tổ dân phố 1, 2		1,25
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,10
23	Đường nội bộ khu tái định cư Công an tỉnh (tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành thuộc Tổ dân phố 4)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết các đường nội bộ	1,20
24	Đường Tổ dân phố 2	Đường Quang Trung	Hết Công an thành phố	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
		Hết Công an thành phố	Đường Trần Hưng Đạo	
			Tà luy dương	1,10
		Tà luy âm	1,10	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
25	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Giáp ranh phường Nghĩa Phú	Giáp ranh phường Nghĩa Trung	
			Tà luy dương	1,30
			Tà luy âm	1,30
26	Quốc lộ 14 cũ	Ngã rẽ vào Công ty Văn Tứ	Đường Nguyễn Tất Thành	1,50
I.2	Phường Nghĩa Phú			
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Quảng Thành	Khách sạn Hồng Liên	1,20
		Khách sạn Hồng Liên	Đường Hai Bà Trưng	1,20
		Đường Hai Bà Trưng	Đường vào Bộ đội Biên phòng	1,20
		Đường vào Bộ đội Biên phòng	Cây xăng Nam Tây Nguyên	1,20
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba rẽ vào Công ty Văn Tứ	1,20
		Ngã ba rẽ vào Công ty Văn Tứ	Hết đường đôi (cầu Đắc Tih 2)	1,20
2	Quốc lộ 14	Hết đường đôi (cầu Đắc Tih 2)	Hết ranh giới thành phố Gia Nghĩa	1,20
3	Đường Lê Hồng Phong (đường vào mỏ đá 739 cũ)	Đường vòng cầu vượt	Hết Công an phường Nghĩa Phú	
			Tà luy dương	1,45
			Tà luy âm	1,40
		Hết Công an phường Nghĩa Phú	Hết đường	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
4	Đường vòng cầu vượt	Cầu vượt	Đường Nguyễn Tất Thành	1,20
5	Đường An Dương Vương (đường đi xã Đắc R'Moan)	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Ngã ba đường mới đi vào xã Đắc R'Moan	1,30
		Ngã ba đường mới đi vào xã Đắc R'Moan	Giáp ranh giới xã Đắc R'moan	1,10
6	Đường An Dương Vương cũ (đoạn đường cụt)	Ngã ba đường An Dương Vương đi vào xã Đắc R'Moan	Bờ kè thủy điện Đắc R'Tih	1,30
7	Đường vành đai Tổ dân phố 1	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Giáp ranh giới phường Quảng Thành	1,30
8	Đường Tổ dân phố 2	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết Công an tỉnh	1,20
		Hết Công an tỉnh	Dự án khu tái định cư Công an tỉnh	1,40
		Dự án khu tái định cư Công an tỉnh	Giáp ranh giới phường Quảng Thành	1,40
9	Đường Tổ dân phố 3	Công an tỉnh	Doanh trại cơ quan quân sự thành phố	
			Tà luy dương	1,50
			Tà luy âm	1,50
10	Đường Tổ dân phố 4	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết Hội trường Tổ dân phố 4	1,40
		Hết Hội trường Tổ dân phố 4	Đập nước (hết đường nhựa)	1,30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
11	Đường Quốc lộ 14 (cũ) đoạn đi qua Công ty Văn Tứ	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành rẽ vào Công ty Văn Tứ	Hết đường giáp ngã ba đường Nguyễn Tất Thành	1,50
12	Đường Tô dân phố 7	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh xã Đăk R'Moan	1,40
13	Đường đi vào khu biên phòng và nội khu tái định cư			1,30
14	Đất ở các khu dân cư còn lại			
14.1	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông	Tổ dân phố 5		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
14.2	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu	Tổ dân phố 5		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
14.3	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)	Tổ dân phố 5		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
15	Đường nội bộ khu tái định cư Ban chỉ huy Quân sự thành phố Gia Nghĩa			1,50
16	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa		Tà luy dương	1,08
			Tà luy âm	1,06
I.3 Phường Nghĩa Đức				
1	Đường 23/ 3	Cầu Đăk Nông	Hết Sở Kế hoạch và Đầu tư	2,00
		Hết Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đường Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	2,00
2	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Đường 23/3	Bùng binh	2,00
3	Đường Hùng Vương	Bùng binh	Đường Hàm Nghi	1,50
4	Đường N'Trang Long (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường 23/3	Ngã ba Nguyễn Trãi (nhà công vụ cũ)	1,10
		Ngã ba Nguyễn Trãi (nhà công vụ cũ)	Cầu Bà Thống	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
		Cầu Bà Thống	Đường rẽ vào UBND phường	
			Tà luy dương	1,60
			Tà luy âm	1,60
		Đường rẽ vào UBND phường	Hết đường	
5	Đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường N'Trang Long (Ngã ba nhà công vụ cũ)	Đường 23/3 (chân cầu Đăk Nông cũ)	1,60
		Ngã tư, Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ)	Đường 23/3 (chân cầu Đăk Nông mới)	1,60
6	Đường sau nhà Công vụ cũ	Ngã ba đường đi cầu Bà Thống	Hết đường nhựa	1,50
		Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ - Ngã tư Tổ 1, Khối 5)	Chân bờ kè hồ	1,30
		Hết đường nhựa	Đoạn đường đất còn lại	1,30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
7	Đường bên hông nhà Công vụ cũ	Đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường sau nhà Công vụ cũ	1,50
8	Đường vào Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường 23/3 (gần đường Nguyễn Văn Trỗi)	Công Trường Nguyễn Thị Minh Khai	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
9	Đường vào các tổ an ninh, tổ dân phố	Cầu Bà Thống	Đường Lương Thế Vinh (rẽ phải đến giáp ranh khu tái định cư đồi Đắc Nur)	1,40
		Cầu Bà Thống	Rẽ trái đến đường N'Trang Long	1,40
10	Đường Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	Km 0 (đường 23/3)	Đường vào bệnh xá	1,50
		Đường vào bệnh xá	Ngã ba bà mù	1,40
		Ngã ba bà mù	Đường vào cổng trại giam	1,40
		Đường vào cổng trại giam	Km 4	1,20
11	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Km 4 (tiếp giáp với đường Trần Phú)	Km 6 (giáp ranh xã Đắc Ha)	
			Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,40
12	Đường Lý Thái Tổ (đường D1 cũ)	Đường 23/3	Hết đường nhựa	
			Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,40
		Đường Lương Thế Vinh	Hết đường nhựa (ngã 3)	
			Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,40
		Hết đường nhựa	Khu tái định cư Đắc Nur B	
	Tà luy dương	1,40		
	Tà luy âm	1,40		
13	Đường Ama Jhao (đường D2 cũ) + Đường Cao Thắng	Đường 23/3	Hết đường vòng nối với đường 23/3 (gần Sở Nội vụ)	
			Tà luy dương	1,50
			Tà luy âm	1,50
14	Đường hèm nối với đường Ama Jhao	Ngã ba đường hèm nối với đường Ama Jhao	Hết đất nhà ông Trần Văn Diêu	1,40
15	Đường Nguyễn Khuyến	Đường N'Trang Long	Đường Lương Thế Vinh	1,50
16	Đường Lương Thế Vinh	Đường N'Trang Long	Hết đường Lương Thế Vinh	
			Tà luy dương	1,50
			Tà luy âm	1,40
17	Đường Hàm Nghi	Đường Hùng Vương	Đường Tân Đà	1,40
18	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Hàm Nghi (Trục D1)	Đường Y Jút (Trục N3)	1,00
19	Đường Tân Đà	Đường Hàm Nghi	Đường Y Jút (Trục N3)	1,40
20	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,40
21	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,40
22	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,40

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
23	Đường Y Jút	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Giáp đường dây 500Kv (hết đường)	1,40
24	Đường Nguyễn Trường Tộ	Ngã năm Hoàng Diệu - Nguyễn Thượng Hiền	Đường Hoàng Diệu	1,40
25	Đường Hoàng Diệu	Ngã năm Nguyễn Thượng Hiền - Nguyễn Trường Tộ	Đường Y Jút (giáp đường dây 500Kv)	1,00
26	Khu Tái định cư đồi Đắc Nur	Nội các tuyến đường nhựa		
		Tà luy dương		1,40
		Tà luy âm		1,40
27	Đất ở các khu dân cư còn lại			
27.1	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông	Tổ dân phố 1, 2		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
27.2	Đất ở ven các đường đất thông 2 đầu	Tổ dân phố 1, 2		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
27.3	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)	Tổ dân phố 1, 2		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
28	Đường bê tông sau trại giam Công an tỉnh (TDP5)			1,40
29	Khu tái định cư Công An	Nội tuyến đường nhựa	Tà luy dương	1,50
			Tà luy âm	1,50
30	Khu tái định cư Đắc Nĩa	Trục đường sau đồi đất sét (Nội tuyến đường nhựa)	Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,40
31	Khu tái định cư Đắc Nur B	Nội tuyến đường nhựa	Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,40
I.4	Phường Nghĩa Thành			
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Quảng Thành	Đường Phan Bội Châu	1,40
		Đường Phan Bội Châu	Đường Hai Bà Trưng	1,40
		Đường Hai Bà Trưng	Đường vào Bộ đội biên phòng	1,45
2	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	1,60
		Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	Đường 23/3	1,60
3	Đường 23/3	Đường Nguyễn Tất Thành (đường vào bộ đội biên phòng)	Đường Hai Bà Trưng (Ngã tư hồ thiên Nga)	1,65
		Đường Hai Bà Trưng (Ngã tư hồ thiên Nga)	Cầu Đắc Nông	1,33
4	Đường Ngô Mây	Đường Lý Tự Trọng	Ngã ba vào thôn Nghĩa Bình	1,40
		Đường Tống Duy Tân	Ngã ba vào thôn Nghĩa Bình	1,30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
5	Đường Tổng Duy Tân	Đường Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	
			Tà luy dương	1,35
			Tà luy âm	1,35
6	Đường Nguyễn Tri Phương (Hùng Vương cũ)	Đường Chu Văn An	Đường 23/3	
			Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,40
7	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trương Công Định cũ)	Đường 23/3 - Nguyễn Tri Phương	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	1,80
8	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Cổng trại giam công an huyện (cũ)	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	1,80
		Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Hết chợ thành phố	1,80
		Hết chợ thành phố	Vào 50m (đường đi vào chùa Pháp Hoa)	1,40
9	Đường đi sân Bay cũ	Ngã ba chùa Pháp Hoa (Hùng Vương cũ)	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	1,40
10	Đường Lý Tự Trọng	Đường Chu Văn An	Đường Đào Duy Từ	1,40
11	Đường Bà Triệu	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	1,80
12	Đường Đào Duy Từ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Mây	2,00
13	Đường Chu Văn An	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Tri Phương	1,70
		Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1,70
14	Đường Võ Thị Sáu	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	Hết nhà hộ sinh Đức Hạnh	
			Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,40
		Hết nhà hộ sinh Đức Hạnh	Đường Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	
			Tà luy dương	1,30
		Tà luy âm	1,30	
15	Đường Quanh Chợ	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Đường Bà Triệu	1,80
16	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	
			Tà luy dương	1,30
			Tà luy âm	1,30
17	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	1,40
		Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	Hết đường	
			Tà luy dương	1,30
			Tà luy âm	1,30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
18	Đường trước Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Đường Mạc Thị Bưởi	Hết đường nhựa	1,30
19	Đường Phan Bội Châu (đường liên thôn Nghĩa Tín cũ)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Hết đường (1.310m)	1,00
20	Đường vào Nghĩa Bình	Ngã ba Phan Bội Châu (ngã ba Nghĩa Tín cũ)	Ngã ba Nghĩa Bình	1,00
21	Đường Tôn Đức Thắng (Trục Bắc - Nam và một đoạn Hai Bà Trưng cũ)	Đường Phan Bội Châu	Đường đất (nhà hàng Dốc Vống)	
		Tà luy dương		1,50
		Tà luy âm		1,50
		Đường đất (nhà hàng Dốc Vống)	Ngã tư đường Ngô Mây	
			Tà luy dương	1,50
			Tà luy âm	1,50
		Ngã tư đường Ngô Mây	Hết điện máy xanh	1,50
		Hết điện máy xanh	Đường Chu Văn An	
			Tà luy dương	1,50
	Tà luy âm	1,50		
22	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	Ngã ba đường lên Sân Bay giao với đường Tôn Đức Thắng	Đường Võ Thị Sáu	1,60
		Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Viết Xuân (đường TDP 3)	1,70
		Đường Nguyễn Viết Xuân (đường TDP 3)	Đường 23/3	
			Tà luy dương	1,70
			Tà luy âm	1,70
23	Đường nhựa	Đường Chu Văn An	Đường Lý Tự Trọng	1,91
24	Đường vành đai hồ phường Nghĩa Thành			1,30
25	Đường nội thị	Giáp đường Tôn Đức Thắng	Trường THCS Trần Phú	1,20
		Giáp đường Tôn Đức Thắng	Nhà ông Cư	1,20
		Ngã ba Ngô Mây (nhà ông Luân)	Nhà ông Hào	1,20
		Đường Ngô Mây (Trạm y tế)	Đường Tống Duy Tân (nhà ông Luyện) đến đường chính	1,50
		Chợ vào 50m (đường đi vào chùa Pháp Hoa)	Chùa Pháp Hoa	1,20
		Nhà ông Dũng Tầm	Nhà Thủy Lân	1,20
26	Đất ở các khu dân cư còn lại			
26.1	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông	Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 10		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
26.2	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu	Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 10		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
26.3	Đất ở ven các đường đất cụt	Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 10		1,10
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
I.5	Phường Nghĩa Trung			
1	Đường 23/3	Cầu Đắc Nông	Ngân hàng BIDV	1,90
		Ngân hàng BIDV	Đường Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	2,47
2	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Đường 23/3	Đường Hùng Vương	1,97
3	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Lê Lợi cũ)	Đường 23/3	Đường Trần Hưng Đạo	1,50
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thánh Tông	
			Tà luy dương	1,50
			Tà luy âm	1,50
4	Đường Lê Lai	Đường 23/3 (vào Tỉnh ủy)	Ngã ba Tỉnh ủy (đường Trần Hưng Đạo)	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
5	Đường Điện Biên Phủ	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Hết đất Khách sạn Sunrise	1,50
		Hết đất Khách sạn Sunrise	Ngã ba nhà ông Tường Văn Viên	1,50
6	Đường Y Bih Alêô (N'Trang Long cũ)	Đường Lê Thị Hồng Gấm (đường 23/3 cũ)	Cổng Trường Nội trú N'Trang Long (đường vào khách sạn Lost)	
			Tà luy dương	1,30
			Tà luy âm	1,30
		Cổng Trường Nội trú N'Trang Long (đường vào khách sạn Lost)	Hết điện lực Gia Nghĩa	
			Tà luy dương	1,72
			Tà luy âm	1,60
		Hết điện lực Gia Nghĩa	Đường Tôn Đức Thắng (Lê Thánh Tông cũ)	
			Tà luy dương	1,72
7	Đường Lê Thánh Tông	Đường 23/3	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc-Nam giai đoạn 2)	
			Tà luy dương	1,30
			Tà luy âm	1,30
8	Đường Phạm Văn Đồng (Lê Thánh Tông cũ)	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc-Nam giai đoạn 2)	Nghĩa địa	1,20
		Nghĩa địa	Ngã ba (đường vào Thủy điện Đắc Nông)	1,30
		Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Hàm Nghi	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
9	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 28 cũ)		Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,45
		Đường Hàm Nghi	Hết Bệnh viện	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
		Hết Bệnh viện	Cầu lò gạch (hết đường đôi)	
			Tà luy dương	1,20
		Tà luy âm	1,20	
10	Đường Điều Ong (đường trước Trung tâm Hội nghị tỉnh)	Đường 23/3	Đường Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	1,20
11	Đường Phan Đăng Lưu (đường N1 cũ)	Ngã ba Tinh úy (đoạn giao đường Nguyễn Văn Trỗi và đường Lê Lai)	Ngã 3 đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
12	Đường Vũ Anh Ba (đường N3 cũ)	Đường Phan Đăng Lưu (đường N1 cũ)	Đường Điều Ong	1,20
13	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	Ngã ba Tinh úy	1,20
14	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 28 cũ)	Hết đường nhựa cũ	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
15	Đường Tân Đà (trục N1 cũ)	Đường Hàm Nghi	Đường Trần Khánh Dư	1,20
16	Đường Nguyễn Hữu Thọ (trục N2)	Đường Hàm Nghi (trục D1)	Đường Y Jút (trục N3)	1,20
17	Đường Y Jút (trục N3)	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Tôn Thất Tùng (trục N7)	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
18	Đường Kim Đồng	Đường Hàm Nghi	Đường Tôn Thất Tùng	1,20
		Đường Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Phùng	1,20
19	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Kim Đồng	Đường Hoàng Diệu	1,20
20	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tân Đà	Giao của đường Y Jút - Tôn Thất Tùng	1,20
21	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Y Jút	1,20
22	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,20
23	Đường Trần Nhật Duật	Đường Kim Đồng và Nguyễn Thượng Hiền	Đường Phan Đình Phùng	1,20
24	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Ngã năm Y Jút và Tôn Thất Tùng	1,20
25	Đường Hàm Nghi	Đường Hùng Vương	Đường Tôn Thất Tùng	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
26	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Hoàng Diệu	Giao giữa Nguyễn Thượng Hiền và Hoàng Diệu	1,20
27	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Hàm Nghi	Đường Tôn Thất Tùng	1,20
		Đường Tôn Thất Tùng	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,20
28	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Hùng Vương	Giao giữa Phan Đình Phùng và Trần Khánh Dư	1,20
29	Đường Phan Đình Phùng	Giao giữa Tôn Thất Tùng và Hoàng Diệu	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,20
30	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	Đường Hùng Vương	Đường Phan Đình Phùng	1,20
31	Đường Phan Đình Giót	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Y Nuê	1,20
32	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,20
33	Đường Y Nuê	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,20
34	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Y Nuê	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,20
35	Đường Trục N21	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Phan Đình Phùng	1,20
36	Đường Ngô Tất Tố	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,20
37	Đường nhựa giao nhau với đường Nguyễn Hữu Thọ (song song với đường Y Jút, nằm trong khu tái định cư Đắc Nĩa)			1,00
38	Đường đất (giáp bưu điện tỉnh và Công ty Gia Nghĩa)	Đường 23/3	Chân cầu Đắc Nông	1,00
39	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc Nam giai đoạn 2)	Suối Đắc Nông	Cuối đường	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
40	Đường nhựa (Lê Thánh Tông cũ)	Ngã ba (đường vào Thủy điện Đắc Nông)	Giáp ranh giới phường Nghĩa Tân	1,20
		Ngã ba (đường vào Thủy điện Đắc Nông)	Cầu gãy (giáp ranh xã Đắc Nĩa)	1,20
41	Đường vào khu tái định cư 23 ha	Đường Phan Đăng Lưu	Khu tái định cư 23 ha (hết Trường Chính trị tỉnh)	1,20
42	Đất ở khu tái định cư 23 ha (giai đoạn 1)	Nội các Tuyến đường nhựa		
		Tà luy dương		1,20
		Tà luy âm		1,20
43	Đất ở khu tái định cư 23 ha (giai đoạn 2)	Nội Tuyến đường nhựa (Trục số 5)		1,20
		Nội các Tuyến đường nhựa		
		Tà luy dương		1,20
		Tà luy âm		1,20
44	Đất ở các khu dân cư còn lại			
44.1	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông còn lại	Tổ dân phố 2, 3		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
44.2	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu	Tổ dân phố 2, 3		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20
44.3	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)	Tổ dân phố 2, 3		1,20
		Các tổ dân phố còn lại của phường		1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
45	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa		Tà luy dương	1,30
			Tà luy âm	1,08
46	Đường nối bệnh viện Đa khoa tỉnh	Đoạn nối tiếp đường Võ Văn Kiệt (hết đường nhựa)	Đường Phạm Văn Đồng	
			Tà luy dương	2,00
			Tà luy âm	2,00
47	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Tôn Đức Thắng	Hết đường	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
48	Đường nhựa	Trung tâm giáo dục thường xuyên (đường Y Bih Alêô)	Hết đường nhựa	1,20
49	Các đường bê tông trong khu An Phương			1,20
1.6	Phường Quảng Thành			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới huyện Đắk Song	Hết cây xăng dầu Quang Phước	1,00
		Hết cây xăng dầu Quang Phước	Đầu đường đôi (đường Nguyễn Tất Thành)	1,20
		Đầu đường đôi (đường Nguyễn Tất Thành)	Giáp ranh giới phường Nghĩa Thành	1,80
2	Đường liên thôn	Giáp phường Nghĩa Phú (khu nhà ở Công an tỉnh)	Giữa ngã 3 đầu rẫy bà Cúc	1,10
		Giữa ngã 3 đầu rẫy bà Cúc	Ngã ba Trảng Tiến	1,00
		Giáp phường Nghĩa Phú (Mỏ đá)	Hết ranh đất hội trường TDP Tân Tiến	1,10
		Hết ranh đất hội trường TDP Tân Tiến	Ngã ba Trảng Tiến	1,00
		Quốc lộ 14	Thủy điện Việt Nguyên (Đắk Nông 1)	1,00
		Đường vào khu hành chính phường (UBND phường giáp Quốc lộ 14)		1,00
		Đường vành đai Quảng Thành (giáp phường Nghĩa Phú)	Ngã 3 đường đất qua đồi thông	
			Tà luy dương	3,59
			Tà luy âm	3,59
		Đường vành đai Quảng Thành (giáp phường Nghĩa Phú)	Giáp xã Đắk R'moan	
	Tà luy dương	1,00		
	Tà luy âm	1,00		
3	Đường đôi ngoại	Cầu nhà bà Bé	Suối gần rẫy nhà ông Hùng (Sâm)	1,00
		Suối gần rẫy nhà ông Hùng (Sâm)	Hết rẫy ông Nông Văn Sâm	1,00
		Hết rẫy ông Nông Văn Sâm	Giáp ranh TDP Nghĩa Lợi	1,00
		Giáp ranh TDP Nghĩa Lợi	Hết đường nhựa TDP Nghĩa Lợi	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
4	Đường TDP Nghĩa Tín đi phường Nghĩa Đức	Đường nhựa nối tiếp đường đối ngoại	Giáp ranh phường Nghĩa Đức	1,00
5	Đường nội thôn	Giáp phường Nghĩa Thành	Cầu Lò Gạch	1,20
		Thủy điện Việt Nguyên (Đắk Nông 1)	Cuối đường bê tông	1,20
		TDP Nghĩa Tín	TDP Nghĩa Hòa	1,20
		Đất ở khu dân cư còn lại TDP: Nghĩa Tín, Nghĩa Hòa, Tân Tiến, Tân Lập, Tân Thịnh (đường thông 2 đầu)		1,20
		Đất ở khu dân cư còn lại TDP: Nghĩa Tín, Nghĩa Hòa, Tân Tiến, Tân Lập, Tân Thịnh (đường cụt)		1,20
6	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông nông thôn còn lại	Tà luy dương	1,00	
		Tà luy âm	1,00	
7	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Giáp Quốc lộ 14	Ngã tư đường tránh với đường Tổ dân phố 1 của phường Nghĩa Phú nối dài (cách QL14 1,1 km)	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,00
		Ngã tư đường tránh với đường tổ dân phố 1 của phường Nghĩa Phú nối dài (cách QL14 1,1 km)	Giáp xã Đắk R'Moan	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,00
I.7	Xã Đắk Nia			
1	Quốc lộ 28	Cầu Lò Gạch (giáp ranh phường Nghĩa Trung)	Đất nhà ông Tân	1,10
		Đất nhà ông Tân	Ngã ba đường vào Trường Phan Bội Châu	1,20
		Ngã ba đường vào Trường Phan Bội Châu	Ngã ba đường vào trụ sở UBND xã	1,00
		Ngã ba đường vào trụ sở UBND xã	Đất nhà bà Ánh	1,20
		Đất nhà bà Ánh	Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng	1,00
		Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng	Ngã ba đường vào Bon Srê Ú	1,00
		Ngã ba đường vào Bon Srê Ú	Giáp ranh xã Quảng Khê	1,00
2	Các tuyến đường nhựa liên thôn, liên xã			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2.1	Đường vành đai vào thôn Đồng Tiến đi thôn Cây Xoài; Tổ dân phố 5, phường Nghĩa Tân	Ngã ba đường vào thôn Đồng Tiến (Đầu nối với Quốc lộ 28)	Ngã ba nhà bà Ân	1,10
		Ngã ba nhà bà Ân	Hết đường (Ngã ba cầu gậy)	1,00
2.2	Đường vành đai vào thôn Nghĩa Thuận, thôn Nam Rạ đến giáp ranh phường Nghĩa Đức	Đoạn đầu nối Quốc lộ 28	Ngã ba đường vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông	1,10
		Ngã ba đường vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông	Ngã ba nhà ông Cao Văn Hường (thôn Nam Rạ)	1,00
		Ngã ba nhà ông Cao Văn Hường (thôn Nam Rạ)	Giáp ranh phường Nghĩa Đức	1,10
2.3	Các tuyến đường nhánh từ Quốc lộ 28 đi vào trung tâm các thôn, bon	Đường vào bon Phai Col Pru Đăng (Đầu nối với Quốc lộ 28)	Cổng chào Nghĩa trang thành phố	1,00
		Đường vào bon Bu Sop, Njriêng	Đầu nối với Quốc lộ 28	1,00
		Đường từ điện tử Lượng	Ra thôn Nghĩa Thuận	1,00
		Đường trước cửa UBND hướng ra trường Hòa Mi	Điện tử Lượng	1,00
		Đường vào thôn Đắk Tân	Giáp ranh xã Đắk Ha	1,00
		Đường vào Trang trại Gia Trung (bon Srê Ú, đầu nối đường Quốc lộ 28)	Ngã ba thôn Đắk Tân	1,00
		Đường vào thôn Phú Xuân	Hết đường nhựa	1,00
		Đường vào bon Srê Ú	Hết đường nhựa	1,00
	Đường TDP Nghĩa Hòa (Đầu nối với Quốc lộ 28)	Hết đường bê tông	1,00	
3	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại			1,20
4	Đất ở tại các tuyến đường đất	Đường đất cụt		1,20
		Đường đất thông hai đầu		1,20
5	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,20
6	Khu tái định cư Làng Quân nhân		Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
7	Tái định cư Đắk Nia - Đường vành đai			1,20
8	Đường nhựa thôn Cây Xoài	Cầu gậy	Dốc 3 tầng	1,00
9	Đường Hoàng Diệu			1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
I.8	Xã Đăk R'moan			
1	Đường liên phường Nghĩa Phú - Đăk R'moan			1,00
2	Đất ở ven các đường nhựa liên thôn, liên xã			1,20
3	Đất ở ven các đường đất thông 2 đầu			1,20
4	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)			1,20
5	Khu tái định cư Thủy điện Đăk R'tih			1,00
6	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Giáp phường Nghĩa Phú	Km 7	
		Tả luy dương		1,50
		Tả luy âm		1,40
		Km 7	Km 5	
		Tả luy dương		1,30
		Tả luy âm		1,20
		Km 5	Giáp ranh phường Quảng Thành	
		Tả luy dương		1,25
Tả luy âm		1,30		
7	Đất ven đường nhựa, đường bê tông còn lại			1,20
II	HUYỆN ĐĂK R'LÁP			
II.1	Thị trấn Kiến Đức			
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Ranh giới xã Kiến Thành	Ngã ba đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	1,20
		Ngã ba đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Chu Văn An	1,20
		Ngã ba đường Chu Văn An	Ngã ba đường Lê Hữu Trác - Nguyễn Tất Thành	1,60
		Ngã ba đường Lê Hữu Trác - Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành	1,40
		Km 0 (Ngã ba đường Trần Phú)	Ngã ba đường vào chùa Liên Hoa	1,20
		Ngã ba đường vào chùa Liên Hoa	Ranh giới xã Kiến Thành (đường Nguyễn Tất Thành)	1,20
2	Đường Lê Thánh Tông	Ngã ba đường Lê Hữu Trác - Lê Thánh Tông	Đường vào lò mổ (tả luy dương)	2,00
		Ngã ba đường Lê Hữu Trác - Lê Thánh Tông	Đường vào lò mổ (tả luy âm)	1,30
		Km 0 (ngã ba đường vào lò mổ - Lê Thánh Tông)	Đất nhà bà Thanh	1,40
		Đất nhà bà Thanh	Hết điểm quy hoạch	1,40
		Đất nhà bà Thanh	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	1,40
		Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết đất nhà ông Vũ Duy Biểu	
			Tả luy dương	1,40
			Tả luy âm	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
3	Đường N'Trang Long	Hết đất nhà ông Vũ Duy Biểu	Ngã ba đường Nguyễn Du	
			Tà luy dương	1,40
			Tà luy âm	1,00
		Ngã ba đường Nguyễn Du	Cầu Thủy Tạ	1,50
		Cầu Thủy Tạ	Ngã ba đường Phan Chu Trinh	1,20
		Ngã ba đường Phan Chu Trinh	Ngã ba đường vào xóm 1 tổ 4	1,20
		Ngã ba đường vào xóm 1 tổ 4	Giáp ranh xã Quảng Tân	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
4	Đường Lê Hữu Trác	Ngã ba Nguyễn Tất Thành	Cổng Trung tâm y tế huyện	1,40
		Cổng Trung tâm y tế huyện	Ngã ba đường vào xóm 2 tổ 8	1,40
		Ngã ba đường vào xóm 2 tổ 8	Hết đất nhà ông Hoàng Thọ Huy	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
		Hết đất nhà ông Hoàng Thọ Huy	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
		Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường N'Trang Long	
	Tà luy dương	1,20		
	Tà luy âm	1,20		
5	Đường Trần Phú	Ngã ba đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh giới xã Kiến Thành	1,20
6	Đường Võ Thị Sáu	Ngã ba đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh giới xã Kiến Thành đường Võ Thị Sáu	1,20
7	Đường Phan Chu Trinh	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành	Đập thủy điện Đắc Tăng	1,20
8	Đường Chu Văn An	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Chu Văn An (Km 0)	Giáp đường Nguyễn Khuyến	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
9	Đường Nguyễn Du	Đường N'Trang Long	Đường Nguyễn Tất Thành	1,20
10	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Khuyến	1,20
11	Đường Nguyễn Khuyến	Ngã ba N'Trang Long	Ngã ba Nguyễn Khuyến - Chu Văn An	1,20
		Ngã ba Nguyễn Khuyến - Chu Văn An	Hết Tô dân phố 2 giáp hồ thủy điện	1,20
12	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường N'Trang Long	Hết đất nhà ông Đoàn Văn Hòa	1,20
		Hết đất nhà ông Đoàn Văn Hòa	Hết đường	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
13	Đường Phan Chu Trinh	Km 0 đường N'Trang Long	Ngã ba nhà ông Nguyễn Tôn Tuấn	1,20
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Tôn Tuấn	Giáp ranh xã Kiến Thành	1,20
14	Đường Hai Bà Trưng	Đường N'Trang Long (Đập nước Đắc BLao)	Trung tâm Y tế huyện (Điểm dân cư số 5 đường Lê Hữu Trác	1,20
15	Đường Hùng Vương	Ngã ba Hùng Vương - Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Hùng Vương - Trần Phú	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
16	Đường Ngô Quyền	Ngã ba Chu Văn An - Ngô Quyền	Ngã ba Ngô Quyền - Nguyễn Tất Thành	1,20
17	Đường Lê Lợi (Điểm dân cư số 4)		Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
18	Đường liên khu phố	Km 0 ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Hội trường Tổ dân phố 3	1,20
		Hội trường Tổ dân phố 3	Đường Trần Hưng Đạo	1,20
19	Đường vào đôi thông tổ 6	Km0	Đất nhà bà Võ Thị Ngọc	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
		Đất nhà bà Võ Thị Ngọc	Hết đường	1,20
20	Đường vào nhà máy nước đá	Ngã ba Quốc lộ 14	Giáp ranh giới Kiến Thành	1,20
21	Đường vành đai bệnh viện	Cổng bệnh viện	Giáp đường Lê Hữu Trác	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
22	Đường vào Trường Dân tộc nội trú	Ngã ba đường Phan Chu Trinh	Hết Trường Dân tộc nội trú	1,20
		Hết Trường Dân tộc nội trú	Hết đường	1,20
23	Đường xóm 4, Tổ 2	Đất nhà ông Kỳ	Hết đường xóm 4, Tổ 2	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
24	Hẻm 6, Tổ 2	Đường Chu Văn An	Đất nhà ông Nam	1,20
25	Ngã ba nhà ông Thu	Đường Nguyễn Tất Thành ngã ba nhà ông Thu	Giáp đường Nguyễn Du	1,20
26	Đường Tổ 5	Ngã ba Võ Thị Sáu đi thôn 7 xã Kiến Thành	Hết đường	1,20
27	Đường xóm 3 tổ 8	Ngã ba Lê Hữu Trác	Hết đường	1,20
28	Đường xóm 2 tổ 8	Ngã ba Lê Hữu Trác	Hết đường	1,20
29	Đường xóm 4 tổ 8	Ngã ba Lê Hữu Trác	Hết đường	1,20
30	Tổ dân phố 6 đến hội trường thôn 1 Kiến Thành	Quốc lộ 14	Giáp ranh Kiến Thành	1,20
31	Tổ dân phố 6	Quốc lộ 14 (ngã ba giáp đất nhà ông Nguyễn Tôn Cân)	Hết đường	1,20
32	Đường vào nghĩa trang	Đường Nơ Trang Long	Giáp nghĩa trang	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
33	Đất ở khu dân cư còn lại			1,00
34	Đường vào xóm Cà Mau (Bon Đắc B' Lao)	Ngã ba đường Lê Hữu Trác	Ngã ba giáp đất nhà ông Đậu Văn Thái	1,00
		Ngã ba giáp đất nhà ông Đậu Văn Thái	Giáp ranh xã Kiến Thành	1,00
35	Đường vào xóm 2, tổ 4	Ngã ba đường Nơ Trang Long	Ngã ba đất nhà ông Nguyễn Văn Tráng	1,00
36	Đường đi xã Kiến Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành (trạm y tế Kiến Đức cũ)	Giáp ranh xã Kiến Thành	1,00
II.2	Xã Kiến Thành			
1	Quốc Lộ 14			
1.1	Thị trấn Kiến Đức về xã Quảng Tín	<i>Bên phải</i>		
		Giáp ranh thị trấn Kiến Đức	Giáp đất nhà ông Lập	1,20
		Giáp đất nhà ông Lập	Ranh xã Quảng Tín	1,00
1.2	Thị trấn Kiến Đức về xã Quảng Tín	<i>Bên trái</i>		
		Giáp ranh thị trấn Kiến Đức	Giáp ranh đất nhà ông Sơn	1,20
		Giáp ranh đất nhà ông Sơn	Giáp ranh xã Quảng Tín	1,20
1.3	Thị trấn Kiến Đức - Nhân Cơ	Ranh giới Kiến Đức	Ranh giới Kiến Đức + 400 m	1,20
		Ranh giới Kiến Đức + 400 m	Đến ngã ba hầm đá	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
		Ngã ba vào hầm đá	Ranh giới xã Đắc Wer	1,20
2	Tỉnh lộ 5	Ranh giới thị trấn Kiến Đức	Nghĩa địa thôn 3	1,20
		Nghĩa địa thôn 3	Hết Trường học Lê Quý Đôn	1,20
		Hết Trường học Lê Quý Đôn	Nghĩa Địa thanh niên xung phong	1,20
		Nghĩa Địa thanh niên xung phong	Ranh giới xã Nghĩa Thắng	1,20
3	Đường thôn 7	Ranh giới Kiến Đức (đường dây 500KV)	Ngã ba Trường Trung học Võ Thị Sáu	1,10
		Ngã ba Trường Trung học Võ Thị Sáu	Giáp Đắc Wer	1,00
		Ngã ba Trường Phân hiệu Võ Thị Sáu	Ngã ba vào khu du lịch sinh thái	1,00
		Ngã ba vào khu du lịch sinh thái	Giáp Quốc lộ 14	1,20
4	Đường đi thôn 5, thôn 8	Thủy điện Đắc R'Tang	Giáp ranh xã Đắc Wer	1,30
		Ngã ba Quốc lộ 14	Đập thủy điện Đắc R'Tang	1,30
		Đất nhà ông Thêu	Ranh thị trấn Kiến Đức	1,30
		Quốc lộ 14 ngã ba trường 1	Nghĩa địa thôn 9	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
5	Đường đi thôn 9	Quốc lộ 14 đất nhà ông Chử	Khu quy hoạch xưởng cưa	1,00
		Khu quy hoạch đất giáo viên thôn 9		1,00
6	Đường vào hội trường thôn 1	Giáp ranh Kiến Đức	Hội trường thôn 1	1,00
7	Đường vào nghĩa địa thôn 2	Nhà ông Phạm Giai thôn 3	Nghĩa địa thôn 2	1,00
8	Đường vào cây đa Kiến Đức	Đường Hùng Vương		1,00
9	Đường thôn 7	Ranh giới Kiến Đức	Đất nhà ông Nguyễn Phương	1,00
10	Đường vào nhà nước đá Hương Giang Cũ	Ranh giới thị trấn Kiến Đức	Hết đường	1,00
11	Đường thôn 7	Ranh giới thị trấn Kiến Đức	Hết đất nhà ông Bình thôn 7	1,00
12	Đường vào Trạm Y tế Kiến Đức cũ	Ranh giới thị trấn Kiến Đức	Hội trường thôn 10	1,10
		Hội trường thôn 10	Giáp ranh xã Đắc Sơn	1,00
13	Đường thôn 3	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Nghĩa Thắng	1,00
14	Đường bê tông nhà bà Thẩm (giáp tỉnh lộ 5)	Giáp Tỉnh lộ 5	Hết đường	1,10
15	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,20
16	Đường vào xã Quảng Tân	Ngã ba nhà ông Sứ	Giáp ranh xã Quảng Tân	1,00
II.3	Xã Nhân Cơ			
1	Quốc Lộ 14	Ranh giới xã Đắc Wer	Đường vào tổ 9 thôn 7	1,20
		Đường vào tổ 9 thôn 7	Hết Trường Lê Đình Chinh	1,20
		Hết Trường Lê Đình Chinh	Ngã ba đường vào xã Nhân Đạo	1,10
		Ngã ba đường vào xã Nhân Đạo	UBND xã	1,20
		UBND xã	Cách ngã ba đường vào ngàm 18 (Hết đất nhà bà Đỗ Bé Năm)	1,20
		Cách ngã ba đường vào ngàm 18 (Hết đất nhà bà Đỗ Bé Năm)	Qua ngã ba đường vào ngàm 18 (Hết đất nhà bà Phương Tháo thôn 5)	1,20
		Qua ngã ba đường vào ngàm 18 (Hết đất nhà bà Phương Tháo thôn 5)	Cách ngã ba đường vào thác Diệu Thanh (Đến ranh giới đất nhà nghi Hồng Nhuận)	1,20
		Cách ngã ba đường vào thác Diệu Thanh (Đến ranh giới đất nhà nghi Hồng Nhuận)	Qua ngã ba đường vào thác Diệu Thanh (Đến hết cây xăng nhà ông Long)	1,20
		Qua ngã ba đường vào thác Diệu Thanh (Đến hết cây xăng nhà ông Long)	Cầu Đắc R'Tih (tà luy dương)	1,20
		Đất nhà ông Chi	Cầu Đắc R'Tih (tà luy âm)	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Các đường nhánh tiếp giáp với Quốc lộ 14			
2.1	Đường vào xã Nhân Đạo	Km 0 Quốc lộ 14	Hồ Nhân Cơ (Hết đất nhà bà Bảy)	1,20
		Hồ Nhân Cơ	Giáp ranh xã Nhân Đạo và Đắc Wer	1,20
		Trường Mẫu giáo Hoa Mai	Hết đất ông Bùi Văn Ngoan	1,20
		Nhà ông Họa	Đất nhà bà Đoàn Thị Tinh	1,20
2.2	Đường vào ngàm 18	Ngã ba Quốc lộ 14	Hết Trường Nguyễn Bình Khiêm	1,20
		Hết Trường Nguyễn Bình Khiêm	Ngàm 18	1,20
2.3	Đường vào thác Diệu Thanh	Ngã ba Quốc lộ 14	Hội trường thôn 8	1,20
		Hội trường thôn 8	Hết đường	1,20
2.4	Đường vào nghĩa địa thôn 8	Km 0 (Quốc lộ 14) - Hết đất nhà ông Phú	Giáp nghĩa địa thôn 8	1,20
2.5	Đường bên cạnh trụ sở lâm trường (Trụ sở UBND xã mới)	Km 0 (Quốc lộ 14)	Công chào bon Bù Dấp	1,20
2.6	Đường cạnh kho Loan Hiệp	Kho Loan Hiệp	Nhà bà Hồng	1,20
2.7	Đường vào bên cạnh ngân hàng	Ngã ba (Quốc lộ 14)	Hết đất nhà ông Hùng	1,20
2.8	Đường vào bên cạnh chợ	Ngã ba (Quốc lộ 14)	Giáp đất Nguyễn Văn Bạc	1,20
2.9	Đường vào sân bay	Ngã ba (Quốc lộ 14)	Đất nhà bà Vân + Hết đất nhà ông Toát	1,20
2.10	Đường cạnh nhà bà Là và bà Điệp	Đất nhà ông Ngạng	Đất nhà ông Tạ Văn Nam	1,20
2.11	Đường vào tổ 9b thôn 3	Ngã ba (Quốc lộ 14)	Hết đất nhà ông Lập + Hai nhánh đường còn lại	1,20
2.12	Đường vào tổ 8 thôn 7	Ngã ba Quốc lộ 14	Đất nhà bà Hồng + Hết đất nhà ông Tự	1,20
2.13	Đường vào tổ 1	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết nhà Vinh Lệ	1,20
2.14	Đường cạnh nhà ông Duyên	Km 0 (Quốc lộ 14) cạnh nhà ông Duyên	Nhà Vinh Lệ	1,20
2.15	Tuyến đường thôn 9	Km 0 (Quốc lộ 14) hết đất nhà bà Tạ Vũ Vi	Hết đất nhà bà Lê Thị Đào	1,20
2.16	Đường vào nhà máy mỹ	Quốc lộ 14	Ngã ba nhà máy bê tông Dìn My Đắc Nông	1,20
2.17	Đường tổ 1	Cửa sắt Trường Sơn (nhà ông Trường)	Cầu mới	1,20
2.18	Từ suối 1 trục đường thôn 12	Đất nhà ông Đỗ Trung Quốc	Hết nhà máy mỹ	1,20
		Hết nhà máy mỹ	Ngã ba hội trường thôn 12	1,20
		Hội trường thôn 12	Mặt bằng nhà máy điện Phân Nhóm	1,20
2.19	Đường vào bon Bù Dấp	Công chào bon Bù Dấp	Giáp nhà máy điện + Hết đất nhà ông Điều Choan	1,20
		Nhà ông Đỗ Trung Quốc	Suối II	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2.20	Đường đi xã Nhân Đạo	Đất nhà ông Tiến	Hết đường vào mỏ đá (đất nhà bà Đoàn Thị Tịnh)	1,20
		Đất nhà nghỉ Thùy Vân	Giáp nhà máy Alumin	1,20
3	Ngã ba nhà ông Toát		Hết đất nhà ông Vũ Tất Lương	1,10
4	Hết đất nhà ông Vũ Tất Lương		Hết đất nhà bà Lê Thị Kim Yến	1,10
5	Ngã ba đất nhà ông Vũ Tất Lương		Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	1,20
6	Đường vào thôn 4		Trục chính của thôn 6 + thôn 17	1,20
7	Đường vào nhà nghỉ Hoàng Lan	Hết đất nhà bà Bày	Giáp đất nhà ông Bùi Văn Ngoạn	1,20
8	Đường cạnh Hội trường thôn 5	Quốc lộ 14	Hết đất nhà bà Định	1,00
		Hết đất nhà bà Định	Hết đường	1,00
9	Đường cạnh nhà bà Vinh thôn 9	Ngã ba Quốc lộ 14	Hết đường	1,20
10	Đường từ Quốc lộ 14 vào nghĩa địa thôn 9	Ngã ba Quốc lộ 14 từ nhà bà Vịnh	Nghĩa địa	1,20
		Ngã ba Quốc lộ 14	Hết đất nhà ông Trần Vũ Long	1,20
		Km 0 Quốc lộ 14	Thôn 9, thôn 12	1,20
11	Đường cạnh nhà bà Viên	Ngã ba Quốc lộ 14	Ngã ba vườn mía (hết đất nhà ông Trương Ngọc Ân)	1,20
		Ngã ba vườn mía (hết đất nhà ông Trương Ngọc Ân)	Công chào bon Bù Dấp	1,20
12	Từ Quốc lộ 14 vào cụm công nghiệp	Km 0 Quốc lộ 14	Hết đất nhà ông Hoàng Văn Tình	1,20
		Hết đất nhà ông Hoàng Văn Tình	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Nhan (tả luy đường)	1,20
13	Đường đầu nối Đạo Nghĩa - Quảng Khê	Giáp xã Nhân Đạo	Giáp xã Đăk Nia	1,20
14	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,20
II.4	Xã Đăk Wer			
1	Đường Quốc lộ 14	Km 0 ngã ba đôi thông hướng đi Nhân Cơ	Hết đất nhà ông Đinh Xuân Hiếu	1,10
		Km 0 ngã ba đôi thông hướng đi Kiến Thành	Hết đất Công ty Hồng Đăng	1,10
		Công ty Hồng Đăng	Giáp ranh xã Kiến Thành	1,10
		Đất nhà ông Đinh Xuân Hiếu	Hướng Nhân Cơ đến đất nhà bà Nguyễn Thị Sứa	1,10
		Đất nhà bà Nguyễn Thị Sứa	Giáp ranh Nhân Cơ	1,10
2	Đường liên xã Nhân Cơ - Nhân Đạo - Nghĩa Thắng	Km 0 ngã ba (Pi Nao II, hướng Nhân Cơ)	Giáp ranh xã Nhân Cơ	1,10
		Km 0 ngã ba (Pi Nao II, hướng Nhân Cơ)	Đất nhà bà Đỗ Thị Xuân	1,10
		Đất nhà bà Đỗ Thị Xuân	Giáp xã Nghĩa Thắng	1,10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
3	Đường vào thôn 1	Ngã ba đôi thôn nhà ông Nguyễn Quang Đóa	Cầu qua thôn 1	1,20
		Cầu qua thôn 1	Ngã ba đến nhà ông Bùi Đình Dương (đường vào nhà thờ Bon)	1,20
		Ngã ba nhà ông Quang Liên	Hướng về 3 phía 300m	1,20
4	Đường vào Quảng Tân	Hướng về 3 phía 300m	Đất nhà ông Nguyễn Chánh Thái	1,20
		Đất nhà ông Nguyễn Chánh Thái	Giáp ranh xã Quảng Tân	1,20
5	Đường vào thôn 6	Ngã ba (Quốc lộ 14) thôn 7 (nhà ông Lê Quang Dũng)	Giáp ranh thôn 6	1,20
		Giáp ranh thôn 6 và thôn 7	Ngã ba đại thế giới	1,20
		Ngã ba đại thế giới	Hết đường thôn 6 giáp thôn 13	1,20
6	Đường vào thôn 13	Ngã ba Quốc lộ 14 đất nhà Lê Minh Khao	Ngã ba đất nhà ông Trần Ngọc Thách	1,20
		Ngã ba đất nhà ông Trần Ngọc Thách	Hết đất nhà ông Nguyễn Đắc Hà (Giáp ranh xã Kiến Thành)	1,20
		Ngã ba đất nhà bà Phạm Thị Cài	Ngã ba trại cút (thôn 13)	1,20
7	Đường liên thôn	Cầu Trần nhà ông Thanh	Giáp Châu Giang Kiến Thành	1,20
		Cầu mới	Ngã ba thôn 14	1,20
		Ngã ba thôn 14	Ngã ba nhà ông Quang Liên + 300m	1,20
8	Thôn 1 đi thôn 16	Km 0 ngã ba trung tâm xã (hướng cầu ông Trọng)	Ngã ba nhà Nguyễn Thị Ái	1,20
9	Thôn 13	Ngã ba thôn 6	Ngã ba nhà ông Vinh	1,20
		Ngã ba nhà ông Trung Quýt	Ngã ba Nhân Đạo	1,00
		Nhà ông Mạc Thanh Hoá	Về hướng Kiến Thành (hết đường)	1,20
		Ngã ba nhà ông Trần Quang Vinh	Hết đất nhà ông Đàm Quang Vinh	1,20
		Hết đất nhà ông Đàm Quang Vinh	Mỏ đá Phương Nam	1,20
10	Đất ở ven các đường nhánh còn lại tiếp giáp với Quốc lộ vào đến 200m			1,20
11	Đường vào bon	Ngã ba nhà ông Năng Ngần	Ngã ba nhà ông Điều Ndung	1,20
		Ngã ba nhà ông Điều Ndung	Ngã ba nhà ông Bùi Đình Dương	1,20
		Ngã ba nhà ông Điều Ndung	Ngã ba nhà ông Lê Lang	1,20
12	Đường đi thôn 16	Nhà bà Nguyễn Thị Ái	Hết đất nhà ông Nông Văn Chức	1,20
		Hết đất nhà ông Nông Văn Chức	Giáp ranh giới xã Quảng Tân	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
13	Đường đi thôn 6	Ngã ba quán Đại Thế Giới	Ngã ba nhà văn hóa thôn 13	1,20
14	Đường đi thôn 10	Ngã ba nhà ông Phạm Xuân Triều	Giáp ranh xã Kiến Thành	1,20
15	Đường đi thôn 16	Ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Ái	Hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Dũng	1,20
16	Đường đi thôn 14	Cổng chào thôn 14	Ngã ba hội trường thôn 14	1,20
17	Đường nội tuyến khu tái định cư Rừng Muồng			1,20
18	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
II.5 Xã Nhân Đạo				
1	Đường liên xã	Ngã ba chợ Pi Nao II	Đi xã Nhân Cơ + 500m	1,50
		Đi xã Nhân Cơ + 500m	Ngã ba Cùi chó	1,50
		Ngã ba chợ Pi Nao II	Đi xã Nghĩa Thắng + 500m	1,50
		Đi xã Nghĩa Thắng + 500m	Cột mốc giáp xã Nghĩa Thắng	1,50
		Ngã ba Cùi chó	Giáp ranh xã Nhân Cơ	1,50
2	Đường liên thôn	Ngã ba chợ Pi Nao II	Đi bon Pi Nao	1,50
		Đi bon Pi Nao	Ngã ba Mùm	1,50
		Ngã ba Mùm đi đập Đák Mur	Giáp đất ông Trần Ngọc Trinh	1,20
		Ngã ba Mùm	Trường Tiểu học Kim Đồng	1,20
		Trường Tiểu học Kim Đồng	Ngã tư Quốc tế	1,20
		Ngã ba Cùi chó	Trường Mẫu giáo thôn 1 (cũ)	1,20
		Ngã ba vào suối đá	Ngã ba đập thôn 6	1,00
		Giáp đất nhà ông Trần Ngọc Trinh	Đập Đák Mur	1,00
		Đường xã Đạo Nghĩa	Đi Quảng Khê	1,00
		Trường Mẫu giáo thôn 1 (cũ)	Hết đất nhà ông Lê Xuân Hán	1,00
3	Ngã ba tư quốc tế	Đi bon Pi Nao		1,00
4	Đường thôn 4 (cũ)	Ngã tư Quốc tế	Giáp nhà ông Hoa	1,00
		Trường Kim Đồng	Hết vườn nhà Võ Hữu Hậu	1,00
5	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	Giáp xã Nghĩa Thắng	Ngã tư thôn 8	1,00
6	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
II.6	Xã Đạo Nghĩa			
1	Tinh lộ 5	UBND xã (hướng Đắc Sin)	UBND xã giáp đất nhà ông Phan Dân	1,20
		Đất nhà ông Phan Dân	Giáp Đắc Sin	1,20
		UBND xã (hướng Nghĩa Thắng)	Giáp công nước đất ông Trần Hữu Vây	1,20
		Công nước đất ông Trần Hữu Vây	Giáp Nghĩa Thắng	1,20
2	Đường liên thôn	Cầu Quảng Phước	Đập tràn Quảng Đạt	1,20
		Đập tràn Quảng đạt	Đất nhà ông Thọ	1,20
		Đất nhà ông Thọ	Đất nhà ông Tư Từ	1,20
		Đất nhà ông Tư Từ	Hết đường nhựa (Mười nổ)	1,20
		Đất nhà ông Tân Ngà	Hết đất nhà ông Nguyễn Chi Tuấn	1,30
		Hết đất nhà ông Nguyễn Chi Tuấn	Cửa rừng	1,30
2	Đường liên thôn	Đất nhà ông Khư	Đến cuối xóm Mít	1,00
		Ngã tư Quảng An	Hết đất nhà ông Võ Văn Bình	1,20
		Hết đất nhà ông Võ Văn Bình	Đất nhà bà Huệ	1,30
		Đất nhà bà Huệ	Giáp xã Nghĩa Thắng	1,30
		Đất nhà ông Tuấn	Hết đất nhà ông Phú	1,10
		Đất nhà bà Huệ	Hết đất nhà ông Trần Dũng	1,20
		Ngã ba đất nhà ông Phước	Trường Huỳnh Thúc Kháng (phân hiệu)	1,10
		Ngã tư Quảng An	Đất nhà ông Võ Văn Thảo	1,00
3	Đất ở các khu dân cư còn lại		1,20	
4	Đường nông thôn	Ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Thơm	Đất nhà ông Nguyễn Thái Bình	1,10
		Đoạn từ nhà Lê Thị Ái Nhung	Hết nhà ông Đoàn Canh	1,10
		Đoạn từ nhà ông Mười Nổ	Tới Trạm cửa rừng	1,00
		Ngã ba nhà Lê Lựu	Nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Hoàng	1,00
II.7	Xã Đắc Sin			
1	Tinh lộ 685	Ngã ba Ngân hàng	Ngã ba cây xăng ông Hà	1,20
		Ngã ba cây xăng ông Hà	Cầu Vũ Phong	1,20
		Cầu Vũ Phong	Hết Trường Trần Hưng Đạo	1,20
		Hết Trường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Đạo Nghĩa	1,00
		Ngã ba ngân hàng	Hết đất nhà ông Càn	1,00
		Hết đất nhà ông Càn	Ngã ba nhà ông Tự	1,20
		Ngã ba nhà ông Tự	Giáp ranh xã Hưng Bình	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã, đi 208	Ngã ba cây xăng ông Hà	Hết đất ông Sang	1,20
		Hết đất ông Sang	Hết đất nhà bà Tuyên	1,20
		Hết đất nhà bà Tuyên	Hết đất Trường Lê Hữu Trác	1,00
		Hết đất Trường Lê Hữu Trác	Ngã ba đi thôn 7 và thôn 12	1,00
		Ngã ba đi thôn 7 và thôn 12	Hết đất nhà bà Bé Sáu	1,00
		Hết đất nhà bà Bé Sáu	Giáp ranh Quảng Tín	1,20
3	Đường liên thôn	Ngã ba Ngân Hàng	Trường Tiểu học Lê Hữu Trác (đường liên xã)	1,20
		Trường Lê Hữu Trác	Ngã ba cầu Tam Đa	1,00
		Ngã ba cầu Tam Đa	Hết cầu Tam Đa	1,10
		Ngã ba cầu Tam Đa	Giáp ranh xã Hưng Bình	1,00
		Ngã ba ông Thái	Giáp ranh xã Đắc Ru (đường liên xã)	1,00
		Ngã ba ông Tự	Ngã ba đường đi 208 (nhà ông Vân)	1,00
		Ngã ba Tinh lộ 5	Hết nhà ông Thái thôn 10	1,20
4	Đường nhánh tiếp giáp với đường 208	Ngã ba nhà ông Hùng	Hết đất nhà ông Tự (thôn 16)	1,00
5	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
II.8	Xã Hưng Bình			
1	Tinh lộ 5	Đất nhà ông Nguyễn Phi Long (giáp ranh xã Đắc Sin)	Hết đất nhà ông Liễu Văn Hiếu	1,00
		Hết đất nhà ông Liễu Văn Hiếu	Chân dốc thác (giáp ranh thôn 2 cũ)	1,10
		Chân dốc thác (giáp ranh thôn 2 cũ)	Cầu Tư	1,00
		Cầu Tư	Cầu ba (giáp xã Đắc Ru)	1,00
		Chân dốc thác (giáp ranh thôn 2 cũ)	Cầu mới (giáp ranh xã Đắc Ru)	1,00
2	Đường đi thôn 3	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hiến	Hết đất nhà ông Hoàng Văn Tự (Trường)	1,00
3	Đường liên thôn 3, thôn 5 (cũ), thôn 7 (cũ)	Hết đất nhà ông Hoàng Văn Tự	Ngã ba nhà ông Vạn	1,00
4	Thôn 6 (cũ)	Đầu đập thôn 6 (đập C15)	Hết đất nhà ông Nguyễn Quang Dũng	1,10
		Hết đất nhà ông Nguyễn Quang Dũng	Hết đất nhà ông Khường	1,20
		Hết đất nhà ông Khường	Hết đất nhà ông Tính	1,10
5	Thôn 7 (cũ)	Cổng ông Vạn (Giáp ranh thôn 6 cũ)	Hết đất nhà ông Hoàn	1,00
6	Ban Châu Ma	Đất nhà bà Điều Thị Đum (giáp ranh thôn 7 cũ)	Hết đất nhà bà Điều Thị Brang	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
6	Đường liên thôn 4 (cũ), thôn 7 (cũ)	Hết đất nhà bà Điều Thị Brang	Đến hết đất nhà ông Điều Am	1,00
7	Đường liên thôn 4 (cũ), thôn 7 (cũ)	Đất nhà ông Quang (thôn 5 cũ)	Ngã ba Tinh lộ 685 (đất nhà ông Tạ Văn Long thôn 2 cũ)	1,00
8	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
II.9	Xã Nghĩa Thắng			
1	Tinh Lộ 5			
1.1	Hướng Kiến Thành	Trạm xá xã	Trường Mẫu giáo Quảng Thuận	1,20
		Trường Mẫu giáo Quảng Thuận	Ngã ba đập tràn Quảng Chánh	1,20
		Ngã ba đập tràn Quảng Chánh	Cống nước nhà Tư Rịa Quảng Chánh	1,30
		Cống nước nhà Tư Rịa Quảng Chánh	Hết thôn Quảng Trung	1,30
		Hết thôn Quảng Trung	Đầu đập hồ Cầu Tư	1,20
		Đầu đập hồ Cầu Tư	Giáp ranh xã Kiến Thành	1,20
1.2	Hướng Đạo Nghĩa	Trạm xá xã	Ngã ba chợ	1,50
		Ngã ba chợ	Ngã ba nhà ông Tường	1,50
		Ngã ba nhà ông Tường	Ngã ba nhà ông Thái	1,20
		Ngã ba nhà ông Thái	Giáp ranh xã Đạo Nghĩa	1,20
2	Đường liên xã	Giáp ranh xã Nhân Đạo	Nhà ông Tân Lợi	1,00
		Nhà ông Tân Lợi	Cách ngã ba Pi Nao III - 200m	1,00
		Ngã ba Pi Nao	Về 03 phía mỗi phía 200 m	1,20
		Qua Ngã ba Pi Nao III + 200m	Hết nhà ông Lý	1,00
		Hết nhà ông Lý	Hết nhà ông Lâm	1,20
		Hết nhà ông Lâm	Ngã ba nhà ông Kế (Quảng Chánh)	1,20
		Ngã ba trường cấp III	Cống trường cấp III (đường trên)	1,20
		Ngã ba nhà ông Kế (Quảng Chánh)	Ngã ba Quảng Chánh	1,20
		Ngã ba chợ	Cầu Quảng Phước Đạo Nghĩa	2,00
		Ngã ba nhà ông Lâm	Trường cấp III (đường dưới)	1,20
		Ngã ba Pi Nao III + 200m	Nhà ông Nhanh	1,20
		Nhà ông Nhanh	Vườn rẫy ông Tín	1,00
		Vườn rẫy ông Tín	Ngã ba Hai Bé	1,20
		Ngã ba Hai Bé	Ngã ba rẫy vườn ông Bốn Vương	1,00
		Ngã ba nhà ông Kế	Xóm mít giáp ranh Đạo Nghĩa	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quảng Chánh	Hết nhà ông Mao	1,00
		Ngã ba Quảng Tiến nhà ông Thái	Cổng nước nhà ông Hồng	1,00
		Ngã ba Quảng Tiến nhà bà Minh	Hết nhà ông Mầu	1,20
		Trường cấp III (đường dưới)	Giáp ranh xã Đạo Nghĩa	1,20
		Ngã ba nghĩa địa Quảng Chánh	Đập Quảng Thuận (lò mổ)	1,00
		Ngã ba nhà ông Kế	Nhà ông Hùng (thôn Quảng Trung)	1,00
		Ngã ba nhà bà Tươi	Ngã ba Trường Trần Quốc Toàn	1,20
		Ngã ba Bưu điện	Ngã ba Trường Trần Quốc Toàn	1,00
		Ngã ba Trường Trần Quốc Toàn	Nhà ông Tuấn (thôn Quảng Lợi)	1,20
		Ngã ba nhà ông Điều Thơ	Ngã ba nhà ông Cường (thôn Quảng Bình)	1,00
4	Đường nội thôn	Ngã ba nhà bà Phúc	Hết khu tập thể giáo viên trường cấp 2	1,00
		Ngã ba đập tràn Quảng Chánh	Hết nhà ông Nghĩa	1,00
		Nhà ông Muông	Giáp xã Kiến Thành	1,00
5	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
6	Khu tái định cư Hồ Cầu Tư			1,00
II.10 Xã Quảng Tín				
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Kiến Thành	Ngã ba hết trụ sở Công ty cà phê Đắk Nông	1,50
		Ngã ba hết trụ sở Công ty cà phê Đắk Nông	Hết ngã ba vào tổ 1 thôn 3	1,50
		Hết ngã ba vào tổ 1 thôn 3	Hết ngã ba bon Bù Đách	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,00
		Ngã ba vào đường bon Bù Đách	Ngã ba đi đường vào Đắk Ngo	1,20
		Ngã ba đi vào đường Đắk Ngo thôn 5	Ngã ba đường vào tổ 5 thôn 5	1,20
		Ngã ba đi đường vào tổ 5 thôn 5 hết nhà ông Hùng Hương	Đến giáp xã Đắk Ru	1,20
2	Các tuyến đường giáp Quốc lộ 14			
3	Đường xã Đắk Sin thôn 10	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 +200m	1,20
		Km 0+200m	Hết đất nhà ông Trí	1,20
		Hết đất nhà ông Trí	Giáp ranh xã Đắk Sin	1,20
4	Đường ngã ba bon Bù Bia đi	Km 0 Quốc lộ 14	Cầu 1	1,10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
	Đắk Ka	Cầu 1	Cầu 2 xã Đắk Ru	1,10
5	Đường thôn 4 (bon O1)	Km 0 (Quốc lộ 14)	Ngã ba bon O1 Bu Tung	1,40
		Ngã ba bon O1 Bu Tung	Cầu sắt Sađacô	1,40
		Cầu sắt Sađacô	Ngã ba trường Hà Huy Tập (thôn Sađacô)	1,40
6	Đường bon Bù Đách	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết đường	1,00
7	Ngã ba Công ty cà phê Đắk Nông đến hết đường	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + đến nhà ông Nguyễn Đình Vinh	1,50
		Hết đất nhà ông Vinh	Hết đường	1,50
8	Ngã ba thôn 5 đi Đắk Ngo	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hội trường thôn 5	1,50
		Hội trường thôn 5	Suối Đắk R'Lấp	1,50
		Suối Đắk R'Lấp	Suối Đắk Nguyên	1,20
		Suối Đắk R'Lấp	Hết nhà bà Nguyễn Thị Vịnh (Sađacô)	1,20
9	Ngã ba vào đội lâm trường cũ	Km 0 (Quốc lộ 14)	Đất nhà ông Phạm Trọng Đức	1,20
		Ngã ba mộ Tám Cửa	Hết đường	1,20
10	Đường vào tổ 4 thôn 2	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết đường	1,00
11	Đường nhánh thôn 3 tiếp giáp Quốc lộ 14	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết đường	1,20
12	Đường vào tổ 1 thôn 3	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết đường	1,20
13	Đường cạnh nhà Hùng Hương	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km0 + 1500 m	1,00
14	Đường cạnh Công ty Gia Mỹ	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km0 + 1000 m	1,20
15	Đường thôn 1	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết đường	1,10
16	Đường bên cạnh chợ	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết đường	1,20
17	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,20
II.11	Xã Đắk Ru			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Quảng Tín	Cột mốc 882 (Quốc lộ 14) + 50m	1,00
		Cột mốc 882 (Quốc lộ 14) + 50m	Cột mốc 883 (Quốc lộ 14) + 500m	1,00
		Cột mốc 883 (Quốc lộ 14) + 500m	Cột mốc 885 (Quốc lộ 14)	1,00
		Cột mốc 885 (Quốc lộ 14)	Cột mốc 886 (Quốc lộ 14) + 400m	1,00
		Cột mốc 886 (Quốc lộ 14) + 400m	Ranh giới tỉnh Bình Phước	1,00
2	Các đường nhánh chính tiếp giáp với Quốc lộ 14			
2.1	Tỉnh lộ 5	Ngã ba Quốc lộ 14	Ngã ba cửa rừng + 200m	1,00
		Ngã ba cửa rừng + 200m	Cầu số 1	1,20
		Cầu số 1	Cầu số 3 (giáp xã Hưng Bình)	1,00
		Ngã ba Quốc lộ 14	Ngã ba thôn Đoàn Kết, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Phú	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2.2	Đường vào Trung tâm Kinh tế mới Đắk Ru		Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Ngã ba thôn Đoàn Kết, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Phú	Đập Đắk Ru 2 thôn Tân Tiến	1,30
		Đập Đắk Ru 2 thôn Tân Tiến	Ngã ba đường vào thôn Đoàn Kết	1,20
		Ngã ba đường vào thôn Đoàn Kết, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Phú	Hết thôn Tân Phú	1,20
		Đường vào 3,7 ha	Trụ điện 500 KV	1,30
2.3	Đường vào E720	Ngã ba Quốc lộ 14	Ngã ba nhà văn hóa Bon Bu Srê I	1,30
		Ngã ba nhà văn hóa Bon Bu Srê I	Ngã ba đường vào thôn Tân Lợi	1,30
		Ngã ba đường vào thôn Tân Lợi	Ngã ba đường vào cầu treo	1,20
		Ngã ba đường vào cầu treo	Giáp ranh giới xã Đắk Ngo	1,30
		Ngã ba nhà văn hóa Bon Bu Srê I	Thủy điện Đắk Ru	1,20
2.4	Đường vào thôn Tân Lợi	Km0 (Quốc lộ 14)	Km0 + 500	1,00
2.5	Đường vào thôn 8	Km0 (Cầu 2 ranh giới xã Quảng Tín)	Km0 + 500	1,20
		Km0 + 500	Ngã ba Quán chín	1,20
		Ngã ba Quán chín	Giáp Tỉnh lộ 5	1,20
		Ngã ba Quán chín	Cầu Sập	1,00
2.6	Đường vào thôn Tân Lập	Km0 (Cầu 2 ranh giới xã Quảng Tín)	Km 1	1,20
		Km 1	Km 2 + 500	1,20
		Km 2 + 500	Ranh giới xã Đắk Sin	1,20
2.7	Đường vào nhà thờ	Ngã ba Quốc lộ 14	Giáp hồ thôn 6	1,20
2.8	Đường vào thao trường huấn luyện của xã	Giáp Quốc lộ 14	Km 1	1,20
2.9	Đường vào thôn Tân Phú	Ngã ba Quốc lộ 14	Hết đất nhà ông Phan Văn Được	1,10
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,10
III	HUYỆN ĐẮK MIL			
III.1	Thị trấn Đắk Mil			
1	Đường Nguyễn Tất Thành (QL 14)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết ngã 3 đường Trần Phú	1,40
		Đường Trần Phú	Hết Trường Nguyễn Tất Thành	1,50
		Trường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh xã Đắk Lao	1,30
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết ngã 3 đường N' Trang Long	1,40

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Đường Trần Hưng Đạo (QL 14)	Ngã 3 đường N' Trang Long	Hết ngã ba Đường Hoàng Diệu	1,20
		Ngã ba Đường Hoàng Diệu	Hết hạt Kiểm Lâm	1,20
		Hạt Kiểm Lâm	Giáp ranh xã Đăk lao	1,20
3	Đường Nguyễn Chí Thanh (QL 14C)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết Trường Nguyễn Chí Thanh	1,20
		Trường Nguyễn Chí Thanh	Hết trụ sở UBND xã Đăk Lao	1,20
		Trụ sở UBND xã Đăk Lao	Giáp ranh xã Đăk Lao	1,10
4	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ngã 3 đường Đinh Tiên Hoàng	1,20
		Ngã ba đường Đinh Tiên Hoàng	Hết ngã 3 Lê Duẩn - Hai Bà Trưng	1,20
		Ngã 3 Lê Duẩn - Hai Bà Trưng	Giáp ranh xã Đức Minh	1,10
5	Đường Hùng Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngã ba đường Nguyễn Khuyến	1,10
		Ngã ba đường Nguyễn Khuyến	Hết ngã ba đường Hùng Vương đi trường cấp III (nhà Thầy Văn)	1,10
		Ngã ba đường Hùng Vương đi trường cấp III (nhà Thầy Văn)	Hết ngã ba đường Hùng Vương - Lê Duẩn	
			Tả luy dương	1,10
			Tả luy âm	1,10
6	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết công trường Trần Phú	1,10
		Công trường Trần Phú	Hết ngã 3 đường Trần Phú - Trần Nhân Tông	1,10
		Ngã 3 đường Trần Phú - Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,10
7	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Đường Lý Thường Kiệt	1,00
8	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	Hết địa phận Thị trấn	1,10
9	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Ngã tư nhà bà Trang	1,20
		Ngã tư nhà bà Trang	Hết địa phận thị trấn	
			Tả luy dương	1,10
			Tả luy âm	1,10
10	Các đường đầu nối với đường Nguyễn Du đi vành đai	Km0 (Đường Nguyễn Du)	Km0+100m (Mỗi bên 100m)	1,20
		Km0 (Đường Nguyễn Du) +100m (Mỗi bên 100m)	Đường Hồ Tây (nhà ông Mai Xuân Nghĩa)	1,10
	Đường Huy Cận	Km 0 (đường Nguyễn Du)	Hết đường Huy Cận	1,10
11	Đường phân lô khu tái định cư TDP 6 đầu nối với đường Nguyễn Du			1,10
12	Đường phân lô khu tái định cư TDP 6 không đầu nối với đường Nguyễn Du			1,10
13	Đường N' Trang Long	Đường Trần Hưng Đạo	Hết nhà trẻ Hoà My	1,20
		Hết nhà trẻ Hoà My	Hết ngã 3 đường đi Trường Nguyễn Chí Thanh	
			Tả luy dương	1,10
			Tả luy âm	1,10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
		Đường Đi Trường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
14	Đường TDP 11	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ngã 3 đường Nơ Trang Long	1,10
15	Đường Lý Thái Tổ	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
16	Đường nối TDP 3 đi TDP 6	Đường Ngô Gia Tự (Nhà bà Sự)	Đường Lê Lợi	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
17	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	1,10
18	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	1,10
19	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	1,10
20	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	1,10
		Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Duẩn	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
21	Đường Văn Tiến Dũng	Km 0 (đường Trần Hưng Đạo)	Km0 + 200m	1,10
		Km0 + 200m	Đường Xuân Diệu	1,10
22	Đường Bà Triệu	Km 0 (đường Trần Hưng Đạo)	Km0 + 200m	1,10
		Km0 + 200m	Đường Xuân Diệu	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
23	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Xuân Diệu	Hết đường Phan Đăng Lưu	1,10
24	Đường Cù Chính Lan	Km 0 (đường Trần Hưng Đạo)	Km0 + 100m	1,10
		Km0 + 100m	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1,10
25	Đường Cao Thắng	Km 0 (đường Trần Hưng Đạo)	Km0 + 100m	1,10
		Km0 + 100m	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1,10
26	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Km 0 (đường Trần Hưng Đạo)	Km0 + 100m	1,10
		Km0 + 100m	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1,10
		Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Xuân Diệu	1,10
27	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Cao Thắng	1,10
		Đường Cao Thắng	Hết đường Huỳnh Thúc	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
28	Các đường Tổ dân phố 5 đầu nối với đường Trần Hưng Đạo	Km 0 (đường Trần Hưng Đạo)	Km0 + 100m	1,10
		Km0 + 100m	Trên 100m	1,10
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Xuân Diệu (đối diện với Hoa viên Hồ tây)	1,10
29	Các đường TDP 5 không đầu nối với đường Trần Hưng Đạo			1,20
30	Các đường TDP 5 không đầu nối với đường Trần Hưng Đạo (QL14)			1,20
	Đường Hoàng Diệu	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Hội trường TDP 16	1,10
		Hết Hội trường TDP 16	Hội trường TDP 16 + 300m	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
		Hội trường TDP 16 + 300m	Đường N'Trang Long	
	Tà luy dương	1,10		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
			Tà luy âm	1,10
31	Đường Y Jút	Km0 (đường Trần Hưng Đạo)	Km0 + 400m	1,10
		Km0 + 400m	Hết đường Y Jút	1,10
32	Đường Tổ dân phố 03, 04 đầu nối với đường Trần Hưng Đạo vào 100m			1,10
33	Các đường còn lại của Tổ dân phố 03, 04			1,10
34	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trần Phú	1,10
35	Đường vào chợ Thị trấn	Ngã ba đường Trần Nhân Tông, công chợ phía Tây	Đường Trần Phú	1,10
36	Đường Kim Đồng	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết Trường Mẫu giáo Hướng Dương	1,10
37	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết cơ quan huyện đội	1,10
38	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung	1,10
		Đường Quang Trung	Đường Phan Bội châu	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
39	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	1,10
40	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	1,10
41	Các đường còn lại của Tổ dân phố 7, 8 nối với đường Lê Duẩn hoặc đường Hai Bà Trưng			1,10
42	Các đường còn lại của Tổ dân phố 7, 8			1,10
43	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hùng Vương	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
44	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Khuyến	1,10
45	Đường Đinh Tiên Hoàng	Km 0 (đường Lê Duẩn)	Km0+200m	1,10
		Km0+200m	Km0+450m	1,10
		Km0+450m	Hết ranh giới Thị trấn Đăk Mĩ	1,10
46	Đường Nguyễn Bá Ngọc	Nhà ông Tấn	Hết Bệnh Viện (nhà ông Nam)	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
47	Đường Trương Công Định	Đường Lê Duẩn (đối diện công trường cấp 3)	Giáp đường Tổ dân phố 1 đi Tổ dân phố 9	1,10
48	Các trục đường còn lại của Tổ dân phố 9			1,10
49	Đường Phan Bội Châu	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Viết Xuân	1,10
		Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Thường Kiệt	1,10
50	Đường Nguyễn Trãi	Trộn đường		
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
51	Đường Hoàng Văn Thụ	Trộn đường		
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
52	Đường Nguyễn Viết Xuân	Trộn đường		
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
53	Đường TDP 9	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung	1,10
	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Nguyễn Tất Thành (nhà ông Hùng Mai)	Nhà ông Chính (hết trường Nội Trú)	1,10
54	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Quang Trung	Ngã ba giao đường Trương Công Định và đường Tô Hiến Thành	
			Tả luy dương	1,10
			Tả luy âm	1,10
55	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Phan Bội Châu	Nhà ông Phúc	
			Tả luy dương	1,10
			Tả luy âm	1,10
56	Đường Văn Cao	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Nơ Trang Gul	1,10
57	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Viết Xuân	1,10
58	Đường Nguyễn Bình	Đường Tô Hiến Thành	Đường Phan Bội châu	1,10
59	Đường Tô Hiến Thành	Hội trường Tổ dân phố 9	Đường Trương Công Định (Rừng Thông)	
			Tả luy dương	1,12
			Tả luy âm	1,10
60	Đường Đặng Thùy Trâm	Trường Mầm non Sao Mai	Đường Trương Công Định (Rừng Thông)	1,10
61	Đường Tô dân phố 01 đầu nối với đường Nguyễn Tất Thành vào 100m			1,10
62	Các đường còn lại của Tô dân phố 01			1,10
63	Đường Nguyễn Thái Học	Km 0 (đường Nguyễn Tất Thành) + 100m		1,10
		Km0 + 100m	Đường Trần Phú	1,10
64	Đường Mai Hắc Đế	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Thái Học	
			Tả luy dương	1,10
			Tả luy âm	1,10
65	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Lợi	1,10
66	Đường Xuân Diệu	Hoa viên	Ngã ba đường Bà Triệu	1,10
		Ngã ba đường Bà Triệu	Hết đường Xuân Diệu	1,10
67	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Du	Hết đất nhà ông Trịnh Hùng Trang	1,10
		Hết đất nhà ông Trịnh Hùng Trang	Giáp ranh xã Thuận An	1,10
68	Đường Đỗ Nhuận	Trộn đường		
			Tả luy dương	1,10
			Tả luy âm	1,00
69	Đường Nguyễn Thị Định	Trộn đường		1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
70	Đường Nơ Trang Gul	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Trãi	1,10
71	Đường phân lô Quảng Trường	Đường N'Trang Long	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,20
72	Các đường phân lô Quảng trường đấu nối với đường Trần Hưng Đạo (QL14)			1,10
73	Các đường phân lô khu Hoa viên và khu dân cư mới TDP5 đấu nối với đường Trần Hưng			1,20
74	Các đường phân lô khu Hoa viên và khu dân cư mới TDP5 song song với đường Trần Hưng			1,20
75	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,10
76	Đường giáp ranh thị trấn Đăk Mil, đường liên xã Đăk Lao - Thuận An	Quốc lộ 14C	Đường Y Jút (TDP 16 cũ)	1,00
77	Đường TDP 10	Đường Đinh Tiên Hoàng (nhà bà Nguyễn Thị Ngoan)	Đường Nơ Trang Gul	1,00
		Đường Đinh Tiên Hoàng (nhà ông Mai Hoàng Dũng)	Đường Nguyễn Trãi	1,00
78	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nơ Trang Long	1,00
79	Các đường còn lại TDP 2			1,00
80	Đường Lê Anh Xuân	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Viết Xuân	1,00
81	Các đường còn lại TDP 6			1,00
82	Các đường còn lại TDP 10			1,00
III.2 XÃ ĐỨC MẠNH				
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Đăk Lao	Trường Mẫu Giáo Thân Tiên	1,50
		Trường mẫu giáo Thân Tiên	Đường vào Trường Lê Quý Đôn	1,50
		Đường vào Trường Lê Quý Đôn	Hợp tác xã Mạnh Thắng	1,50
		Hợp tác xã Mạnh Thắng	Nhà máy nước Dawa	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,20
		Nhà máy nước Dawa	Cây xăng Thanh Hằng	1,20
2	Tỉnh lộ 682	Ngã ba Đức Mạnh (km 0)	Km 0 + 200m (Tà luy dương)	1,20
		Km 0 + 200m	Ngã ba đường vào nghĩa địa Bác Ái (Đức Hiệp)	1,10
		Ngã ba đường vào nghĩa địa Bác Ái (Đức Hiệp)	Cầu Đức Lễ (cũ) (Tà luy âm)	1,00
		Cầu Đức Lễ (cũ)	Ngã ba Thọ Hoàng (đi Đăk Săk)	1,10
3	Đường vào Đức Lệ (Đường liên xã)	Km 0 (Quốc lộ 14)	Giáp trạm y tế xã	1,00
		Giáp Trạm y tế xã	Cầu Đức Lễ (mới)	1,00
		Cầu Đức Lễ (Mới)	Giáp ranh xã Đức Minh	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
4	Đường liên xã Đức Mạnh - Đắc Sắk	Tỉnh lộ 682	Giáp ranh xã Đắc Sắk	1,10
5	Đường đập Y Ren thôn Đức Nghĩa	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 300m	1,10
6	Đường vào nghĩa địa Vinh Hương, Đức Nghĩa, Đức Vinh	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 300m	1,00
7	Đường vào nhà bà Tội thôn Đức Vinh	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 300m	1,00
8	Đường vào nghĩa địa Bắc Ái thôn Đức Trung - Đức Ái	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 300m	1,00
9	Đường vào trường Phan Bội Châu thôn Đức Phúc - Đức Lợi	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 400m	1,00
10	Đường ông Hồng thôn Đức Phúc - Đức An - Đức Thuận	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 500m	1,00
11	Đường ông Vinh thôn Đức An - Đức Thuận	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 300m	1,00
12	Đường thôn Đức Bình	Chùa Thiện Đức	Hết nhà tang thôn Đức Bình	1,00
13	Các đường nhánh có đầu nối với Quốc lộ 14 còn lại (đường bê tông)	Chùa Thiện Đức	Thao trường	1,00
14	Đường thôn Đức Sơn (đường cây xăng Phúc Duy)		Giáp thôn Đức Bình	1,00
15	Đường thôn Đức Thắng (đường ông Lê)	Km 0 + 700m		1,00
16	Đường thôn Đức Thành (đường ông Liệu)	Km 0 + 500 m		1,00
17	Đường thôn Đức Trung - Đức Ái	Km 0 + 200m		1,00
18	Đất ở các khu dân cư còn lại	Đất ở các thôn Đức Tân, Đức Ái, Đức Trung		1,00
		Đất ở các thôn Đức Nghĩa, Đức Vinh, Đức Sơn, Đức Bình, Đức Thành, Đức Thắng, Đức Lợi, Đức Phúc, Đức Lễ A, Đức		1,00
		Đất ở các thôn Đức Lộc, Đức Thuận, Đức An, Đức Hiệp, Đức Hòa		1,00
19	Quốc lộ 14	Cây xăng Thanh Hằng	Giáp ranh xã Đắc N'Drót - Đắc R'La	1,00
20	Tỉnh lộ 682	Ngã ba đường vào nghĩa địa Bắc Ái (Đức Hiệp)	Cầu Đức Lễ (cũ) - Tả luy dương	1,00
21	Đường thôn Đức Bình	Quốc lộ 14 (Km 0)	Chùa Thiện Đức	1,00
22	Các đường nhánh có đầu nối với QL14 còn lại	Km 0 (QL14)	Km 0 + 200m	1,00
		Km 0 + 200m trở đi		1,00
III.3	Xã Đắc R'la			
		Ranh giới xã Đắc Gắn	Trường Nguyễn Thị Minh Khai	
			Tả luy dương	1,10
			Tả luy âm	1,10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 14	Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba Đắc R'la - Long Sơn	1,00
		Ngã ba Đắc R'la - Long Sơn	Đường vào mỏ đá Đô Ry	1,00
		Đường vào mỏ đá Đô Ry	Ngã ba Đô Ry	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,10
		Ngã ba Đô Ry	Giáp ranh xã Đức Mạnh, Đắc N'Drót	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,10
2	Tuyến liên thôn song song Quốc lộ 14	Đầu nối ngã ba Đô Ry	Thôn 3	1,00
		Trường Hoàng Diệu	Đầu nối đường 312	1,10
		Đầu nối đường 312	Nhà ông Toàn	1,10
		Nhà ông Toàn	Trường Nguyễn Thị Minh Khai	1,10
		Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Nhà ông Tho Nguyệt	1,10
		Chợ 312	Nhà ông Bày (Thôn 11)	1,10
3	Đầu nối Quốc lộ 14	Ngã ba Đô Ry	Giáp đất Cao su	1,10
		Nhà ông Khuê	Giáp đất Cao su	1,10
		Ngã ba Trạm Y tế	Km0 + 500 nhà ông Bằng	1,00
		Quốc lộ 14	Trường Hoàng Diệu	1,00
		Ngã ba vào Long Sơn	Hết đất nhà ông Hà	1,20
		Nhà ông Hà	Giáp Long Sơn	1,10
		Đường 312	Nghĩa địa	1,20
		Nhà ông Nghệ	Suối ông Công	1,20
		Nhà ông Lô	Suối ông Công	1,10
4	Đất khu dân cư còn lại khu vực thôn 2, 3, 5, 6, 11			1,00
5	Đất khu dân cư còn lại			1,00
III.4 Xã Đắc N'Drót				
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Đức Mạnh	Ngã ba, 304	1,10
		Ngã ba, 304	Giáp xã Đắc R'la	1,20
2	Đường 304	Quốc lộ 14	Cầu suối Đắc Gôn I (đầu bon Đắc Me)	1,00
		Cầu suối Đắc Gôn I	Ngã ba UBND xã Đắc N'Drót	1,00
		Ngã ba UBND xã Đắc N'Drót	Cuối dốc tấm tôn	1,00
		Cuối dốc Tấm Tôn	Ngã ba nhà ông Phí Văn Tính	1,00
		Ngã ba nhà ông Phí Văn Tính	Nhà ông Hoàng Văn Phúc	1,30
		Nhà ông Hoàng Văn Phúc	Ngã sáu thôn 4	1,30
		Ngã sáu thôn 4	Ngã ba nhà ông Xuân Phương	1,10
		Ngã ba nhà ông Xuân Phương	Cầu gỗ	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
		Cầu gỗ	Ngã ba nhà ông Hai Chương (thôn 2)	1,00
3	Đường vào buôn Đăk R'la	Cầu Suối Đăk Gôn II	Ngã ba buôn Đăk R'la	1,00
4	Đường thôn 1	Km0 (Quốc lộ 14)	Km0 + 200	1,00
5	Đường Đăk N'Drôt - Đôn 755	Nhà ông Hoàng Văn Phúc	Cầu cộp	1,00
6	Đường vào khu dân cư 23 hộ	Ngã ba nhà ông Phí Văn Tính	Hết đường nhựa khu 23 hộ (nhựa 3,5m)	1,00
7	Đường thôn 5 đi thôn 6	Ngã ba nhà ông Trần Minh Thanh	Ngã ba làng đạo thôn 6	1,00
8	Đường từ thôn 4 qua thôn 7, thôn 6	Ngã 6 thôn 4	Ngã ba làng đạo thôn 6	1,10
9	Đường thôn 9	Cổng thôn 9	Ngã ba nhà ông Hoàng Văn Chiu	1,10
10	Đường thôn 4 qua thôn 3	Cổng chợ ông Thuyên	Ngã ba thôn 3, thôn 9	1,10
11	Các khu dân cư còn lại			1,00
12	Đường vào bon Đăk R'La	Ngã ba UBND xã Đăk N'Drôt	Ngã ba nhà ông Hai Chương	1,00
		Ngã ba nhà ông Hai Chương	Ngã ba Bon Đăk R'La	1,00
III.5 Xã Đăk Lao				
1	Quốc lộ 14 (về phía Đăk Lăk)	Giáp huyện đội Đăk Mil cũ	Ngã ba thôn Đăk Phúc (Công ty 2-9)	1,20
		Ngã ba thôn Đăk Phúc (Công ty 2-9)	Giáp ranh xã Đức Mạnh	1,20
2	Quốc lộ 14 (về phía Đăk Nông)	Giáp ranh thị trấn	Cây xăng Minh Tuấn	1,20
		Cây xăng Minh Tuấn	Giáp ranh xã Thuận An	1,20
3	Quốc lộ 14C	Giáp đường Trần Phú đi Quốc lộ 14C	Hết Công ty TNHH MTV ĐTPPT Đại Thành	1,20
		Hết Công ty TNHH MTV ĐTPPT Đại Thành	Đập 6B	1,20
		Đập 6B	Hết Trạm Biên phòng Đăk Ken	1,20
		Hết Trạm Biên phòng Đăk Ken	Hết quy hoạch khu dân cư	1,20
		Ngã ba Trường Tiểu học Trần Phú	Giáp Quốc lộ 14C	1,10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
4	Đường liên xã	Ngã ba Trường Tiểu học Trần Phú	Hết nhà bà Trần Thị Ngọc Ánh	1,00
		Hết nhà bà Trần Thị Ngọc Ánh	Hết thôn 6 (nhà ông Phạm Như Thức)	1,00
		Ngã ba Quốc lộ 14 (Xí nghiệp Giao thông cũ)	Ngã ba đường Lê Lợi - Lý Thường Kiệt	1,00
		Nhà ông Phạm Như Thức	Ngã ba nhà bà Đoàn Thị Nam	1,00
		Quốc lộ 14	Đập 470	1,00
5	Đường liên xã Đắc Lao - Thuận An	Quốc lộ 14 C	Ngã ba đường vào Buôn Xê ri	1,00
		Từ ngã tư đường vào buôn Xê ri	Đường vào Miếu cô	1,00
		Đường vào Miếu cô	Giáp ranh xã Thuận An	1,00
		Ngã ba Quốc lộ 14 (tại thôn Đắc An)	Giáp ranh xã Thuận An	1,00
6	Đường thôn Đắc Xuân	Giáp ranh thị trấn Đắc Mĩ (ngã ba đường Lê Lợi - đường Lý Thường Kiệt)	Giáp ranh xã Đức Mạnh	1,00
7		Ngã ba Lê Lợi (nhà kho ông Huy Hiền)	Hết nhà Mẫu giáo thôn Đắc Xuân	1,00
8		Hết nhà Mẫu giáo thôn Đắc Xuân	Giáp xã Đức Mạnh	1,00
8		Nhà ông Ngô Ngọc Hoàng	Hết nhà ông Lê Hữu Minh	1,00
9	Đường vào thôn Đắc Phúc	Quốc lộ 14	Hết nhà ông Ngô Quang Hợp	1,00
10		Giáp ranh xã Đức Mạnh	Hết nhà ông Nguyễn Tất Trung	1,00
10		Hết nhà ông Nguyễn Tất Trung	Ngã ba đường Ngô Quyền (nhà ông Lê Văn Đào)	1,00
11	Đường thôn Đắc Phúc (Lô 2 sau Bến xe)	Nhà ông Bùi Văn Ri (thôn Đắc Phúc)	Hết Công ty Cà phê 2-9	1,00
12	Đường thôn Đắc Lộc, thôn Đắc Thủy	Ngã tư nhà ông Ba Đôn	Đường Quốc lộ 14C (nhà ông Nguyễn Đăng Trung)	1,00
13	Đường thôn Đắc Lộc	Ngã ba mẫu giáo thôn Đắc Lộc	Giáp Quốc lộ 14C (Công ty TNHH MTV ĐIPT Đại Thành)	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
14	Đường liên thôn Đắc Kim (Miếu cô)	Quốc lộ 14	Nhà máy Cao su	1,00
15	Đường liên thôn Đắc Tâm	Nhà ông Trần Văn Soa (thôn Đắc Tâm)	Hết nhà bà Nguyễn Thị Chung (thôn Đắc Tâm)	1,00
16	Đường thôn Đắc An	Ngã ba cây xăng Minh Tuấn (thôn Đắc An)	Giáp đường liên xã Đắc Lao - Thuận An	1,00
17	Đường thôn Đắc Lợi	Giáp ranh thị trấn (đường Trần Phú)	Ngã tư nhà Ba Đôn	1,00
		Ngã tư nhà ông Ba Đôn	Đi qua Hồ bơi Như Ngọc ra đường Trần Phú (khu chợ Đắc Mil)	1,00
		Giáp nhà ông Bùi Quang Định (thôn Đắc Phúc)	Đi qua nghĩa địa và ra nhà ông Ba Đôn	1,00
18	Đường thôn Đắc Thọ	Đập 40 (đường nhựa)	Hết thôn Đắc Thọ (đường nhựa)	1,00
19	Đường nội thôn	Ngã ba nhà ông Lộc	Đường Trần Phú	1,00
		Đường thôn Đắc Lộc, thôn Đắc Thủy	Hết nhà ông Lê Văn Bình	1,00
		Nhà ông Hải Dim	Hết đất nhà ông Phan Văn Anh	1,00
		Quốc lộ 14	Thôn Đắc Tâm	1,00
20	Đất ở khu dân cư còn lại 10 thôn			1,00
21	Đường thôn Đắc Kim			1,00
22	Đường nội thôn Đắc Kim	Nhà máy cao su	Hết thôn Đắc Kim	1,00
III.6	Xã Đức Minh			
1	Các đoạn đường nằm trên tuyến tỉnh lộ 683 (giáp thị trấn Đắc Mil đến giáp (682) ngã ba đường mới)	Thị trấn Đắc Mil	Đường vào nhà thờ Mỹ Yên (nhà ông Trương Văn Thành)	1,10
		Đường vào nhà thờ Mỹ Yên (nhà ông Trương Văn Thành)	Đại lý cà phê Lê Chuân (Giáp địa bàn thôn Vinh Đức)	1,10
		Đại lý cà phê Lê Chuân (Giáp địa bàn thôn Vinh Đức)	Giáp đường Trường Bùi Thị Xuân	1,10
		Giáp đường Trường Bùi Thị Xuân	Ngã ba đường mới (tỉnh lộ 682)	1,10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Các đoạn đường trên tuyến Tỉnh Lộ 682	Giáp thôn Đức Lễ (xã Đức Mạnh)	Cầu trắng	1,10
		Cầu trắng	Giáp ranh giới xã Đăk Mol	1,10
3	Đường huyện	Nhà thờ xã Đoài	Đến đường đất lên bệnh viện mới	1,00
		Ngã ba nhà thờ Vinh An	Đại lý Hiệp Thúy	1,00
		Đại lý Hiệp Thúy	Hết bon JunJuh	1,00
		Cây xăng ông Đoài	Hết đường bê tông thôn Xuân Thành (Hoàng Minh Tâm)	1,00
4	Các tuyến đường nội thôn kết nối với đường tỉnh lộ 683 (có giá đất tương đồng)	Thôn Đức Đoài		1,00
		Thôn Minh Đoài		1,00
		Thôn Mỹ Yên		1,00
		Thôn Kê Động		1,00
		Thôn Bình Thuận		1,00
		Thôn Vinh Đức		1,00
5	Các tuyến đường nội thôn còn lại song song và không kết nối với đường Tỉnh lộ 683 (có giá đất tương đương)	Thôn Đức Đoài		1,00
		Thôn Minh Đoài		1,00
		Thôn Mỹ Yên		1,00
		Thôn Kê Động		1,00
		Thôn Bình Thuận		1,00
		Thôn Vinh Đức		1,00
6	Các tuyến đường nội thôn kết nối với đường DH 32 (có giá đất tương đồng)	Thôn Xuân Trang		1,00
		Thôn Thanh Lâm		1,00
		Thôn Xuân Sơn		1,00
		Thôn Xuân Thành		1,00
7	Các tuyến đường nội thôn còn lại không kết nối với đường DH 32 (có giá đất tương đồng)	Thôn Xuân Trang		1,00
		Thôn Thanh Lâm		1,00
		Thôn Xuân Sơn		1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022	
		Từ	Đến		
		Thôn Xuân Thành		1,00	
8	Các tuyến đường nội thôn kết nối với đường tỉnh lộ 682	Thôn Xuân Hòa		1,00	
9	Các tuyến đường nội thôn không kết nối với đường tỉnh lộ 682	Thôn Xuân Hòa		1,00	
10	Đường nội thôn Bon JunJuh và khu dân cư còn lại			1,00	
11	Đường Nguyễn Du	Đường vào trạm điện (cũ)	Ngã tư nhà bà Trang	1,00	
12	Đường Đinh Tiên Hoàng (nối dài)	Giáp thị trấn Đắk Mil	Hết đường đất (nhà bà Lương Nữ Hoài Thư)	1,00	
13	Đường thôn Xuân Phong	Km 0 (Tỉnh lộ 683)	Km 0 + 200m	1,00	
		Từ Km 0 + 200m hết đường		1,00	
		Các tuyến đường nội thôn không kết nối với Tỉnh lộ 683			1,00
		Km 0 (Tỉnh lộ 682)	Km 0 + 200m	1,00	
		Từ Km 0 + 200m hết đường		1,00	
		Các tuyến đường nội thôn song song và không kết nối với Tỉnh lộ 682			1,00
III.7	Xã Long Sơn				
1	Đường tỉnh lộ 683	Giáp xã Đắk Sắk	Cầu suối 2	1,50	
		Cầu suối 2	Giáp ranh huyện Krông Nô	1,50	
2	Các đường nhánh từ tỉnh lộ 683 vào sâu đến 200m			1,40	
3	Đường thôn Nam Sơn	Tỉnh lộ 683	Hết thôn Nam sơn	1,40	
4	Các khu dân cư còn lại			1,50	
III.8	Xã Đắk Sắk				
1	Tỉnh lộ 682	Ngã ba Thọ Hoàng	Cầu trắng	1,00	
		Cầu trắng	Giáp ranh xã Đắk Mol	1,00	
2	Đường Tỉnh lộ 683	Từ Ngã tư giáp Tỉnh lộ 682	Hết Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,20	
		Hết Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hết Trường Lê Hồng Phong	1,10	
		Trường Lê Hồng Phong	Đường vào E29	1,20	
		Đường vào E29	Hết Trụ sở Lâm trường Thanh Niên (cũ)	1,10	
		Trụ sở Lâm trường Thanh Niên (cũ)	Giáp ranh xã Long Sơn	1,10	
3	Đường nội xã	Ngã ba đầu thôn 1	Hết Trạm Điện T15	1,10	
		Trạm Điện T15	Hết trường Lê Hồng Phong	1,10	
		Trạm Điện T15	Thôn Phương Trạch (giáp Tỉnh lộ 683)	1,00	
4	Đường 3/2	Tỉnh lộ 683	Đường sân bay (cũ)	1,00	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
5	Đường liên xã Đắc Sắk - Đức Mạnh	Tỉnh lộ 682	Ngã ba đầu thôn Thổ Hoàng 1	1,20
6	Đường liên thôn	Đầu sân bay (liên thôn 1 - 2)	Cuối thôn 2 (đường song song với đường sân bay)	1,10
		Tỉnh Lộ 683	Phân hiệu (Trường Nguyễn Văn Bé)	1,10
		Phân hiệu (Trường Nguyễn Văn Bé)	Cầu Ông Quý	1,20
		Tỉnh Lộ 682	Ngã ba giáp Đắc Mol	1,10
		Ngã ba xã Đắc Mol	Đến hết thôn Xuân Bình	1,10
7	Các đường nhánh từ sân bay vào sâu đến 200m			1,00
8	Các nhánh đường đầu nối với Tỉnh lộ 682 Tỉnh lộ 683 vào sâu 200m			1,00
9	Các khu dân cư còn lại			1,20
10	Đường nội xã	Giáp ranh xã Đức Mạnh Tỉnh lộ 682	Ngã ba đầu thôn Thọ Hoàng 1	1,00
III.9	Xã Đắc Gắn			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh huyện Cư Jút	Trạm thu phí	1,10
		Trạm thu phí	Trường tiểu học phân hiệu Bi Năng Tắc	1,10
		Trường tiểu học phân hiệu Bi Năng Tắc	Hết dốc Vông (nhà ông Vũ Văn Hoành)	1,00
		Dốc vông (nhà ông Vũ Văn Hoành)	Ngã ba trạm Y tế	1,00
		Ngã ba trạm Y tế	Hết trường Hoàng Văn Thụ	1,20
		Trường Hoàng Văn Thụ	Giáp nhà ông Hồ Ngọc Minh	1,10
		Nhà ông Hồ Ngọc Minh	Giáp ranh giới xã Đắc R'la - 200m	1,10
2	Đường nội bon Đắc Láp	Đường đi Đắc Láp	Đi vào 100m	1,20
		100m	Đến 200m	1,00
		Nhà ông Phạm Văn Mãi	Đi vào 100m	1,10
		100m	Hết nhà ông Võ Tá Lộc	1,00
		Nhà ông Nguyễn Duy Biên	Đi vào 100m	1,10
		100m	Hết nhà ông Y Eng	1,00
		Các đường ngang của bon Đắc Láp		1,00
3	Đường nội 3 bon Đắc Krai, Đắc Srai, Đắc Gắn	Từ Quốc lộ 14 đến giáo họ Tân Lập	Đi vào 100m	1,20
		100m	Đến 200m	1,10
		200m	Ngã ba đi thôn Nam Định	1,00
		Nhà Văn Hóa cộng đồng 3 bon	Đến ngã tư thứ 2	1,00
		Ngã tư thứ 2	Hết đường bê tông	1,00
		Trạm Y tế	Ngã ba đường đi đập Lâm Trường	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
		Ngã ba đường đi đập Lâm Trường	Đi vào 200m	1,00
4	Đường ngang 3 bon			1,00
5	Đường cấp phối thôn Trung Hòa - Sơn Thượng - Sơn Trung	Buru điện xã	Đi vào 100m	1,00
		Từ 100m	Đến 200m	1,00
		Từ Chợ	Đi vào 100m	1,00
		Từ 100m	Đến 200m	1,00
6	Đất ở các đường đầu nối với Quốc lộ 14	Đường nhựa		1,00
		Đường bê tông		1,00
		Đường đất		1,00
7	Đất ở các đường đã trải nhựa			1,00
8	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
9	Các trục đường Bản Cao Lạng			1,00
III.10	Xã Thuận An			
1	Quốc lộ 14	Ngã ba đường vào Công ty cà phê Thuận An	Ngã ba đường vào đồi chim	1,10
		Ngã ba đường vào đồi chim	Hết khu dân cư thôn Thuận Nam (giáp cao su)	1,10
		Khu dân cư thôn Thuận Nam (giáp cao su)	Hết địa phận xã Thuận An (giáp huyện Đắk Song)	1,00
2	Đường từ Quốc lộ 14 đi bon Sa Pa	Quốc lộ 14 (chợ xã Thuận An)	Đập nhỏ	1,10
		Đập nhỏ	Ngã ba đi bon Sa Pa (giáp đường Đông Nam)	1,10
3	Đường từ Quốc lộ 14 đi Công ty Cà phê Thuận An	Quốc lộ 14	Ngã ba hết nhà bà Phan Thị Thành, thôn Đức Hoà	1,30
		Ngã ba hết nhà bà Phan Thị Thành, thôn Đức Hoà	Ngã ba nhà Trần Xuân Thịnh	1,10
		Ngã ba nhà Trần Xuân Thịnh	Giáp ranh Thị trấn Đắk Mil	1,20
		Ngã ba nhà Trần Xuân Thịnh	Đập núi lửa	1,00
		Đập Núi lửa	QL 14 (nhà ông Phạm Văn Tế)	1,00
4	Đường đi trạm Đắk Per	Ngã ba Quốc lộ 14 (nghĩa địa)	Ngã ba Đồng Đế	1,10
		Ngã ba Đồng Đế	Trạm Đắk Per (cũ)	1,00
5	Đường Đắk Lao - Thuận An	Ngã ba Quốc lộ 14	Đập đội 2 (Thuận Hoà)	1,00
		Đập đội 2 (Thuận Hoà)	Giáp đường ngã ba Trần Xuân Thịnh đến Thị trấn Đắk Mil	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
6	Đường nội thôn Thuận Hoà	Nhà ông Nguyễn Mạnh Dũng	Hết đất nhà bà Trần Thị Liễu	1,00
		Ngã ba (Đập đội 2)	Hết vườn nhà ông Hoàng Văn Mến	1,00
		Ngã ba (Đập đội 2) giáp ranh xã Đắk Lao	Công chào thôn Thuận Hòa	1,00
7	Đường nội thôn Thuận Sơn	Nhà ông Nguyễn Hữu Thịnh	Hết nhà bà Mai Thị The	1,10
		Hết nhà bà Mai Thị The	Giáp ranh thị trấn Đắk Mil	1,20
8	Đường liên thôn Đức An - Đức Hoà	Nhà ông Nguyễn Hồng Nhiên	Giáp ranh vườn ông Lương Tài Sơn	1,10
9	Đường liên thôn Thuận Hạnh - Đức An 1	Ngã ba nhà thờ	Đường đi bon Sa Pa (Sau chợ xã)	1,10
10	Đường liên thôn Thuận Hạnh - Đức An 2	Ngã ba nhà ông Nguyễn Minh Tuấn (thôn Thuận Hoà)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Hào (thôn Đức An)	1,00
11	Đường đi Đồi Chim	Ngã ba Quốc lộ 14 (Nhà ông Trác Nhơn Diệu)	Hết đất nhà ông Dương Nghiêm	1,00
12	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
IV HUYỆN TUY ĐỨC				
IV.1 Xã Quảng Tân				
1	Tỉnh lộ 681	Giáp ranh giới Thị trấn Kiến Đức	Hết đất ông Đặng Xem	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất ông Đặng Xem	Cổng nước (Hết khu dạy nghề Trường 6)	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Cổng nước (Hết khu dạy nghề Trường 6)	Hết trường cấp I Phan Bội Châu	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết Trường cấp I Phan Bội Châu	Ngã ba nhà ông Tuấn (hết thôn 8)	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Ngã ba nhà ông Tuấn (hết thôn 8)	Ngã ba nội thất Thành Lộc	
		Tà luy dương		1,00
Tà luy âm		1,00		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
		Ngã ba nội thất Thành Lộc	Giáp đất Cao Thanh Cường	1,00
		Giáp đất Cao Thanh Cường	Hết đất nhà ông Huy	1,00
		Giáp đất nhà ông Huy	Cầu Doãn Văn (giáp xã Đăk R'Tih)	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
2	Đường liên xã	Ngã ba trường 6	Giáp đất nhà ông Thuận	1,00
		Giáp đất nhà ông Thuận	Hết đất trung tâm trường 6	1,00
		Khu trung tâm trường 6	Cổng nước nhà bà Hường	1,00
		Cổng nước nhà bà Hường	Hết đất nhà ông Bảy Dĩnh	1,00
		Hết đất nhà ông Bảy Dĩnh	Hết Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	1,00
		Ngã ba cây xăng Ngọc My	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi + Hết đất nhà Loan Hùng	1,00
3	Các tuyến đường trong các thôn, bon	Giáp đất nhà Loan Hùng	Cầu Đăk R'Tih	1,00
		Trường tư thực Nguyễn Gia Thiều	Giáp xã Đăk R'Tih	1,00
		Trường tư thực Nguyễn Gia Thiều	Giáp xã Đăk Wer	1,00
		Các tuyến đường thuộc bon Ja Lú B + Ja Lú A		1,00
		Các tuyến đường thuộc bon Jăng K'riêng		1,00
		Các tuyến đường tại bon Bu Ndrong B		1,00
		Các tuyến đường thuộc bon Me Ra		1,00
		Các tuyến đường thuộc Đăk N Jut		1,00
		Các tuyến đường thuộc bon Bu Ndong A		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn 1		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn 3		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn 4		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn 7		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn 8		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn 9		1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
		Các tuyến đường thuộc thôn 10		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn 11		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn Đắc Quong		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn Đắc R'Tăng		1,00
		Các tuyến đường thuộc thôn Đắc Mrê		1,00
		Các tuyến đường tại thôn Đắc Soun		1,00
		Các tuyến đường tại thôn Đắc K'Rung		1,00
4	Các tuyến đường tại thôn Đắc MRang			1,00
IV.2	Xã Đắc R'Tìh			
1	Tỉnh lộ 681	Giáp xã Quảng Tân	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lâm	1,00
		Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lâm	Ngã ba hồ Doãn Văn	1,00
		Ngã ba hồ Doãn Văn	Hết đất ông Phạm Hùng Hiệp	1,00
		Hết đất ông Phạm Hùng Hiệp	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thái	1,00
		Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thái	Giáp xã Quảng Tâm	1,00
2	Đường liên xã	Ngã ba giáp Tỉnh lộ 681	Ngã ba đi Quảng Tân (đất nhà ông Mỹ)	1,00
		Ngã ba đi Quảng Tân (đất nhà ông Mỹ)	Đất nhà ông Nguyễn Xuân Tuyền	1,00
		Đất nhà ông Nguyễn Xuân Tuyền	Ngã ba (đường liên xã đi nhà ông Điều K'Ré)	1,00
		Ngã ba (đường liên xã đi nhà ông Điều K'Ré)	Hết đất nhà ông Điều An	1,00
		Hết đất nhà ông Điều An	Giáp Trạm Y tế mới của xã	1,00
		Trạm Y tế mới của xã	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thuyền	1,00
		Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thuyền	Ngã ba đi Bon Bu NDor A (nhà ông Phạm Anh Xinh)	1,00
		Ngã ba đi Bon Bu NDor A (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Ngã ba Tỉnh lộ 681 (Nhà máy Cao su)	1,00
		Ngã ba đi Bon Bu NDor A (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Giáp đất ông Điều Phi Á (ngã ba Tỉnh lộ 681)	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
		Ngã ba trung tâm xã	Cầu bon Bu Dong (nhà ông Từ Văn Hương)	1,00
		Cầu bon Bu Dong (nhà ông Từ Văn Hương)	Giáp xã Quảng Tân	1,00
		Ngã ba Bon Bu Dong	Đập Đắc Liêng	1,00
		Tỉnh lộ 681 (giáp nhà máy đá)	Nhà ông Điều Minh	1,00
		Nhà ông Điều Minh	Ngã ba bon Bu Dong (đối diện nhà ông Nguyễn Xuân Nhiên)	1,00
3	Đường liên thôn	Giáp xã Quảng Tân (đường đi Bon Ja Lú AB)	Giáp khu B trường 5 (Trường 1)	1,00
4	Các đường liên thôn còn lại			1,00
5	Đất ở của các khu dân cư còn lại			1,00
IV.3	Xã Đắc Ngo			
1	Đường từ cầu Đắc R'láp đến ngã ba đi Đắc Nhau	Cầu Đắc R'láp	Ngã ba cầu Đắc Ké	1,00
		Ngã ba cầu Đắc Ké	Ngã ba 720 đi NT cả phê Đắc Ngo	1,00
		Ngã ba 720 đi NT cả phê Đắc Ngo	Cầu đội 3 - E720	1,00
		Cầu đội 3 - E720	Ngã ba đội 8 - E720	1,00
		Ngã ba đội 8 - E720	Ngã ba đi Đắc Nhau	1,00
2	Đường ngã ba đi Đắc Nhau đến giáp xã Quảng Tâm	Ngã ba đi Đắc Nhau	Ngã ba Trung Vân	1,00
		Ngã 3 Trung Vân	Ngã ba Diêng Đu + 200	1,20
		Ngã ba Diêng Đu + 200	Chốt kiểm lâm (trụ sở lâm trường cũ) + 200m	1,00
		Chốt kiểm lâm (trụ sở lâm trường cũ) + 200m	Giáp xã Quảng Tâm	1,00
3	Đường từ cầu Đắc Nguyên đến ngã ba bon Diêng Đu (giáp nhà ông Điều Lia)	Cầu Đắc Nguyên	Ngã tư Nông trường 719 (giáp nhà Thắng Sen)	1,00
		Ngã tư Nông trường 719 (giáp nhà Thắng Sen)	Cầu Đắc Ngo	1,00
		Cầu Đắc Ngo	Cầu Đắc Loan	1,00
		Cầu Đắc Loan	Ngã ba bon Diêng Đu (giáp nhà Điều Lia)	1,00
4	Đường 719	Ngã ba đi 720, 719 (gần nhà ông Sở)	Ngã tư (giáp nhà ông Thắng Sen)	1,00
5	Đường Philte	Ngã ba Philte (giáp nhà ông Sự)	Hết đất nhà ông Điều Pách	1,00
6	Đường thôn Tân Bình	Ngã ba (giao với đường Philte)	Cầu Đắc R'láp	1,00
		Ngã ba (giáp nhà ông Tung Danh)	Ngã ba gần nhà ông Rộng	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
7	Đường vào đội 1 E-720	Ngã ba giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 1 (1 km)	1,20
8	Đường vào đội 4 E-720	Ngã ba giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 4 E720 (xóm người Mông)	1,00
9	Đường vào đội 6 E-721	Ngã ba giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 6 E720 (xóm nhà ông Chúc)	1,00
10	Đường vào đội 8 E-721	Ngã ba giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 8 E720 (đến trường học)	1,00
11	Đường vào điểm dân cư số 1 và 2 (ĐB Mông)	Ngã ba Trung Vân	Đi vào điểm dân cư số 1 và 2 (ĐB Mông)	1,00
12	Đất ở của các dân cư số 1 và số 2 thuộc Dự án 1541			1,00
13	Các đường liên thôn còn lại			1,00
14	Đất ở của các khu dân cư còn lại			1,00
IV.4	Xã Quảng Tâm			
1	Tỉnh lộ 681	Giáp xã Đắc R'Tih (Ngã ba PhiA)	Giáp đất nhà ông Điều Lom	1,00
		Giáp đất nhà ông Điều Lom	Ngã ba đi thôn Tày, Nùng	1,00
		Ngã ba đi thôn Tày, Nùng	Ngã ba Công ty Mắc Ca	1,00
		Ngã ba Công ty Mắc Ca	Giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Nhẫn	1,00
		Giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Nhẫn	Ngã ba vào đồi ông Quế	1,10
		Ngã ba vào đồi ông Quế	Giáp đất Hạt kiểm lâm	1,00
		Giáp đất Hạt kiểm lâm	Giáp đất hội trường thôn 1	1,00
		Giáp đất hội trường thôn 1	Hết đất nhà ông Cường	1,10
		Giáp đất nhà ông Cường	Ngã ba đường vào Trường Tiểu học Lê Lợi	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Ngã ba đường vào Trường Tiểu học Lê Lợi	Hết đất Hạt quản lý đường bộ	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
Hết đất Hạt quản lý đường bộ	Giáp xã Đắc Búk So	1,00		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã	Ngã ba bãi 2	Giáp công khu công nghiệp	1,00
		Giáp công khu công nghiệp	Ngã ba thác Đắk Glung	1,00
		Ngã ba thác Đắk Glung	Ngã ba đường vào thủy điện	1,00
		Ngã ba đường vào thủy điện	Giáp xã Đắk Ngo	1,00
		Ngã ba Trung đoàn 726	Cầu mới (đập đội 2)	1,00
		Cầu mới (đập đội 2)	Hết mỏ đá	1,00
		Hết mỏ đá	Giáp xã Quảng Trục	1,00
3	Khu dân cư chợ nông sản	Tất cả các trục đường		1,00
4	Tỉnh lộ 681 đi Thôn 5			1,00
5	Các đường liên thôn còn lại			1,00
6	Đất ở của các khu dân cư còn lại			1,00
IV.5	Xã Đắk Búk So			
1	Tỉnh lộ 681	Giáp xã Quảng Tâm	Hết đất nhà ông Đám	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất nhà ông Đám	Hết đất bà Hậu	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất bà Hậu	Giáp đất Trung tâm Cao su	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Giáp đất Trung tâm Cao su	Hết đất nhà ông Trung	1,00
		Hết đất nhà ông Trung	Hết đất nhà ông Chính	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất nhà ông Chính	Giáp huyện Đắk Song	
		Tà luy dương		1,10
Tà luy âm		1,10		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Quốc lộ 14C	Ngã ba Tỉnh lộ 686	Ngã ba đường vào Trung tâm hành chính huyện	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Ngã ba đường vào trung tâm hành chính huyện	Giáp huyện Đăk Song	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
3	Tỉnh lộ 686	Ngã ba tỉnh lộ 681 (nhà ông Cúc)	Cổng nước nhà ông Tú	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Cổng nước nhà ông Tú	Hết đất nhà ông Quyền	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất nhà ông Quyền	Hết đất nhà ông Tanh (Thị Thuyền)	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất nhà ông Tanh (Thị Thuyền)	Hết đất nhà ông Điều Tinh	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất nhà ông Điều Tinh	Hết đất nhà ông Hà Niệm Long (thôn 8)	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất nhà ông Hà Niệm Long (thôn 8)	Nhà ông Long thôn 6	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
Nhà ông Long thôn 6	Giáp xã Đăk N'Drung	1,00		
		Ngã ba cửa hàng miền núi	Ngã ba đường vào thôn 1	1,00
		Ngã ba đường vào thôn 1	Hết đất ông Triu	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
4	Đường liên xã	Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất ông Triu	Đập Đắc Blung	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Đập Đắc Blung	Giáp xã Quảng Trục	1,00
5	Đường vòng quanh sân bay	Ngã ba Tỉnh lộ 681 (nhà Nguyễn Thương)	Ngã ba Tỉnh lộ 681 (trước nhà ông Đám)	1,00
6	Đường nối Tỉnh lộ 681 vào khu trung tâm hành chính	Ngã ba Tỉnh lộ 681 (nhà ông Cẩm)	Đầu khu quy hoạch dân cư điểm 11	1,00
		Đầu khu quy hoạch dân cư điểm 11	Giáp đất nhà ông Phong	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Giáp đất nhà ông Phong	Hết đất nhà ông Cường	1,00
		Hết đất nhà ông Cường	Giáp ngã ba Quốc lộ 14 C	1,00
		Ngã ba Bảo hiểm xã hội huyện	Đập Đắc Búk So	1,00
7	Đường đi bệnh viện	Ngã ba Quốc lộ 14C (UBND xã)	Giáp đài tưởng niệm Liệt sĩ	1,00
		Đài tưởng niệm Liệt sĩ	Giáp đất bệnh viện huyện	1,00
		Đất bệnh viện huyện	Ngã ba Quốc lộ 14C (Trường Tiểu học La Văn Cầu)	1,00
8	Đường liên thôn	Ngã ba Thác Đắc Búk So	Hết đất nhà ông Nhậm	
		Tà luy dương		1,00
		Tà luy âm		1,00
		Hết đất nhà ông Nhậm	Ngã ba nhà ông Mãi	1,00
		Ngã ba nhà ông Mãi	Giáp Quốc lộ 14C	1,00
		Ngã ba UBND xã	Hết đất nhà bà Oanh	1,00
9	Đất ở của các khu dân cư còn lại khu vực thôn 2, thôn 3, thôn 4			1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
10	Đất ở của các khu dân cư còn lại Bon Bu Boong, Bon Bu N'Drung, thôn 1, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn Tuy Đức			1,00
IV.6	Xã Quảng Trục			
1	Quốc lộ 14 C	Ngã ba cây He	Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Nam Tây Nguyên	1,00
		Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Nam Tây Nguyên	Ngã ba trạm xá trung đoàn 726	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,10
		Ngã ba trạm xá trung đoàn 726	Ngã ba đường vào xóm đạo (bưu điện)	1,20
		Ngã ba đường vào xóm đạo (bưu điện)	Ngã ba Quốc lộ 14C mới	
			Tà luy dương	1,20
			Tà luy âm	1,10
		Ngã ba Quốc lộ 14C mới	Cầu Đăk Huýt	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Cầu Đăk Huýt	Trạm cửa khẩu Bu Prăng	1,00
		Ngã ba Lộc Ninh	Ngã tư nhà Điều Kran	1,00
		Ngã tư nhà Điều Kran	Giáp Bình Phước	1,00
		Ngã ba Quốc lộ 14C mới	Cầu bon Bu Gia	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,00
		Cầu bon Bu Gia	Ngã ba đường vào Công ty Ngọc Biển	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
	Ngã 3 đường vào Công ty Ngọc Biển	Giáp xã Quảng Tâm	1,00	
2	Đường liên xã	Ngã ba nhà ông Đỗ Ngọc Tâm	Hết đất nhà ông Điều Lý	1,00
		Hết đất nhà ông Điều Lý	Hết đất Công ty Việt Bul	1,00
		Hết đất Công ty Việt Bul	Giáp xã Đăk Buk So	1,00
		Đất nhà ông Trường	Nhà ông Chiên (giáp ngã ba quốc lộ 14C mới)	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
3	Đường Liên Bon	Trạm xá trung đoàn	Ngã ba nhà ông Điều Lý	1,00
		Ngã ba bon Bu Dữr (cây Xăng)	Hết đất nhà ông Tuấn Thắm	1,10
		Hết đất nhà ông Tuấn Thắm	Ngã ba nhà ông Mai Ngọc Khoát	
			Tà luy dương	1,10
			Tà luy âm	1,00
		Ngã ba đường đi Xóm đạo	Ngã ba Bưu điện	1,00
		Ngã ba nhà bà Thị Ngum	Giáp trung đoàn 726	1,10
		Ngã ba nhà ông Mai Ngọc Khoát	Nhà ông Điều Nhép (giáp quốc lộ 14C mới)	1,00
4	Đường vào đồn 10	Ngã ba nhà bà Ngân	Hết đồn 10	1,00
5	Đường vào Đắc Huýt	Ngã ba đi vào cánh đồng 2	Nhà ông Điều Đề	1,00
		Nhà ông Điều Đề	Nhà ông Điều Trum	1,00
		Nhà ông Điều Trum	Giáp đất nhà ông Trần Đăng Minh	1,00
		Giáp đất nhà ông Trần Đăng Minh	Giáp ngã ba Quốc lộ 14C mới	1,00
6	Đường nội bon	Ngã ba nhà ông Trịnh	Giáp Quốc lộ 14C mới	1,00
		Ngã ba nhà ông Điều Khon	Ngã ba nhà bà Phi Úc	1,00
		Ngã ba nhà ông Khoa	Suối Đắc Ken	1,00
		Ngã ba nhà ông Điều Lé	Quốc lộ rừng PHN Thác Mơ	1,00
		Ngã ba nhà ông Hợp	Ngã ba nhà ông Phê	1,00
		Ngã ba nhà ông Khá	Đập Đắc Huýt 1	1,00
		Các tuyến đường nội bon Bu Lum		1,00
		Các tuyến đường nội bon Đắc Huýt		1,00
		Các tuyến đường nội bon Bup Răng 1, Bup Răng 2		1,00
7	Các tuyến đường liên thôn còn lại			1,00
8	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
V	HUYỆN ĐẮK G'LONG			
V.1	Xã Quảng Khê			
1	Đường Quốc lộ 28	Km 0 (Ngã năm Lâm trường Quảng Khê) về hướng thành phố Gia Nghĩa	Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	
			Tả luy dương	1,50
			Tả luy âm	1,50
		Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	Ngã ba đường vào Bon Phi Mur	
			Tả luy dương	1,20
			Tả luy âm	1,80
		Ngã ba đường vào Bon Phi Mur	Cây xăng thôn 2 (Km 0) + 50 mét	
			Tả luy dương	1,40
			Tả luy âm	1,70
		Cây xăng thôn 2 (Km 0) + 50 mét	Km 0 + 200 mét	
			Tả luy dương	1,50
			Tả luy âm	1,50
		Km 0 + 200 mét	Giáp ranh xã Đắk Nĩa	1,00
		Km 0 Ngã năm Xí nghiệp lâm nghiệp Quảng Khê	Ngã ba trục đường số 8	1,20
		Ngã ba trục đường số 8	Ngã ba Quốc lộ 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	1,30
		Ngã ba Quốc lộ 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	Ngã ba đường vào xưởng đũa (Km 0 - đường vào thôn 7)	
			Tả luy dương	1,50
			Tả luy âm	1,70
		Ngã ba đường vào xưởng đũa (Km 0 - đường vào thôn 7)	Km 0 + 100 mét	
			Tả luy dương	1,00
			Tả luy âm	1,40
		Km 0+100 mét	Ngã ba đường vào tái định cư xã Đắk P'Lao	
			Tả luy dương	1,00
			Tả luy âm	1,00
		Ngã ba đường vào tái định cư xã Đắk P'Lao	Suối cây Lim	
			Tả luy dương	1,60
			Tả luy âm	1,70
		Suối cây Lim	Ngã ba Thủy điện Đồng Nai 3 (Km 0 - 400 mét)	
			Tả luy dương	1,50
			Tả luy âm	1,50
		Ngã ba Thủy điện Đồng Nai 3 (Km 0 - 400 mét)	Hướng về 2 phía 400 mét	1,50
		Km 0 + 400 mét	Giáp ranh xã Đắk Som	
	Tả luy dương	2,00		
	Tả luy âm	2,00		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Đường vào Trường Trung học phổ thông Đắk Glong	Ngã ba Quốc lộ 28 nhà ông Đặng Văn Trí	Hết Trường Dân tộc nội trú huyện Đắk Glong	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,40
		Hết trường Dân tộc nội trú huyện Đắk Glong	Ngã ba đường 135 (giáp đường vào Trung tâm Y tế huyện)	
			Tà luy dương	1,20
		Tà luy âm	1,50	
3	Đường đi thôn 1	Km 0 (Ngã năm Lâm trường Quảng Khê)	Km 0+100 mét	1,00
		Km 0 + 100 mét	Ngã ba giao nhau với đường số 2 (đường 33 mét)	1,00
4	Đường số 8 (đường 45 mét, trọn đường)	Ngã ba Quốc lộ 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	Ngã ba giao nhau giữa đường số 2 và đường số 8	1,20
5	Đường số 2 (đường 33 mét, trọn đường)	Ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 28 và đường số 8	Ngã ba giao nhau giữa đường số 8 và đường số 2	1,20
6	Đường đi vào thôn 7 (vào bến xe)	Ngã ba đường vào xưởng dừa cũ hướng đường vào thôn 7 (Km 0)	Km 0 + 500 mét	1,50
		Km 0 + 500 mét	Km 1	1,50
7	Đường vào đập Nao Kon Đơi	Ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 28 và đường rải nhựa vào Đập Nao Kon Đơi (Km 0)	Km 0 + 100 mét	1,40
		Km 0+100 mét	Hết đập tràn Nao Kon Đơi	1,40
8	Đường vào Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du	Km 0 (Ngã năm Lâm trường Quảng Khê)	Hết đường rải nhựa (Hết Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du)	1,00
9	Đường vào Thủy điện Đồng Nai 4	Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	Ngã ba đường vào Bệnh viện huyện (Km 0)	1,00
		Km0	Km 1	1,00
		Km 1	Công trình Thủy điện Đồng Nai 4	1,00
10	Đường vào Bệnh viện huyện	Ngã ba đường vào Bệnh viện huyện	Bệnh viện huyện	1,30
		Bệnh viện huyện	Ngã ba đường 135	1,40
11	Đường vào thôn 4	Km 0 (Ngã năm Lâm trường Quảng Khê)	Km 0 + 200 mét	2,00
		Km 0 + 200 m	Hết đường	2,00
12	Đường vào khu Tái định cư Đắk Plao	Ngã ba Đường vào khu Tái định cư Đắk Plao (Km0)	Km 0 + 300 mét	2,00
		Km 0 + 300 mét	Bon Cây Xoài	2,00
		Bon Cây Xoài	Giáp ranh xã Đắk Plao	2,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
13	Khu định cư công nhân viên chức			
13.1	Đường D1 (Đường vào thủy điện Đồng Nai 4)	Bên trái đường hướng đi thủy điện Đồng Nai 4 từ Km 1 đến km 1 + 370 mét	Trộn đường	1,00
13.2	Đường D2 (mặt đường rộng 6 mét)	Trộn đường		1,00
13.3	Đường D3 (mặt đường rộng 6 mét)	Trộn đường		1,00
13.4	Đường D4 (mặt đường rộng 6 mét)	Trộn đường		1,00
13.5	Đường N1 (mặt đường rộng 14 mét)	Trộn đường		1,00
13.6	Đường N2 (mặt đường rộng 6 mét)	Trộn đường		1,00
13.7	Đường N3 (mặt đường rộng 6 mét)	Trộn đường		1,00
13.8	Đường N4 (mặt đường rộng 14 mét)	Trộn đường		1,00
13.9	Đường N5 (mặt đường rộng 6 mét)	Trộn đường		1,00
14	Khu tái định cư B			
14.1	Đường D1 (mặt đường 1-1 rộng 17,5 mét)	Trộn đường		1,00
14.2	Đường D2 (mặt đường 1-1 rộng 17,5 mét)	Trộn đường		1,00
14.3	Đường N1 (mặt đường 2-2 rộng 9,5 mét)	Trộn đường		1,00
14.4	Đường N2 (mặt đường 2-2 rộng 9,5 mét)	Trộn đường		1,00
14.5	Đường N3 (mặt đường 2-2 rộng 9,5 mét)	Trộn đường		1,00
14.6	Đường N4 (mặt đường 2-2 rộng 9,5 mét)	Trộn đường		1,00
15	Đường Quảng Khê, Đắk Ha	Đường Quốc lộ 28 (Đất Công ty Mai Khôi)	Giáp ranh xã Đắk Ha	1,00
16	Đất ven các đường rải nhựa còn lại $\geq 3,5$ mét			2,00
17	Đất ở các đường liên Thôn cấp phối $\geq 3,5$ m			2,00
18	Đất ở các đường liên Thôn không cấp phối $\geq 3,5$ m			2,00
19	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon			2,00
20	Đất ở các khu dân cư còn lại			2,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
V.2	Xã Quảng Sơn			
1	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Giáp ranh xã Đăk Ha	Đỉnh dốc 27	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Đỉnh dốc 27	Đỉnh dốc 27 + 100m	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Đỉnh dốc 27 + 100m	Cột mốc 31 đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Cột mốc 31 đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Cột mốc 31 đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ) + 100 mét	1,00
		Cột mốc 31 đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ) + 100 mét	Cột mốc 31 đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ) + 200 mét	1,00
		Cột mốc 31 đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ) + 200 mét	Ngã ba đường vào Bon N'Ting (Km 0)	1,00
		Ngã ba đường vào Bon N'Ting (Km 0)	Km 0 + 100 mét	1,00
		Km 0+100 mét	Km 0 + 200 mét	1,20
		Km 0 + 200 mét	Ngã ba đường đi xã Đăk Rmăng	1,50
		Km 0 (Ngã ba đường đi xã Đăk Rmăng hướng về Quảng Phú) + 500m		1,20
		Km 1	Km 1 + 100 mét	1,00
		Km 1 + 100 mét	Km 1 + 200 mét	1,00
		Km 1 + 200 mét	Giáp ranh huyện Krông Nô	
			Tà luy dương	1,00
	Tà luy âm	1,00		
2	Đường đi thôn Quảng Hợp	Đường nhựa khu đất đầu giá (trộn đường)		1,00
3	Đường đi thôn 2	Ngã ba đường nhựa vào Thôn 2 (Km 0)	Km 0 + 100 mét hướng đường nhựa	1,20
		Ngã tư cây xăng Tân Sơn	Ngã tư Bưu điện xã	1,20
		Ngã tư Bưu điện xã đến ngã tư đường đi xã Đăk R'măng (đường sau UBND xã và Công ty Lâm nghiệp Quảng Sơn)		1,00



STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
		Ngã tư Bưu điện xã	Nhà ông Thìn	1,00
3	Đường đi thôn 2	Ngã ba chợ Quảng Sơn (Quán cơm Hồng Anh)	Ngã ba đường sau UBND xã và Công ty Lâm nghiệp Quảng Sơn	1,00
		Nhà ông Thìn	Ngã ba đường đi xã Đắk R'măng	1,00
4	Đường đi thôn 3A	Ngã tư chợ (Km0)	Km 0+150 mét	1,00
		Km 0+150 mét	Km 0 + 250 mét	1,00
		Km 0 + 250 mét	Ngã ba giáp đường Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	1,00
		Nhà ông Long	Trạm Y tế xã Quảng Sơn	1,00
5	Đường đi xã Đắk R'măng	Ngã ba đường đi xã Đắk R'măng	Ngã ba đường vào Thôn 1A	1,00
		Ngã ba đường vào Bon R'long Phe	Ngã ba đường vào Bon R'long Phe + 100 mét (hướng đường vào thôn 1C)	1,00
		Ngã ba đường vào Thôn 1A + 100 mét (Hướng đường vào Thôn 1C)	Đường vào Thôn 1C	1,00
		Trạm Y tế Công ty 53	Xưởng đũa cũ	1,00
		Xưởng đũa cũ	Xưởng đũa cũ + 100 mét (hướng về Đắk R'măng)	1,00
		Xưởng đũa cũ + 100 mét (hướng về Đắk R'măng)	Giáp ranh xã Đắk R'măng	1,00
6	Đường đi Tỉnh lộ 686 (đi Quốc lộ 14)	Đỉnh dốc 27 (Ngã ba đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ))	Giáp đất Công ty Đinh Nghệ	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Đất Công ty Đinh Nghệ	Hết đất Công ty Thiên Sơn	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Hết đất Công ty Thiên Sơn	Giáp ranh huyện Đắk Song	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
7	Đất ở các đường rải nhựa liên thôn; bon			1,00
8	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon			1,00
9	Đất ở các đường liên Thôn, Buôn khác cấp phối $\geq 3,5$ mét (không rải nhựa)			1,00
10	Đất ở các khu vực còn lại khác			1,00
V.3	Xã Quảng Hòa			
1	Đường rải nhựa trung tâm xã	Từ Trụ sở UBND xã (Km 0) về hai phía, mỗi phía 500 mét		1,00
		Km 0 + 500 mét (Về hướng tỉnh Lâm Đồng)	Ngã ba cây xăng thôn 9	1,00
		Ngã ba cây xăng thôn 9	Hết đường rải nhựa thôn 10	1,00
		Km 0 + 500 mét (Về hướng xã Quảng Sơn)	Ngã ba hội trường Thôn 6	1,00
		Ngã ba hội trường Thôn 6	Giáp ranh xã Quảng Phú - Krông Nô	1,00
		Ngã ba cây xăng thôn 9	Cầu Đắc Măng (xã Đa Rsal)	1,00
		Ngã ba thôn 10, thôn 12	Ngã ba đường bê tông vào hội trường thôn 12	1,00
		Ngã ba đường bê tông vào hội trường thôn 12	Cầu Đắc Tinh	1,00
2	Ngã ba trường mẫu giáo thôn 6 lên Làng Giao + 500m (đường nhựa)			1,00
3	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn			1,00
4	Đường nhựa thôn 6, thôn 12			1,00
5	Đường cấp phối $\geq 3,5$ mét			1,00
6	Đất ở các khu vực còn lại khác			1,00
7	Đất ở các tuyến đường rải nhựa tại thôn còn lại			1,00
V.4	Xã Đăk Ha			
		Giáp ranh thành phố Gia Nghĩa	Đến hết đất khu công nghiệp BMC Đăk Nông	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Đến hết đất khu công nghiệp BMC Đắk Nông	Ngã ba đường vào Trạm Y tế xã	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Ngã ba đường vào trạm Y tế xã	Đến cây xăng Trọng Tiến Việt	1,00
		Đến cây xăng Trọng Tiến Việt	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	1,00
		Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	Ngã ba đường vào mô đá thôn 8	1,00
		Ngã ba đường vào mô đá thôn 8	Đường vào cổng 20 thôn 1	1,00
		Đường vào Cổng 20 thôn 1	Giáp ranh xã Quảng Sơn	1,00
2	Đường Đắk Ha, Quảng Khê	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Giáp ranh xã Quảng Khê	1,00
3	Đất ở các đường liên Thôn, Bon đã rải nhựa			1,00
4	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon			1,00
5	Đất ở các đường liên Thôn, Bon cấp phối $\geq 3,5$ mét)			1,00
6	Đất ở các đường liên Thôn, Bon không cấp phối $\geq 3,5$ mét)			1,00
7	Đất ở các khu vực còn lại khác			1,00
V.5	Xã Đắk R'Măng			
1	Từ Trụ sở UBND xã về hai phía, mỗi phía 500 mét			1,00
2	Đường đi bon Păng Xuôi	Ngã ba đi Quảng Sơn (km 0)	Km 0 + 500m	1,00
		Km 0 + 500m	Trường dân tộc bán trú (Hết đường nhựa)	1,00
3	Ngã ba đèo Đắk R'măng về 3 phía 500m			1,00
4	Đường nội thôn	Đường UBND xã + 500m (phía đông)	Vào trong 1 km	1,00
		Đường vào thôn Sa Nar	Hết đường nhựa (800 m)	1,00
5	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon			1,00
6	Đất ở mặt đường nhựa cụm 6	Nhà ông Hoàng Văn Thạch (giáp ranh thôn 1 Đắk Som)	Nhà ông Mãn Duy Thăng	1,00
7	Đất ở các khu vực còn lại			1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
8	Đường đi bon Păng Suôi	Đường từ nhà bà H'Xuân	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc	1,00
9	Đất ở các tuyến đường rải nhựa tại thôn, bon còn lại			1,00
V.6	Xã Đăk Som			
1	Đường Quốc lộ 28	Km 0 (Cổng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi về 2 phía, mỗi phía 500 m)		
			Tà luy dương	1,50
			Tà luy âm	1,00
		Km 0 + 500 m (hướng đi lòng hồ thủy điện Đồng Nai 3)	Ngã ba đường đi xã Đăk Plao cũ	
			Tà luy dương	1,50
			Tà luy âm	1,00
		Ngã ba đường đi xã Đăk Plao cũ	Ngã ba đường bê tông thôn 5	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Ngã ba đường bê tông thôn 5	Hết đường có rải nhựa Quốc lộ 28 thuộc địa giới hành chính xã Đăk Som	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Km 0 + 500 m (hướng về Quảng Khê)	Ngã ba đường vào Bon B'Sréa	
			Tà luy dương	1,50
			Tà luy âm	1,00
		Ngã ba đường vào Bon B'Sréa	Ngã ba đường đi Đăk Nang	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Ngã ba đường đi Đăk Nang	Giáp ranh xã Quảng Khê	
			Tà luy dương	1,00
	Tà luy âm	1,00		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Đường vào nhà ông Đông	Ngã ba Quốc lộ 28 (Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi)	Hết đất nhà ông Đông	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Hết đất nhà ông Đông	Nghĩa địa	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
3	Đường vào Bon B'Sréa	Ngã ba Quốc lộ 28 đi Bon B'Sréa (đầu Bon)	Chân Đập Bon B'Sréa	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
		Chân Đập Bon B'Sréa	Ngã ba Quốc lộ 28 đi Bon B'Sréa (cuối Bon)	
			Tà luy dương	1,00
			Tà luy âm	1,00
4	Khu dân cư thôn 1 Đắc Nang			1,00
5	Khu dân cư thôn 2, 3 Đắc Nang			1,00
6	Khu dân cư thôn 4 Đắc Nang			1,00
7	Các trục đường nhựa khác $\geq 3,5$ mét còn lại			1,00
8	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon			1,00
9	Đất ở các đường liên thôn cấp phối mặt đường $\geq 3,5$ m			1,00
10	Đất ở các khu vực còn lại khác			1,00
V.7	Xã Đắc Plao			
1	Đường vào tái định cư xã Đắc Plao (trục đường chính)	Giáp ranh xã Quảng Khê	Cầu Đắc Plao	1,25
		Cầu Đắc Plao	Giáp ranh xã Đắc R'Măng	1,10
2	Các tuyến đường nhựa vào các khu dân cư thôn 1, 2, 3, 4, 5			1,00
3	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn,; bon			1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
4	Đất ở các tuyến đường liên thôn cấp phối $\geq 3,5m$			1,00
5	Đất ở các khu vực còn lại khác			1,00
VI	HUYỆN ĐẮK SONG			
VI.1	Thị trấn Đức An			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn và xã Nam Bình	Cổng huyện đội	
		- Phía đông (trái)		1,00
		- Phía tây (phải)		1,00
		Cổng Huyện đội	Dịch vụ công	
		- Phía đông (trái)		1,10
		- Phía tây (phải)		1,10
		Dịch vụ công	Hết trụ sở Ngân hàng nông nghiệp	
		Phía đông (trái)		1,10
		Phía tây (phải)		1,10
		Hết Trụ sở Ngân hàng nông nghiệp	Đường vào xã Thuận Hà (Kiểm lâm)	1,20
		Đường vào xã Thuận Hà (Kiểm lâm)	Km 809	1,20
		Km 809	Giáp ranh giới xã Năm N'Jang	1,20
2	Đường xuống đập Đăk Rlong	Km0 (ngã ba bưu điện)	Ngã ba nhà ông Lê Văn Quyền	1,10
		Ngã ba nhà ông Lê Văn Quyền	Xuống đập Đăk Rlong	1,00
3	Đường hành chính	Chi cục thuế (Quốc lộ 14)	Quốc lộ 14 (giáp Viện kiểm sát)	1,30
		Huyện ủy (Quốc lộ 14)	Đường khu hành chính	1,20
		Kho bạc (Quốc lộ 14)	Đường khu hành chính	1,20
4	Đường đi thôn 10 (Đăk N'Drung)	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Đăk N'Drung	1,00
5	Đường vào thôn 6 (Ma Nham - Trung tâm y tế)	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết Bệnh viện	1,00
		Hết Bệnh viện	Ranh giới xã Nam Bình	1,00
6	Khu tái định cư (trước cổng huyện đội) các trục đường chính			1,00
7	Khu tái định cư (sau cổng huyện đội) các trục đường chính			1,00
8	Đường số 2 sau UBND thị trấn Đức An			1,10
9	Đường đi xã Thuận Hà	Km0 Quốc lộ 14 (Hạt Kiểm lâm)	Hết sân bóng Phương Loan	1,20
		Hết sân bóng Phương Loan	Đường nối ranh giới tổ 3 cũ, tổ 4 cũ	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
10	Đường vào Đài phát thanh và Truyền hình	Km 0 Quốc lộ 14 (Đài Phát thanh và Truyền hình)	Giáo xứ Hòa Tiến	1,20
	Đoạn đường còn lại của đường vào Đài phát thanh và Truyền hình			1,00
11	Khu dân cư phía Nam sát UBND thị trấn Đức An			1,00
12	Đường vào khu nhà công vụ giáo viên	Km0- Quốc lộ 14	Nhà ông Đoàn Thế Dự	1,00
13	Đường vào xưởng cưa nhà ông Vũ Duy Bình	Km0- Quốc lộ 14	Xưởng cưa nhà ông Vũ Duy Bình	1,00
14	Ranh giới giữa tổ 3 và tổ 4	Km0 - Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn	1,00
15	Đường nội	Trường Tiểu học Chu Văn An	Ngã ba nhà ông Lê Văn Quyền	1,20
16	Đất ở khu dân cư còn lại			1,00
17	Lô 2 thuộc khu dân cư Tổ dân phố 6 cũ			1,20
18	Lô 2 thuộc khu dân cư Bến xe			1,20
19	Đường vào khối dân vận	Km0 Quốc lộ 14 (Ngã ba đường vào khối dân vận)	Nhà ông Vũ Mạnh Đỉnh	1,00
20	Đường vành đai phía Tây huyện Đắk Song			1,00
21	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song			1,00
VI.2	Xã Nam Bình			
1	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh giới xã Thuận Hạnh	Ngã ba Đức An (Trạm Y tế mới)	2,00
		Ngã ba Đức An (Trạm Y tế mới)	Hết Trường Mẫu giáo Hoa Sen (Trạm Y tế cũ)	2,10
		Hết Trường Mẫu giáo Hoa Sen (Trạm Y tế cũ)	Cây xăng ông Diệm	2,10
		Cây xăng ông Diệm	Hết trụ sở đoàn 505	1,50
		Hết trụ sở đoàn 505	Giáp ranh giới thị trấn Đức An	1,50
2	Đường Tỉnh lộ 682	Km 0 Quốc lộ 14 (ngã ba rừng lạnh)	Km 0 + 450 m	1,20
		Km 0 + 450m	Ranh giới xã Đắk Hòa	1,20
3	Quốc lộ 14C	Ngã ba Đức An Quốc lộ 14C	Quốc lộ 14C Km0 + 300m	1,10
		Quốc lộ 14C Km0 + 300m	Cầu Thuận Hà	1,20
		Ngã ba đường nhà ông Tài	Hết cây xăng Cường Thảo	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
4	Đường liên xã	Hết cây xăng Cường Thảo	Hết ranh giới xã Nam Bình	1,20
		Ngã ba đi thôn 6 (nhà ông Việt)	Ranh giới thị trấn Đức An	1,20
		Ngã ba vào UBND xã Nam Bình	Cộng thêm 250 m	1,20
		Cộng thêm 250 m	Đường đi thôn 6	1,20
5	Các trục đường của khu dân cư	Thôn 10 + Thôn 11		1,20
6	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,20
7	Đường vành đai phía đông	Quốc lộ 14 (Km 0)	Km 0 + 250m	1,00
		Km 0 + 250m	Giáp thị trấn Đức An	1,00
VI.3	Xã Thuận Hà			
1	Đường Quốc lộ 14C	Ranh giới xã Nam Bình	Cầu Đầm Giò	1,10
		Cầu Đầm Giò	Trường Vừa A Dính	1,20
		Trường Vừa A Dính	Ranh giới bản Đắc Thốt	1,10
		Trường Vừa A Dính	Giáp ranh giới xã Đắc N'Drung	1,10
		Trường Vừa A Dính	Trường Hoa Ban	1,30
		Trường Vừa A Dính	Ranh giới xã Đắc Búk So	1,10
2	Đất ở khu dân cư ven trục đường chính thôn 2, 3, 5, 7, 8, Đầm Giò và bản Đắc Thốt			1,10
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,20
VI.4	Xã Năm N'Jang			
1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn Đức An	Ranh giới thị trấn Đức An + 200m	1,40
		Ranh giới thị trấn Đức An + 200m	Cầu 20 + 100m	1,30
		Cầu 20 + 100m	Ngã tư cầu 20 + 100m	1,30
		Ngã tư cầu 20 + 100m	Giáp ranh giới xã Trường Xuân	1,20
2	Đường vào thủy điện	Km 0 ngã ba vào thủy điện	Km 0 ngã ba vào thủy điện + 500m	1,30
3	Đường tỉnh lộ 686	Quốc lộ 14 (ngã tư cầu 20)	Hết Trường Nguyễn Văn Trỗi	1,20
		Hết Trường Nguyễn Văn Trỗi	UBND xã	1,30
		UBND xã	Chùa Hoa Quang	1,30
		Chùa Hoa Quang	Hết Trường Mẫu giáo thôn 1 cũ	1,20
		Hết Trường Mẫu giáo thôn 1 cũ	Ngã ba thôn 8 cũ	1,30
		Ngã ba thôn 8 cũ	Đập nước (ranh giới xã Đắc N'Drung)	1,10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
		Quốc lộ 14 (ngã tư cầu 20)	Lâm trường Đăk N'Tao	1,20
		Lâm trường Đăk N'Tao	Trạm Quốc lộ BVR (Công ty lâm nghiệp Đăk N'Tao)	1,10
4	Đường liên xã Nâm N'Jang - Đăk N'Drung	Ngã ba Tỉnh lộ 686 đi thôn 5 cũ	Giáp ranh giới xã Đăk N'Drung	1,20
5	Đường liên xã	Tỉnh lộ 686 (cầu Thác)	Thôn 7 cũ	1,20
6	Đường đi thôn 10	Ranh giới thị trấn Đức An	Ranh giới xã Đăk N'Drung	1,20
7	Đường liên thôn	Tỉnh lộ 686 (công viên hóa thôn 3 cũ)	Hết nhà mẫu giáo thôn 3 cũ	1,00
8	Đất ở khu vực còn lại			1,20
VI.5	Xã Thuận Hạnh			
1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới xã Nam Bình	Vườn ươm Công ty Lâm nghiệp Thuận Tân	1,20
		Vườn ươm Công ty Lâm nghiệp Thuận Tân	Km 796 (ngã ba đồn 8 cũ)	1,20
		Km 796 (ngã ba đồn 8 cũ) về hướng Đăk Mil 200m	Ranh giới huyện Đăk Mil	1,00
		Km 796 (ngã ba đồn 8 cũ)	Ngã ba Thuận Thành (nhà ông Vũ Đức Bình)	1,20
		Ngã ba Thuận Thành (nhà ông Vũ Đức Bình)	Đường vào đồn 765	1,00
2	Đường vào UBND xã	Ngã ba Thuận Thành (nhà ông Vũ Đức Bình)	Ngã ba cây xăng Thành Trọng	1,00
		Ngã ba cây xăng Thành Trọng	Cầu thôn Thuận Lợi - Thuận Tinh	1,30
		Ngã ba cây xăng Thành Trọng	Ngã ba cây xăng Thành Trọng + 500m hướng đi thôn Thuận Bắc	1,30
		Ngã ba (nhà ông Phạm Văn Thế) thôn Thuận Tinh về 3 hướng 250m		1,00
		Ngã ba (nhà ông Phạm Văn Thế) thôn Thuận Tinh + 250m	Cầu thôn Thuận Lợi - Thuận Tinh	1,00
		Ngã ba (nhà ông Phạm Văn Thế) thôn Thuận Tinh + 250m	Ngã ba (nhà ông Vũ Văn Tiên) thôn Thuận Tinh	1,00
3	Đường vào UBND xã	Ngã ba (nhà ông Phạm Văn Thế) thôn Thuận Tinh + 250m	Ranh giới xã Nam Bình	1,00
		Ngã ba (nhà ông Vũ Văn Tiên) thôn Thuận Tinh	Đường vào nhà thờ Bình Hà	1,00
		Đường vào nhà thờ Bình Hà	Ranh giới xã Thuận Hà	1,00
		Ngã ba (nhà ông Vũ Văn Tiên) thôn Thuận Tinh	Cầu nhà ông Trần Văn Sỹ	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
4	Đường liên thôn	Ngã tư Thuận Nghĩa về hướng cầu nhà ông Trần Văn Sỹ 300m		1,00
		Ngã tư Thuận Nghĩa	Phân hiệu Trường Mầm non Hoa Mai	1,00
		Ngã tư Thuận Nghĩa	Hết đất nhà Trúc Vinh (đại lý thu mua nông sản)	1,00
5	Đất ở ven trục đường chính các thôn			1,00
6	Đất ở khu dân cư còn lại			1,00
VI.6	Xã Trường Xuân			
1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới xã Nâm N'Jang	Ngã ba đường vào mỏ đá Trường Xuân (thôn 7 cũ)	1,20
		Ngã ba đường vào mỏ đá Trường Xuân	Ngã ba đường vào thôn 4	1,10
		Ngã ba đường vào thôn 4	Ngã ba đường vào kho đạn	1,30
		Ngã ba đường vào kho đạn	Ranh giới phường Quảng Thành - Gia Nghĩa	1,20
2	Đường liên thôn từ Quốc lộ 14 đi thôn 6	Quốc lộ 14	Ngã ba nhà bà Phạm Thị Hoa	1,20
3	Đường liên thôn từ Quốc lộ 14 đi Bon Bu N'Jang cũ	Quốc lộ 14	Nhà ông Huyền	1,20
4	Đường liên thôn từ Quốc lộ 14 đi thôn 8 cũ	Quốc lộ 14	Nhà ông Lê Xuân Thọ	1,20
5	Các đường nhánh có tiếp giáp với Quốc lộ 14 còn lại			1,00
6	Ngã ba Bon Bu N'Jang cũ nhà bà Lý Trọng đi hướng Quốc lộ 14 đến nhà ông Đoàn Quang Hải			1,00
7	Ngã ba Bon Bu N'Jang cũ nhà bà Lý Trọng đi hướng cầu Xây đến nhà ông Hào			1,00
8	Ngã ba Bon Bu N'Jang cũ nhà bà Lý Trọng đi hướng Bon Bu Bơ Đắc Nông (cũ) đến nhà văn			1,00
9	Đất ở khu dân cư còn lại			1,50
VI.7	Xã Đắc Mol			
1	Đường Tỉnh lộ 682	Giáp huyện Đắc Mil	Cổng nhà bà Xuyên thôn Đắc Sơn 1	1,60
		Cổng nhà bà Xuyên thôn Đắc Sơn 1	Ranh giới xã Đắc Hòa	1,90
2	Đường liên thôn	Cổng văn hóa thôn Đắc Sơn 1	Hết đường vòng thôn Đắc Sơn 1	1,40
		Ngã ba Tỉnh lộ 682	Giáp thôn Đắc Sơn 2 - Đắc Hòa	1,40
		Giáp ranh giới xã Đắc Sắk	Nhà ông Nguyễn Trường Sơn thôn 4 cũ	1,40
		Giáp ranh giới xã Đắc Hòa	Cầu Bon A3	1,50

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
3	Đường đi E29	Ngã ba Tỉnh lộ 682	Cầu Bon Jary cũ	1,50
		Cầu Bon Jary cũ	Cổng văn hóa thôn Hà Nam Ninh	1,30
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Xuân Trung thôn Hà Nam Ninh	Trường Tiểu học Trần Bội Cơ	1,20
		Trường Tiểu học Trần Bội Cơ	Nhà ông Trần Phong Tỏa thôn E29.1 cũ	1,00
		Đoạn đường còn lại		1,00
4	Đất ở khu dân cư còn lại			1,00
VI.8	Xã Đắc N'Drung			
1	Đường liên xã Đắc N'Drung - Nam Bình	Ngã ba Tỉnh lộ 686	Hết Trường Lý Thường Kiệt	1,30
		Hết Trường Lý Thường Kiệt	Ranh giới xã Nam Bình	1,20
2	Đường liên xã Đắc N'Drung - Năm N'Jang	Ngã ba tỉnh lộ 686	Hết trường cấp III	1,20
		Hết trường cấp III	Ranh giới xã Năm N'Jang	1,10
3	Đường liên xã Đắc N'Drung - Thuận Hà	Ngã ba Công ty cà phê	Ngã ba nhà ông Trọng	1,40
		Ngã ba nhà ông Trọng	Ranh giới xã Thuận Hà	1,10
4	Đường tỉnh lộ 686	Ranh giới xã Năm N'Jang	Hết nhà thờ Bu Roá	1,00
		Hết nhà thờ Bu Róa	Hội trường thôn 7 cũ	1,20
		Hội trường thôn 7 cũ	Hết bưu điện	1,30
		Hết bưu điện	Ngã ba Công ty cà phê Đắc Nông	1,30
		Ngã ba Công ty cà phê Đắc Nông	Giáp xã Đắc Búk So	1,10
5	Đường đi thôn 10	Ranh giới xã Năm N'Jang	Tỉnh lộ 686	1,00
6	Đường đi thôn 7 cũ	Trạm y tế	Ngã ba nhà Hiền Loan	1,00
7	Đất ở khu dân cư còn lại			1,00
VI.9	Xã Đắc Hòa			
1	Đường Tỉnh lộ 682	Ranh giới xã Đắc Mol	Đập nước Đắc Mol	1,50
		Km 0 (đập nước)	Nhà ông Tiếp	1,50
		Nhà ông Tiếp	Ranh giới thôn rừng lạnh	1,40
		Ranh giới thôn rừng lạnh	Hết Công ty lâm nghiệp Đắc Hòa	1,40
		Hết Công ty lâm nghiệp Đắc Hòa	Ranh giới xã Nam Bình	1,50

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã	Ngã ba Đắc Hoà (nhà bà Ngọc)	Ranh giới xã Đắc Mol (thôn Hà Nam Ninh)	1,40
		Đường liên thôn Đắc Hòa 2 cũ	Ranh giới xã Đắc Mol (thôn Hà Nam Ninh)	1,40
3	Đường liên thôn	Thôn Đắc Sơn	Giáp tỉnh lộ 682	1,30
		Ngã tư (ông Đương) thôn Đắc Sơn 3 cũ	Ngã ba (ông Hòa) thôn Tân Bình 2 cũ	1,20
		Giáp tỉnh lộ 682 (cầu khi)	Hết đất ông Cao Tiến Đạt	1,20
4	Đất ở khu dân cư còn lại			1,50
VII	HUYỆN CỬ JÚT			
VII.1	Thị trấn Ea T'ling			
1	Đường Nguyễn Tất Thành (về phía Đắc Nông)	Cửa hàng xe máy Bảo Long	Ngã 5 đường Ngô Quyền	1,20
2	Đường Nguyễn Tất Thành (về phía Đắc Lắk)	Cửa hàng xe máy Bảo Long	Hết cửa hàng xe máy Lai Hương	1,30
		Hết cửa hàng xe máy Lai Hương	Hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi	1,30
		Hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi	Giáp ranh xã Tâm Thắng	1,20
3	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã 5 đường Ngô Quyền	Cổng nhà ông Trị (Km0 + 110m)	1,20
		Cổng nhà ông Trị (Km0 + 110m)	Đường Nguyễn Công Trứ (Công phụ vào Nhà máy điều)	1,30
		Đường Nguyễn Công Trứ (Công phụ vào Nhà máy điều)	Ngã 3 đường Lê Hồng Phong (đường vào Sao ngàn phương)	1,30
		Ngã 3 đường Lê Hồng Phong (đường vào Sao ngàn phương)	Hết ranh giới Thị trấn Ea Tling giáp xã Trúc Sơn	1,30
4	Đường Hùng Vương (đường đi Krông Nô)	Ngã 5 đường Trần Hưng Đạo	Ngã 3 đường Bà Triệu (Công thôn Văn hoá TDP 4)	1,30
		Ngã 3 đường Bà Triệu (Công thôn Văn hoá TDP 4)	Ngã 4 đường Nguyễn Du (vào Thác Trinh Nữ)	1,30
		Ngã 4 đường Nguyễn Du (vào Thác Trinh Nữ)	Nhà máy nước sạch	1,20
		Nhà máy nước sạch	Hết ranh giới Thị trấn giáp huyện Krông Nô	1,30
5	Đường Nguyễn Du (vào thác Trinh Nữ)	Km 0 (ngã 4 đường Hùng Vương)	Ngã 3 đường Trường Chinh	1,20
		Ngã 3 đường Trường Chinh	Cổng thác Trinh Nữ	1,20
6	Đường Trường Trinh (đường sinh thái)	Ngã 3 đường Nguyễn Du	Giáp ranh xã Tâm Thắng	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
7	Đường Hai Bà Trưng (vào TDP 6)	Ngã 5 đầu đường Hai Bà Trưng	Đường Trương Công Định (Ngã 3 khu tập thể huyện, công nhà ông Hưng)	1,00
		Đường Trương Công Định (Ngã 3 khu tập thể huyện, công nhà ông Hưng)	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Ngã 3 nhà ông Xế)	1,00
		Đường Nguyễn Hữu Thọ (Ngã 3 nhà ông Xế)	Ngã 3 đường Nguyễn Du (vào thác Trinh Nữ)	1,00
8	Đường Lý Tự Trọng	Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành)	Km 0 +130m	1,00
		Km 0 +130m	Hết nhà thờ từ đường họ Phạm	1,10
		Hết nhà thờ từ đường họ Phạm	Hết cổng ngã 5 đường Phạm Văn Đồng (nhà ông Tòng)	1,10
		Hết cổng ngã 5 đường Phạm Văn Đồng (nhà ông Tòng)	Ngã 3 đường Trương Chinh (đường sinh thái)	1,00
9	Đường Nguyễn Văn Linh (đường đi Nam Dong)	Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 4 Nguyễn Tất Thành)	Ngã 3 đường Lê Lợi	1,00
		Ngã 3 đường Lê Lợi	Hẻm 219 đường Nguyễn Văn Linh	1,20
		Hẻm 219 đường Nguyễn Văn Linh	Ngã 4 đường Phan Chu Trinh	1,20
10	Đường Phan Chu Trinh (đường Tấn Hải)	Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 4 Nguyễn Tất Thành)	Cổng Trường THPT Phan Chu Trinh	1,20
11	Đường Phạm Văn Đồng (Khu phố chợ)	Km 0 Quốc lộ 14 (Ngã 4 Nguyễn Tất Thành)	Ngã 3 đường Nguyễn Trãi (hết khu phố chợ, ngã 3 đường sau chợ)	1,30
		Ngã 3 đường Nguyễn Trãi (hết khu phố chợ, ngã 3 đường sau chợ)	Ngã 3 đường Đinh Thiên Hoàng (đốc đá)	1,20
		Ngã 3 đường Đinh Thiên Hoàng (đốc đá)	Ngã 5 đường Lý Tự Trọng (Ngã 5 nhà ông Tòng)	1,30
12	Đường Đinh Thiên Hoàng	Ngã 3 đường Phạm Văn Đồng (đốc đá)	Ngã 3 đường Nguyễn Bình Khiêm (nhà ông Chề)	1,20
13	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Ngã 3 đường Đinh Thiên Hoàng (nhà ông Chề)	Cổng ngã 5 đường Lý Tự Trọng (nhà ông Tòng)	1,20
14	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đường vào Siêu thị Tấn Thắng)	Km 0 Quốc lộ 14 (Ngã 3 Nguyễn Tất Thành)	Ngã 3 đường Nguyễn Trãi (Hết khu phố chợ)	1,30
15	Đường Nguyễn Trãi (Đường phía sau chợ huyện bệnh viện cũ)	Ngã 3 đường Phạm Văn Đồng	Ngã 3 đường Huỳnh Thúc Kháng (đường vào Siêu thị Tấn Thắng)	1,20
		Ngã 3 đường Huỳnh Thúc Kháng (đường vào Siêu thị Tấn Thắng)	Ngã 3 đường Quang Trung	1,20
16	Đường Trương Công Định (đường nhà ông Khoa)	Ngã 3 đường Phạm Văn Đồng	Ngã 3 đường Lý Tự Trọng (đường vào TDP 7)	1,30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
17	Đường Trương Công Định (đường vào khu tập thể huyện)	Ngã 3 đường Hai Bà Trưng	Ngã 3 đường Lý Tự Trọng (đường vào TDP 7)	1,30
18	Đường Ngô Quyền (vào Trung tâm Chính trị)	Km0 ngã 5 Nguyễn Tất Thành	Ngã 4 đường Y Ngông - đường Lê Quý Đôn	1,20
		Ngã 4 đường Y Ngông - đường Lê Quý Đôn	Ngã 3 đường Lê Hồng Phong	1,30
19	Đường Lê Lợi	Km0 ngã 3 đường Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đường Nơ Trang Gurr	1,20
		Ngã 3 đường Nơ Trang Gurr	Ngã 3 đường Nguyễn Khuyến (Hoa viên Hồ Trúc)	1,30
20	Đường Lê Hồng Phong (đường vành đai)	Ngã 3 đường Nguyễn Khuyến (Hoa viên Hồ Trúc)	Ngã 3 nhà ông Säck	1,20
		Ngã 3 nhà ông Säck	Ngã 3 đường Trần Hưng Đạo	1,30
21	Đường Điện Biên Phủ (đường vào Sao ngàn phương)	Ngã 3 đường Lê Hồng Phong	Giáp cầu	1,20
22	Đường Kim Đồng (nhà máy điều)	Km 0 ngã 3 đường Trần Hưng Đạo	Nhà máy điều (Cổng chính)	1,30
	Đường Nguyễn Công Trứ (nhà máy điều)	Km 0 ngã 3 đường Trần Hưng Đạo	Nhà máy điều (Cổng phụ)	1,20
23	Đường Lê Quý Đôn (Tuyến 2 Bon U2)	Ngã 3 đường Nguyễn Đình Chiểu (Chùa Huệ Đức)	Ngã 4 giáp đường Y Ngông	1,20
24	Đường Y Ngông (Tuyến 2 Bon U2)	Ngã 4 giáp đường Lê Quý Đôn	Ngã 3 đường Nơ Trang Gurr	1,30
25	Đường Nơ Trang Gurr (Tuyến 2 bon U2)	Ngã 3 đường Y Ngông	Ngã 3 đường Lê Lợi	1,30
26	Đường Nơ Trang Long (Tuyến 2 Bon U1)	Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành)	Ngã 3 đường Nguyễn Thị Định	1,10
		Ngã 3 đường Nguyễn Thị Định	Hẻm 214 Nguyễn Văn Linh (bên cạnh Trường Mẫu giáo EaTling)	1,10
		Hẻm 214 Nguyễn Văn Linh (bên cạnh Trường Mẫu giáo EaTling)	Ngã 3 đường Quang Trung	1,20
27	Đường Bà Triệu (đường vào TDP 4)	Ngã 3 đường Hùng Vương	Ngã 3 đường Đoàn Thị Điểm	1,30
		Ngã 3 đường Đoàn Thị Điểm	Ngã 4 đường Y Nuê (cạnh nhà ông Chính)	1,20
		Ngã 4 đường Y Nuê (cạnh nhà ông Chính)	Ngã 3 đường Võ Thị Sáu	1,30
28	Đường Nguyễn Đình Chiểu (Cạnh Chùa Huệ Đức)	Km0 ngã 3 đường Trần Hưng Đạo	Ngã 3 đường Lê Hồng Phong	1,30
29	Đường Võ Thị Sáu (đường đội 7)	Km 0 (ngã 3 đường Trần Hưng Đạo)	Km 0 + 500m	1,30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
30	Đường Lê Duẩn	Km 0 (ngã 3 đường Phan Chu Trinh)	Ngã 4 đường Quang Trung (nhà ông Sự)	1,20
31	Đường Nguyễn Chí Thanh (Cạnh Kiểm lâm)	Ngã 3 đường Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đường Lê Duẩn	1,20
32	Đường Quang Trung	Ngã 3 đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã 3 đường Nguyễn Khuyến (đường quanh hồ trúc)	1,20
		Ngã 3 đường Nguyễn Khuyến (đường quanh hồ trúc)	Ngã 4 đường Nguyễn Văn Linh (trước mặt nhà ông Trinh)	1,20
		Ngã 4 đường Nguyễn Văn Linh (trước mặt nhà ông Trinh)	Ngã 3 đường Lý Thái Tổ (nhà ông Hữu)	1,00
		Ngã 3 đường Lý Thái Tổ (nhà ông Hữu)	Ngã 4 đường Lê Duẩn (nhà ông Sự)	1,00
		Ngã 4 đường Lê Duẩn (nhà ông Sự)	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành	1,00
		Km 0 (ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành giáp bệnh viện)	Ngã 3 đường Nguyễn Trãi (Km 0 + 300m)	1,10
		Ngã 3 đường Nguyễn Trãi (Km 0 + 300m)	Đường Lê Lai (Giáp ranh xã Tâm Thắng)	1,10
33	Đường Y Jút (đường vào Nhà rông Bon U3 Cạnh trụ điện 500Kv)	Km 0 đường Nguyễn Văn Linh	Km 0 + 700m (Nhà rông Bon U3)	1,30
34	Đường Y Bí Aiêô (Tuyến 2 bon U3)	Ngã 3 hẻm 219 đường Nguyễn Văn Linh (Trường Dân tộc nội trú)	Ngã 4 đường Y Jút (Ngã 3 nhà ông Vận)	1,20
		Ngã 4 đường Y Jút (Ngã 3 nhà ông Vận)	Đường Nguyễn Văn Linh	1,30
35	Đường Lê Lai (đường vào khu đồng chua)	Km 0 (Ngã 3 Nguyễn Tất Thành)	Ngã 3 đường Quang Trung	1,20
		Ngã 3 đường Quang Trung	Đường di thôn 4, 5 xã Tâm Thắng	1,20
36	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã 3 đường Trần Hưng Đạo	Giáp đường Lê Hồng Phong	1,30
		Ngã 4 đường Lê Hồng Phong	Đường Quang Trung	1,20
37	Đường Mạc Thị Bưởi (đường liên Tổ dân phố 9)	Ngã 3 đường Nơ Trang Long (cạnh nhà ông Tuyển)	Giáp đường Phan Chu Trinh	1,20
38	Đường Yon	Ngã 3 đường Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đường Nguyễn Chí Thanh	1,20
39	Đường Lý Thái Tổ	Ngã 3 đường Quang Trung	Ngã 3 đường Phan Chu Trinh	1,20
40	Đường Nguyễn Tri Phương	Ngã 3 đường Lý Thường Kiệt	Ngã 3 đường Phan Chu Trinh	1,20
41	Đường Phan Đăng Lưu	Ngã 3 đường Lý Thường Kiệt	Ngã 3 đường Phan Chu Trinh	1,20
42	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lý Thái Tổ	Đường Phan Đăng Lưu	1,20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
43	Đường Trần Quý Cáp	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
44	Đường Nguyễn Khuyến	Ngã 3 đường Lê Hồng Phong	Ngã 3 đường Quang Trung	1,00
45	Đường Mai Hắc Đế	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Điện Biên Phủ	1,00
46	Đường Phan Đình Giót			1,00
47	Đường Hồ Tùng Mậu			1,00
48	Đường Nguyễn Viết Xuân	Km 0 đường Trần Hưng Đạo	Km 0 +360 m	1,00
		Km 0 +360 m	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,00
49	Đường Y Nuê	Km 0 đường Trần Hưng Đạo	Km 0 + 360 m	1,00
		Km 0 + 360 m	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,00
50	Đường Tô Hiến Thành	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã 3 hẻm 84 đường Hùng Vương	1,00
		Ngã 3 hẻm 84 đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,00
51	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	1,00
53	Đường Tuệ Tĩnh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	1,00
54	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	1,00
55	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	1,00
56	Đường Cao Thắng	Đường Hùng Vương	Đường Hai Bà Trưng	1,00
57	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Nơ Trang Long	Hẻm 35 đường Y Ngông	1,00
58	Hẻm 41 đường Bà Triệu	Đường Bà Triệu	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,00
59	Hẻm 29 đường Bà Triệu	Đường Bà Triệu	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,00
60	Hẻm 13 đường Bà Triệu	Đường Bà Triệu	Hẻm 84 đường Hùng Vương	1,00
61	Hẻm 28 đường Hùng Vương			1,00
62	Hẻm 84 đường Hùng Vương	Đường Hùng Vương	Hẻm 29 đường Bà Triệu	1,00
63	Hẻm 100 đường Hùng Vương	Đường Hùng Vương	Đường Tô Hiến Thành	1,00
64	Hẻm 35 đường Y Ngông	Đường Y Ngông	Đường Nguyễn Thị Định	1,00
65	Hẻm 10 đường Nguyễn Thị Minh Khai			1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
66	Khu trung tâm thị trấn			1,00
67	Ngoài trung tâm thị trấn			1,00
VII.2	Xã Tâm Thắng			
1	Quốc lộ 14	Ngã 3 Tấn Hải (giáp thị trấn)	Ngã 3 Khu công Nghiệp Tâm Thắng	1,20
		Ngã 3 Khu công Nghiệp Tâm Thắng	Cầu 14	1,20
2	Đường đi Nam Dong	Ngã 3 Quốc lộ 14	Cổng Trường Trung học phổ thông Phan Chu Trinh	1,10
		Ngã 4 Trường Trung học phổ thông Phan Chu Trinh	Ngã 3 hết thôn 9	1,10
		Ngã 3 hết thôn 9	Cầu sắt (Giáp ranh Nam Dong)	1,10
3	Đường vào nhà máy đường	Ngã 3 Quốc lộ 14	Suối hương	1,00
4	Đường vào Trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng	Ngã 3 Quốc lộ 14	Trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng	1,10
		Trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng	Ngã 4 buôn Ea Pô	1,10
		Ngã 4 buôn Ea Pô	Giáp ranh xã Nam Dong	1,00
5	Đường bê tông thôn 10	Ngã 3 thôn 09	Ngã 4 nhà ông Hải	1,00
6	Liên thôn	Nhà ông Hải	Ngã 4 buôn EaPô	1,00
7	Đường thôn 2 đi thôn 4, 5	Ngã 3 nhà ông Dũng	Ngã 3 nhà ông Đại (giáp thị trấn)	1,00
		Ngã 3 nhà ông Đại (giáp thị trấn)	Ngã 3 hồ cầu Đồng Xanh	1,10
		Quốc lộ 14	Hết nhà bà Tuyết	1,00
8	Đường thôn 4	Ngã 3 Quốc lộ 14	Cầu nhà ông Chính	1,10
		Cầu nhà ông Chính	Ngã 3 nhà ông Cường	1,10
9	Đường sinh thái	Quốc lộ 14	Giáp suối hương (khu bộ đội)	1,00
		Giáp suối hương (khu bộ đội)	Giáp ranh thị trấn Ea Tling	1,00
10	Đường Buôn Nui	Ngã 3 Quốc lộ 14	Ngã 4 nhà ông Việt	1,10
		Ngã 4 nhà ông Việt	Nhà văn hóa Bốn Buôn	1,00
		Nhà văn hóa Bốn Buôn	Ngã 4 đất ông Y Jút	1,00
11	Đường thôn 6	Quốc lộ 14	Cầu nhà ông Thàn	1,10
12	Đường thôn 12	Quốc lộ 14	Nhà ông Soát	1,00
13	Đường Tấn Hải đi Buôn Trum			1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
14	Đường thôn 3 đi UBND xã Tâm Thắng	Ngã 3 Quốc lộ 14	Ngã 3 nhà ông Ngọ	1,00
		Ngã 3 nhà ông Ngọ	Ngã 3 nhà ông Hưng	1,00
		Ngã 3 nhà ông Hưng	Ngã 3 đường sinh thái	1,00
15	Đất ở còn lại các trục đường nhánh (đường bê tông, nhựa) của trục chính			1,00
16	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VII.3	Xã Trúc Sơn			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn	Công Công ty Tân Phát	1,00
		Công Công ty Tân Phát	Giáp xã Đắc Gân	1,00
2	Đường đi Cư K'Nia	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 300m	1,00
		Km 0 + 300m	Chân dốc Cổng trời	1,00
3	Đường bê tông thôn 1			1,00
4	Đường bê tông liên thôn 1, 2, 3, 4			1,00
5	Đường bê tông thôn 3			1,00
6	Đường bê tông liên thôn 6			1,00
7	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VII.4	Xã Cư K'Nia			
1	Đường trục chính	Giáp ranh xã Trúc Sơn	Cổng Văn hóa thôn 1	1,00
		Cổng Văn hóa thôn 1	Nhà ông Tặng	1,00
		Nhà ông Tặng	Hết đất nhà ông Tại	1,00
		Hết đất nhà ông Tại	Cầu Đắc Drông	1,00
2	Đường vào UBND xã	Ngã 3 nhà ông Thịnh	Trường Chu Văn An	1,20
		Trường Chu Văn An	Ngã 3 nhà ông Nhân	1,30
		Cổng Văn hóa thôn 2	Trụ sở UBND xã	1,00
		Ngã 3 nhà ông Nhân	Cầu Hòa An	1,00
		Cầu Hòa An	Đường vào thôn 9, 10	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
3	Đường vào thôn 5, thôn 6	Ngã 3 nhà ông Nhân + 100m	Ngã 3 công trình nước sạch	1,00
		Ngã 3 công trình nước sạch	Hết đường	1,00
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
5	Khu dân cư thôn 12 (bổ sung)			1,00
6	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá và các thôn, bon (bổ sung)			1,00
VII.5	Xã Nam Dong			
1	Các trục đường chính	Cầu sắt (giáp ranh Tâm Thắng)	Ngã 3 nhà ông Thái	1,00
		Ngã 3 nhà ông Thái	Ngã 3 nhà ông Nghiệp	1,00
		Ngã 3 nhà ông Nghiệp	Ngã 3 Khánh Bạc	1,00
		Ngã 3 Khánh Bạc	Ngã 3 thôn 5 (nhà ông Khoán)	1,00
		Ngã 3 thôn 5 (nhà ông Khoán)	Ngã 3 thôn 3 (nhà ông Lai)	1,00
		Ngã 3 thôn 3 (nhà ông Lai)	Ngã 4 Trường Phan Bội Châu	1,00
		Ngã 4 Trường Phan Bội Châu	Ngã 3 phân trường thôn 1	1,00
		Ngã 3 phân trường thôn 1	Giáp ranh xã EaPô	1,00
2	Đường đi buôn Tia	Ngã 3 nhà ông Thái	Ngã 4 Đức Lợi	1,00
3	Đường đi Đăk Drông (A)	Km 0 (ngã 3 Khánh Bạc)	Ngã 4 tuyến 2 thôn 10, thôn 6	1,00
		Ngã 4 tuyến 2 thôn 10, thôn 6	Hội trường Thôn 7	1,00
		Hội trường Thôn 7	Giáp ranh xã Đăk Drông	1,00
4	Đường đi Đăk Drông (B)	Km 0 (Ngã 3 nhà ông Khoán)	Ngã 4 tuyến 2 thôn 6	1,00
		Ngã 4 tuyến 2 thôn 6	Hết khu dân cư thôn 5	1,00
		Hết khu dân cư thôn 5	Giáp ranh xã Đăk Drông	1,00
5	Đường đi xã Tâm Thắng	Ngã 4 chợ Nam Dong	Nhà ông Chiêu	1,00
		Nhà ông Chiêu	Ngã 4 Đài Tượng Niệm	1,00
6	Đường đi xã Đăk Wil	Ngã 4 chợ Nam Dong	Ngã 3 tuyến 2 thôn Trung Tâm	1,00
		Ngã 3 tuyến 2 thôn Trung Tâm	Ngã 3 nhà ông Quỳnh+50m	1,00
		Ngã 3 nhà ông Quỳnh+50 m	Hết đất nhà ông Nhạc (thôn 4)	1,00
		Hết đất nhà ông Nhạc (thôn 4)	Giáp ranh Đăk Wil	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
7	Đường vào khu dân cư thôn 3	Ngã 3 thôn 3 (Nhà ông Lai)	Ngã 3 nhà ông Lạc	1,00
		Ngã 3 nhà ông Lạc	Ngã 3 nhà ông Sơn	1,00
		Ngã 3 nhà ông Sơn	Ngã 3 nhà ông Chiến thôn 2	1,00
		Ngã 3 nhà ông Sơn	Nhà ông Hoè	1,00
8	Đường đi Thác Drayling (thôn 2)	Ngã 4 trường Phan Bội Châu	Ngã 3 nhà ông Nhạ	1,00
		Ngã 3 nhà ông Nhạ	Cầu ông Thái	1,00
		Cầu ông Thái	Buôn Nui	1,00
9	Đường đi thôn 16	Ngã 3 ông Nhạ	Ngã 3 nhà ông Nhân	1,00
		Ngã 3 nhà ông Nhân	Ngã 3 nhà ông Công	1,00
10	Toàn bộ tuyến hai thôn 6			1,00
11	Toàn bộ tuyến hai thôn 10			1,00
12	Toàn bộ tuyến hai thôn 13			1,00
13	Toàn bộ tuyến 2 thôn Trung tâm (Sau UBND xã)			1,00
14	Đường đi thôn 12	Ngã 4 Đài Tưởng Niệm	Ngã 3 vườn điều	1,00
		Ngã 3 vườn điều	Giáp ranh xã Tâm Thắng	1,00
		Ngã 3 vườn điều	Giáp ranh xã Ea Pô	1,00
15	Toàn bộ tuyến 2 thôn 1, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn Tân Ninh			1,00
16	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá, thôn buôn	Cầu sắt	Ngã 3 Khánh Bạc	1,00
		Ngã 3 Khánh Bạc	Ngã 4 Trường Phan Bội Châu	1,00
		Ngã 4 Trường Phan Bội Châu	Giáp ranh xã Ea Pô	1,00
		Ngã 3 Khánh Bạc	Giáp ranh xã Đăk Drông	1,00
17	Đường vào UBND xã mới	Ngã 4 Đài Tưởng Niệm	UBND xã + 400m	1,00
18	Đường từ UBND xã mới đi trục đường chính	Ngã 3 cây xăng Anh Tuấn	Ngã 3 Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành	1,00
		Ngã 3 nhà ông Hiến	Ngã 3 đường vào UBND xã	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
19	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VII.6	Xã Đăk Drông			
1	Trục đường chính	Giáp ranh Nam Dong	Cầu thôn 2 cũ	1,00
		Cầu thôn 2 cũ	Cách tim công chợ 200m	1,00
		Tim công chợ về hai phía, mỗi phía 200m		1,00
		Cách tim công chợ 200m	Ranh giới thôn 5, thôn 6	1,00
		Ranh giới thôn 5, thôn 6	Cách công UBND xã 500m	1,00
		Công UBND xã về hai phía mỗi phía 500m		1,00
		Cách công UBND xã 500m	Cách ngã 4 thôn 14 cũ, thôn 15 cũ trừ 200m	1,00
		Ngã 4 thôn 14 về 4 phía	Ngã 4 thôn 14 về 4 phía + 200m	1,00
		Ngã 4 thôn 14 + 200m	Đường UBND xã đi Quán Lý	1,00
		Ngã 4 thôn 14 + 200m	Ngã 3 nhà ông (Hóa) nhà ông Bảo	1,00
		Ngã 4 thôn 14 + 200m	Cầu thôn 15	1,00
		Cầu thôn 15 cũ	Cầu Suối Kiểu	1,00
		2	Đường đi Quán Lý	Km 0 (UBND xã)
Km 0 + 200m	Cách ngã 3 Quán Lý trừ 100m			1,00
Trung tâm ngã 3 Quán Lý về 3 phía, mỗi phía 100m				1,00
Từ ngã 3 Quán Lý + 100m	Giáp ranh xã Đăk Wil			1,00
Từ ngã 3 Quán Lý + 100m	Giáp ranh xã Nam Dong			1,00
3	Đường đi Cư K'Nia	Ngã 3 chợ (nhà ông Thắng)	Hết khu Ki ốt chợ	1,00
		Hết khu Ki ốt chợ	Hết khu Ki ốt chợ + 500 (Về phía cầu Cư K'Nia)	1,00
		Hết Khu Ki ốt chợ + 500m	Cầu Cư K'Nia	1,00
4	Đường đi lòng hồ	Ngã 3 thôn 10	Cầu thôn 11	1,00
		Cầu thôn 11	Bờ đập lòng hồ	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
		Bờ đập lòng hồ	Hết thôn 20	1,00
5	Đường đi thôn 17	Ngã hai thôn 16 (nhà ông Lâm)	Ngã 3 nhà ông Đội (thôn 17)	1,00
		Ngã 3 nhà ông Đội (thôn 17)	Giáp ranh xã Đăk Wil	1,00
6	Đường đi thôn 19	Ngã 3 C4 (nhà ông Định)	Trường học thôn 19	1,00
7	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn, bon			1,00
8	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VII.7	Xã Ea Pô			
1	Trục đường chính (đường nhựa)	Ranh giới xã Nam Dong	Ngã 4 thôn Thanh Tâm (ngã 4 chợ Ea Pô) trừ (-) 150m	1,00
		Ngã 4 thôn Thanh Tâm (ngã 4 chợ Ea Pô) trừ (-) 150m	Ngã 3 Trạm xá xã	1,10
		Ngã 3 Trạm xá xã	Ngã 3 thôn Tân Sơn	1,00
		Ngã 3 thôn Tân Sơn	Ranh giới xã Đăk Wil	1,00
2	Trục đường chính (đường đất, đường đi Buôn Nui)	Ngã 4 thôn Thanh Tâm	Ngã 3 nhà ông Lộc	1,00
		Ngã 3 nhà ông Lộc	Đường đi Buôn Nui (Ngã 3 cây mít)	1,00
3	Đường trục chính đi thôn Buôn Nui (Nam Dong đi Buôn Nui)	Ranh giới xã Nam Dong	Mốc địa giới 3 mặt bờ sông	1,00
4	Đường đi thôn Trung Sơn	Ngã 3 nhà ông Lộc	Ngã 4 thôn Trung Sơn	1,00
		Ngã 4 thôn Trung Sơn	Ngã 3 nhà ông Tuất	1,00
5	Đường đi thác Linda	Ngã 3 trạm y tế xã (Thôn 4)	Ngã 3 thôn Phú Sơn cũ	1,00
6	Đường đi thôn Nam Tiến	Ngã 3 thôn Tân Sơn	Ngã 3 nhà ông Tuất	1,00
		Ngã 3 nhà ông Tuất	Ngã 3 thôn Suối Tre	1,00
7	Đường Thanh Xuân đi thôn Tân Tiến	Ngã 3 Thanh Xuân (Km0 đường đi Đăk Win)	Ngã 4 Tân Tiến (Km0 đường đi Đăk Win)	1,00
8	Đường đi thôn Hợp Thành	Ngã 3 thôn Hợp Thành	Hết nhà ông Nghiệp	1,00
9	Đường đi ngã sáu	Từ nhà ông Tài	Hết ngã sáu	1,00
		Hết ngã sáu	Đường vào khu 3 tầng	1,00
10	Đường đi thôn Thanh Xuân	Km 0 (Ngã 4 thôn Thanh Tâm (Ngã 4 chợ))	Km 0 + 150m (Nhà ông Chắt)	1,00
		Km 0 + 150m (Nhà ông Chắt)	Hết khu dân cư	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
11		Ngã 4 Phú Sơn cũ	Ngã 3 nhà ông Đậu	1,00
12	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn, bon			1,00
13	Khu Tái định cư Cồn Dầu			1,00
14	Khu Tái định cư Thủy điện SêRêPôk 3			1,00
15	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VII.8	Xã Đắk Wil			
1	Trục đường chính (Đường nhựa)	Km 0 (Công chợ Đắk Wil) về hai phía, mỗi phía 150m		1,00
		Km 0 + 150m	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	1,00
		Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Cách ngã 3 (Nhà ông Dục - 50m)	1,00
		Cách ngã 3 (Nhà ông Dục - 50m)	Cách ngã 3 nhà ông Dục + 50m	1,00
		Cách ngã 3 nhà ông Dục + 50m	Giáp ranh xã EaPô	1,00
		Ngã 3 nhà ông Dục	Ngã 3 nhà ông Dục + 200m	1,00
		Ngã 3 nhà ông Dục + 200m	Hết ngã 6	1,00
		Km 0 + 150m	Bưu điện Văn hóa xã	1,00
		Bưu điện Văn hóa xã	Ngã 3 nhà ông Thạch	1,00
		Ngã 3 nhà ông Thạch	Hết thôn 9	1,00
		Ngã 3 chợ	Ngã 3 thôn Hà Thông, Thái Học	1,00
		Ngã 3 thôn Hà Thông, Thái Học	Giáp Đắk Drông	1,00
		Ngã 3 ông Đẻ	Giáp xã Nam Dong	1,00
		Ngã 3 ông 4	Hết công trường cấp 3	1,00
2	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn, buôn			1,00
3	Đất ở khu dân cư còn lại			1,00
VIII	HUYỆN KRÔNG NÔ			
VIII.	Thị trấn Đắk Mâm			
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Cột mốc Km số 16 Quốc lộ 28 (cầu 1, giáp xã Nam Đà)	Ngã tư Bùng bình	1,00
		Ngã tư Bùng bình	Ngã tư Ngân hàng Nông Nghiệp	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã tư Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã ba đường vào Đài truyền thanh huyện	1,00
		Ngã ba đường vào Đài truyền thanh huyện	Ngã ba nhà ông Nguyễn Thế Giới (Trường Mẫu giáo Hòa Mi)	1,00
3	Quốc lộ 28	Ngã ba nhà ông Nguyễn Thế Giới (Trường Mẫu giáo Hòa Mi)	Giáp ranh xã Đăk Drô (Ngã ba trung tâm giáo dục thường xuyên)	1,00
4	Đường đi Buôn Choah	Ngã ba nhà ông Nguyễn Thế Giới (Trường Mẫu giáo Hòa Mi) hướng đi Buôn Choah	Giáp ranh xã Đăk Drô	1,00
5	Đường Nơ Trang Long	Ngã Tư bùng binh	Ngã ba Tổ dân phố 5 (cũ)	1,00
6	Đường Hùng Vương	Ngã ba Tổ dân phố 5 (cũ)	Hết đường 01 chiều giáp nhà ông Trần Văn Bình	1,00
		Hết đường 01 chiều giáp nhà ông Trần Văn Bình	Cầu Đò	1,00
7	Đường Tỉnh lộ 683	Cầu Đò (thôn Đăk Hà)	Ngã ba buôn Dốc Linh	1,00
		Ngã ba buôn Dốc Linh	Hướng đi xã Nam Xuân + 300m	1,00
		Hướng đi xã Nam Xuân + 300m	Cầu cháy	1,00
		Ngã ba buôn Dốc Linh (đường đi Tân Thành)	Ngã ba vào nhà cộng đồng Buôn Broih	1,00
		Ngã ba vào nhà cộng đồng Buôn Broih	Đường đi vào Mỏ đá	1,00
		Đường đi vào Mỏ đá	Giáp ranh xã Tân Thành	1,00
8	Đường Chu Văn An + đường Lê Thánh Tông	Ngã ba Tỉnh lộ 684 cũ (Trường THPT)	Ngã ba Tổ dân phố 3 (cũ)	1,00
9	Đường Quang Trung	Ngã tư Ngân hàng Nông Nghiệp	Hết nhà ông Nguyễn Văn Lộc	1,00
10	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Giáp đường Quang Trung (giáp nhà ông Nguyễn Văn Lộc)	Hết nhà ông Nguyễn Văn Thuyên	1,00
11	Đường Trường Chinh	Giáp đường Huỳnh Thúc Kháng (giáp nhà ông Nguyễn Văn Thuyên)	Giáp đường Trần Phú (Ngã tư Tổ dân phố 2 cũ)	1,00
		Giáp đường Trần Phú (Ngã tư Tổ dân phố 2 cũ)	Hết nhà ông Nguyễn Văn Đức Tổ dân phố 3 (cũ)	1,00
12	Đường Trần Phú	Ngã tư Bùng binh	Ngã ba Tổ dân phố 2 (cũ)	1,00
13	Đường N7	Ngã tư Tổ dân phố 2 (cũ)	Đường 10E (hết bến xe khách mới)	1,00
14	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã tư Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã ba giáp Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 4 cũ) qua trụ sở UBND huyện	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
15	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba sân vận động	Giáp đường Phan Bội Châu (đi qua công an huyện đến hết Hội trường TDP 1 cũ)	1,00
16	Đường Lê Duẩn	Ngã ba chợ huyện	Tổ dân phố 2 cũ (giáp đường nhựa)	1,00
17	Đường Phan Bội Châu	Ngã ba huyện Ủy (đi qua hội trường TDP 1 cũ)	Ngã ba Công an huyện	1,00
18	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Ngã ba Tỉnh lộ 684 (cũ)	Đi dài truyền thanh huyện	1,00
19	Đường Phạm Văn Đồng	Giáp đường N13 (gần chợ)	Đi Tổ dân phố 3 (cũ)	1,00
20	Đường Lý Thái Tổ	Giáp đường N13 (gần chợ)	Giáp đường N7 (Tỉnh lộ 683 nối dài)	1,00
21	Đường An Dương Vương	Đường Lý Thái Tổ	Hết đường	1,00
22	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp Quốc lộ 28	Hết đường	1,00
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đầu đường Nguyễn Văn Linh	Đến ngã ba nhà ông Lương Văn Soạn	1,00
24	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp đường Trần Hưng Đạo (hướng đi lên Trung tâm giáo dục thường xuyên)	Giáp Quốc lộ 28	1,00
25	Đất ở các trục đường nhựa khu Trung tâm Thị trấn			1,00
26	Đất ở các ven trục đường còn lại của khu Trung tâm Thị trấn			1,00
27	Các tuyến đường bê tông trong khu trung tâm thị trấn Đăk Mâm (có tên đường) tính từ Tổ dân phố 1 (cũ) đến Tổ dân phố 4 mới			1,00
28	Các tuyến đường bê tông còn lại khu trung tâm thị trấn chưa có tên đường			1,00
29	Các tuyến đường bê tông ngoài khu trung tâm thị trấn Đăk Mâm			1,00
30	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã ba Nông - Lâm (giáp Tỉnh lộ 683)	Đường vào nghĩa địa thị trấn (giáp Tỉnh lộ 683)	1,00
31	Đất ở thôn Đăk Tân và thôn Đăk Hưng			1,00
32	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
33	Các tuyến đường nhựa ngoài khu trung tâm thị trấn (khu vực 3 bon)			1,00
VIII.	Xã Đăk Drô			
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Thế Giới (Trường Mầm non Hòa Mi)	Ngã ba vào Trung tâm giáo dục thường xuyên	1,00
		Ngã ba vào Trung tâm giáo dục thường xuyên	Nhà ông Lê Xuân Tinh	1,00
		Nhà ông Lê Xuân Tinh	Ngã ba đường lên bãi vật liệu xưởng cưa	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
1	Đường Quốc lộ 28	Ngã ba đường lên bãi vật liệu xưởng cưa	Trường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00
		Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu buôn 9	1,00
		Cầu buôn 9	Ngã ba của Lâm Nghiệp 3	1,00
		Ngã ba lâm nghiệp 3	Đường Thành Công (hết buôn 9)	1,00
		Đường Thành Công (hết buôn 9)	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hoàng	1,00
		Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hoàng	Cây xăng Công Nga	1,00
		Đoạn đường còn lại của đường Quốc lộ 28		
2	Đường đi Buôn Choách	Ngã ba nhà ông Nguyễn Thế Giới (Trường Mầm non Họa Mì)	Đường liên thôn Đắc Xuân cũ, Buôn K62 cũ	1,00
		Đường liên thôn Đắc Xuân cũ, Buôn K62 cũ	Hết đất ông Nguyễn Thanh Chánh	1,00
		Hết đất ông Nguyễn Thanh Chánh	Giáp công nước nhà ông Lưu Công Thường	1,00
		Giáp công nước nhà ông Lưu Công Thường	Giáp ranh giới xã Buôn Choach	1,00
		Ngã ba xưởng cưa (ngã ba cây xăng Anh Tuấn)	Hết đất ông Trần Văn Khuê	1,00
3	Đường lên bãi vật liệu xưởng cưa giáp Quốc lộ 28 đến đường dây 500 Kv			1,00
4	Đường đi Năm Nung	Ngã ba Hàm Sỏi	Đường dây 500 Kv	1,00
		Đường dây 500 Kv	Giáp ranh xã Năm Nung	1,00
5	Đường đi Buôn K62 cũ	Ngã ba Quốc lộ 28	Ngã ba Buôn K62 cũ	1,00
		Ngã ba Buôn K62 cũ	Đường dây 500 Kv (hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10)	1,00
		Ngã ba Buôn K62 cũ	Giáp ranh xã Tân Thành	1,00
6	Ngã tư cầu bốn bìa (Buôn K62 cũ)	Ngã tư Km 0 (hướng đi thị trấn Đắc Mâm)	Hết đất nhà bà Lê Thị Viện	1,00
		Hết đất nhà bà Lê Thị Viện	Giáp ranh giới thị trấn Đắc Mâm	1,00
7	Đường ngang nối giáp Quốc lộ 28 với đường đi Buôn Choach	Giáp Quốc lộ 28 (ngã ba từ nhà ông Trần Văn Dân)	UBND xã Đắc Drô	1,00
		Từ UBND xã	Ngã ba giáp đường đi Buôn Choach (hết đất nhà ông Nguyễn Viết Bình)	1,00
8	Tuyến đường Khu tái định cư Buôn 9	Ngã ba Nông nghiệp 3	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Tấn	1,00
		Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Tấn	Khu đất ở 132	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
9	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VIII. 3	Xã Nam Đà			
1	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Ngã năm xã Nam Đà (hướng Cư Jút)	Ngã năm xã Nam Đà (hướng Cư Jút) + 200m	1,00
		Ngã năm xã Nam Đà (hướng Cư Jút) + 200m	Ngã ba vào Nghĩa địa Nam Đà	1,00
		Ngã ba vào Nghĩa địa Nam Đà	Giáp ranh giới xã Đăk Sô	1,00
		Ngã năm Nam Đà (hướng Đăk Mâm)	Ngã năm Nam Đà (hướng Đăk Mâm) + 200m	1,00
		Ngã năm Nam Đà (hướng Đăk Mâm) + 200m	Ngã ba trục 9	1,00
		Ngã ba trục 9	Cầu 1 (Giáp ranh giới thị trấn Đăk Mâm)	1,00
		2	Đường trục chính Nam Đà	Ngã năm Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)
Hết Sân vận động	Cầu Ông Thái			1,00
Cầu Ông Thái	Hết đường nhựa			1,00
Hết đường nhựa	Cuối nhà ông Địch			1,00
Cuối nhà ông Địch	Xã Đăk Rô			1,00
Ngã ba nhà ông Tín (thôn Nam Hải)	Nhà ông Tùng			1,00
3	Đường nhựa trục 9			Tiếp giáp đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)
		Ngã tư nhà ông Kha	Trường Mẫu Giáo (Nam Trung)	1,00
		Trường Mẫu Giáo (Nam Trung)	Giáp cầu An Khê	1,00
		Tiếp giáp trục 9 (Thôn Nam Trung)	Giáp cầu Đê Bô	1,00
4	Các khu dân cư trên các trục đường số 10, 11			1,00
5	Khu dân cư trên các trục 0-8; 12.			1,00
6	Đường đi trạm 35Kv	Tiếp giáp Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Hết đập tràn Đăk Mâm	1,00
		Đầu cầu dân sinh thôn Nam Thanh (cũ)	Giáp ranh thị trấn Đăk Mâm	1,00
7	Đường đi Nam Xuân	Ngã năm Nam Đà	Ngã ba nhà ông Ninh	1,00
		Ngã ba nhà ông Ninh	Cầu Nam Xuân	1,00
		Cầu Nam Xuân	Nhà ông Mai Bàn	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
8	Đường Nam Tân	Tiếp giáp cầu Đẻ Bô	Hết đường	1,00
9	Đường nhựa trục ngang	Nhà bà Dân	Trường Phan Chu Trinh	1,00
		Nhà thờ Quảng Đà	Giáp Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	1,00
10	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VIII.4	Xã Đăk Sôr			
1	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Ngã ba Gia Long (hướng Cur Jút)	Hết đất nhà ông Nguyễn Thanh Bình	1,20
		Hết đất nhà ông Nguyễn Thanh Bình	Hết đất nhà ông Mã Văn Chóng	1,00
		Hết đất nhà ông Mã Văn Chóng	Hết đất nhà ông Dương Ngọc Dinh	1,00
		Hết đất nhà ông Dương Ngọc Dinh	Hết đất nhà ông Trần Văn Nam	1,00
		Hết đất nhà ông Trần Văn Nam	Giáp huyện Cur Jút	1,20
		Ngã ba Gia Long (hướng đi thị trấn Đăk Mâm)	Hết đất ông Võ Thứ	1,15
		Hết đất nhà ông Võ Thứ	Giáp ranh giới xã Nam Đà	1,00
2	Đường Tỉnh lộ 683 nối với Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Ngã ba Gia long	Hết đất ông Phạm Văn Lâm	1,20
		Hết đất ông Phạm Văn Lâm	Giáp ranh giới xã Nam Xuân	1,10
3	Các Trục đường quy hoạch khu dân cư mới			1,20
4	Khu dân cư thôn Đức Lập	Đầu đường bê tông	Hết đất bà Bạch Thị Hiền	1,30
5	Đường đi thôn Quảng Hà	Nhà ông Nguyễn Xuân Thăng	Hết đất nhà ông Dương Đức Hòa	1,30
6	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,20
VIII.5	Xã Tân Thành			
1	Đường đi Năm Nung	Km 0 (Ngã ba trắng bò đi thôn Đăk Na, Đăk Ri)	Ngã ba Đăk Hoa (đi Đăk Drô)	1,00
		Ngã ba Đăk Hoa	Giáp ranh xã Nam Nung	1,00
2	Đường đi thị trấn Đăk Mâm	Km 0 (Ngã ba trắng bò đi thôn Đăk Na, Đăk Ri)	Hướng đi thị trấn Đăk Mâm + 200 m	1,00
		Các đoạn còn lại trên đường nhựa		1,00
3	Đường đi xã Đăk Drô	Ngã ba Đăk Hoa (đi Đăk Drô)	Giáp ranh xã Đăk Drô	1,00
4	Đường đi làng Dao (thôn Đăk Na)	Km 0 (Ngã ba trắng bò đi thôn Đăk Na, Đăk Ri)	Km 0 +300 m	1,00
		Km 0 +300 m	Giáp ranh xã Đăk Săk	1,00
5	Các khu dân cư còn lại thôn Đăk Hoa, Đăk Lưu, Đăk Na, Đăk Ri, Đăk Rô			1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
VIII.6	Xã Năm N'Đir			
1	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Ngã tư Chợ	Ngã ba ông Quân (về hướng Đắc Drô trước UBND xã)	1,00
		Ngã tư Chợ	Ngã ba ông Quân (về hướng Đắc Drô sau UBND xã)	1,00
		Ngã ba nhà ông Quân (hướng đi xã Đắc Drô)	Đường vào rẫy giáp nhà ông Du	1,00
		Đường vào rẫy giáp nhà ông Du	Ngã ba xuống sinh (nhà ông Phong)	1,00
		Ngã ba xuống sinh (nhà ông Phong)	Giáp Đắc Drô	1,00
		Ngã tư chợ	Km0+500 m (về hướng Đức Xuyên)	1,00
		Km0+500 m (về hướng Đức Xuyên)	Đường ra cánh đồng giáp nhà ông Kim	1,00
		Đường ra cánh đồng giáp nhà ông Kim	Đường ra cánh đồng giáp nhà ông Quý	1,00
		Đường ra cánh đồng giáp nhà ông Quý	Giáp Đức Xuyên	1,00
2	Đường vào xã Năm Nung	Km0 (ngã tư đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Đường vào bon Đắc Prí	1,00
		Đường vào bon Đắc Prí	Ranh giới xã Năm Nung	1,00
		Từ UBND xã	Ngã ba nhà văn hóa Đắc Prí	1,00
		Ngã ba nhà ông Tuấn	Nhà Y Khôn (thôn Năm Tân)	1,00
3	Khu dân cư còn lại các thôn Nam Tân, Nam Hà, Nam Xuân, Nam Dao, Nam Ninh, thôn Quảng Hà, thôn Nam Thanh, bon Đắc Prí			1,00
VIII.7	Xã Quảng Phú			
1	Đường Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Giáp ranh xã Đắc Nang	Ngã ba Trường THPT Hùng Vương	1,10
		Ngã ba Trường THPT Hùng Vương	Trạm kiểm lâm	1,20
		Trạm kiểm lâm	Ngã ba lò gạch (Tỉnh lộ 4B)	1,00
		Ngã ba lò gạch (Tỉnh lộ 4B)	Cuối thôn Phú Sơn (giáp Quảng Sơn, huyện Đắc Glong)	1,00
2	Đường liên thôn Phú Xuân - Phú Trung			1,00
3	Đường nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah	Ngã ba xưởng cưa Hải Sơn	Bến nước Buôn K'tăh	1,00
		Bến nước Buôn K'tăh	Hết nhà ông Bảo	1,00
		Ngã ba đường vào thủy điện	Cầu Nam Ka	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
4	Đường tỉnh lộ 4B đi xã Quảng Hòa (huyện Đắk Glong)	Ngã ba lò gạch (Tỉnh lộ 4B)	Hết thôn Phú Hòa (giáp thôn Phú Vinh)	1,00
		Hết thôn Phú Hòa (giáp thôn Phú Vinh)	Giáp xã Quảng Hoà (huyện Đắk Glong)	1,00
5	Đất ở khu dân cư thôn Phú Lợi			1,10
6	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VIII.	Xã Đức Xuyên			
1	Đường tỉnh lộ 684	Cầu Đắc Rí (ranh giới Năm N'Đir)	Ngã tư Xuyên Hà	1,10
		Ngã tư Xuyên Hà	Mương thủy lợi (K.NT4a)	1,10
		Mương thủy lợi (K.NT4a)	Ngã ba vào Trạm Y tế xã	1,20
		Ngã ba vào Trạm Y tế xã	Ngã tư Đắc Nang	1,10
2	Đường vào Trường Nguyễn Văn Bé	Ngã ba ông Thạnh	Kênh mương thủy lợi cấp I	1,00
		Kênh mương thủy lợi cấp I	Nhà cộng đồng Bon Choih	1,00
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VIII.	Xã Buôn Choah			
1	Khu Trạm Y tế +100 m về hai phía; Ngã ba thôn Cao Sơn cũ đến Ngã ba vào đôi đất gộp thành: Từ Ngã ba thôn Cao Sơn cũ đến ngã ba vào khu nghĩa địa			1,00
2	Đường vào xã Buôn Choah, từ ngã ba đường tránh lũ về 3 phía, mỗi phía 100m			1,00
4	Từ cổng chào thôn Ninh Giang đến hết đất nhà ông Bùi Thái Tâm (thôn Cao Sơn cũ)			1,00
5	Ngã ba thôn Cao Sơn cũ	Cổng tràn ra thôn Thanh Sơn cũ + thôn Nam Tiến (cũ)		1,00
		Nhà ông La Văn Phúc thôn Ninh Giang		1,00
6	Tuyến đường từ nhà ông La Văn Phúc (thôn Ninh Giang) đến nhà ông Bùi Thái Tâm (thôn Cao Sơn)			1,00
7	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VIII.	Xã Năm Nung			
1	Đường trục chính xã	Giáp ranh xã Năm N'Đir	Ngã ba Công ty TNHH MTV Nam Nung (-200m)	1,00
		Ngã ba Công ty TNHH MTV Nam Nung (- 200m)	Ngã ba Công ty TNHH MTV Nam Nung (+200m)	1,00
		Ngã ba Công ty TNHH MTV Nam Nung (+ 200m)	Cầu Đắc Viên	1,00
		Cầu Đắc Viên	Ngã ba đối diện cây xăng Quyết Độ	1,00
		Ngã ba đối diện cây xăng Quyết Độ	Hết đất Trường Trung học cơ sở Nam Nung	1,00
		Hết đất Trường Trung học cơ sở Nam Nung	Giáp ranh giới xã Tân Thành	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
2	Đường Hàm sòi	Ngã ba UBND xã (hướng Hàm sòi)	Giáp ranh xã Đắc Drô	1,00
3	Đường Bon Ja Ráh	Ngã ba Năm Nung	Trường Mầm Non Hoa Pơ Lang	1,00
4	Khu vực ba tầng	Hết đất nhà ông Cao Bào Ngọc	Hết đất nhà ông Trần Văn Trung	1,00
5	Các trục đường trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã	Tuyến D1	Tuyến N5	1,00
		Tuyến N1		1,00
		Tuyến N8		1,00
		Tuyến N9		1,00
		Tuyến D6	Tuyến N8	1,00
		Tuyến N8	Tuyến N6	1,00
		Tuyến N7		1,00
		Tuyến D10	Tuyến N8	1,00
6	Đường trục chính thôn	Ngã ba thôn Thanh Thái (đi xã Tân Thành)	Thôn Đắc Rô (xã Tân Thành)	1,00
		Ngã ba đường Năm Nung đi Năm N'đir	Hết đất nhà ông Đinh Công Đình	1,00
		Đường bon R'cập	Ngã ba nhà ông Trương Văn Thanh	1,00
7	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VIII.	Xã Nam Xuân			
1	Đường nối tỉnh lộ 683 với Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Ngã ba Tỉnh lộ 683 (hướng đi xã Đắc Sôr)	Hết đất nhà ông Hà Đức Tuyên	1,00
		Hết đất nhà ông Hà Đức Tuyên	Đến ranh giới xã Đắc Sôr	1,00
2	Đường Tỉnh lộ 683	Ngã ba tỉnh lộ 683 (hướng đi thị trấn Đắc Mâm)	Cầu Cháy	1,00
		Cầu Cháy	Giáp ranh Thị trấn Đắc Mâm	1,00
		Ngã ba Tỉnh lộ 683 (hướng đi Đắc Mĩl)	Hết đất nhà ông Lương Văn Khôi	1,30
		Hết đất nhà ông Lương Văn Khôi	Hết đất ông Vi Ngọc Thi	1,00
		Hết đất ông Vi Ngọc Thi	Ngã ba đường Lương Sơn	1,00
		Ngã ba đường Lương Sơn	Giáp ranh huyện Đắc Mĩl	1,00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022
		Từ	Đến	
3	Đường đi Nam Sơn (cũ)	Ngã ba Thanh Sơn	Đầu cầu Sơn Hà cũ	1,00
		Đầu cầu Sơn Hà cũ	Nhà ông Nguyễn Ngọc Phong	1,00
4	Đường đi Đắk Hợp	Ngã ba Tư Anh	Hết đất nhà ông Nông Văn Cường	1,00
		Hết đất nhà ông Nông Văn Cường	Hết đất nhà ông Lý Thanh Nghiệp	1,00
5	Các trục đường bê tông còn lại			1,00
6	Đường đi suối Boong	Ngã ba Tư Anh	Ngã ba Tư Anh + 500m	1,00
7	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00
VIII.	Xã Đắk Nang			
1	Đường Quốc lộ 28	Ngã tư (giáp ranh xã Đức Xuyên)	Cổng thôn Phú Cường	1,00
		Khu vực đèo 52 giáp xã Quảng Phú đến giáp xã Quảng Sơn (huyện Đắk Glong)		1,00
2	Đất ở các khu vực còn lại trên đường Quốc lộ 28			1,00
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			1,00

2

PHỤ LỤC II:

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Stt	Tên phường/xã	Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022		
		VT1	VT2	VT3
I	Thành phố Gia Nghĩa			
I.1	Đất trồng lúa			
	Xã Đắk Nia			1,00
I.2	Đất trồng cây hàng năm khác			
1	Phường Nghĩa Tân	1,20	1,20	1,20
2	Phường Nghĩa Phú	1,20	1,20	1,20
3	Phường Nghĩa Đức	1,20	1,20	1,20
4	Phường Nghĩa Thành	1,20	1,20	1,20
5	Phường Nghĩa Trung	1,20	1,20	1,20
6	Phường Quảng Thành	1,20	1,20	1,00
7	Xã Đắk Nia	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đắk R'Moan	1,00	1,00	1,00
I.3	Đất trồng cây lâu năm			
1	Phường Nghĩa Tân	1,20	1,20	1,20
2	Phường Nghĩa Phú	1,20	1,20	1,20
3	Phường Nghĩa Đức	1,20	1,20	1,20
4	Phường Nghĩa Thành	1,20	1,20	1,20
5	Phường Nghĩa Trung	1,20	1,20	1,20
6	Phường Quảng Thành	1,20	1,20	1,00
7	Xã Đắk Nia	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đắk R'Moan	1,20	1,20	1,00
I.4	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Phường Nghĩa Tân	1,20	1,20	1,20
2	Phường Nghĩa Phú	1,20	1,20	1,20
3	Phường Nghĩa Đức	1,20	1,20	1,20
4	Phường Nghĩa Thành	1,20	1,20	1,20
5	Phường Nghĩa Trung	1,20	1,20	1,20
6	Phường Quảng Thành	1,20	1,20	1,00
7	Xã Đắk Nia	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đắk R'Moan	1,00	1,00	1,00
I.5	Đất rừng sản xuất			
1	Phường Quảng Thành	1,00		
2	Xã Đắk Nia	1,00		
3	Xã Đắk R'Moan	1,00		
II	HUYỆN ĐẮK R'LẤP			
II.1	Đất trồng lúa			
1	Thị trấn Kiến Đức	1,00	1,00	1,00
2	Xã Kiến Thành	1,00	1,00	1,00
3	Xã Nhân Cơ	1,00	1,00	1,00

Stt	Tên phường/xã	Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022		
		VT1	VT2	VT3
4	Xã Đắk Wer	1,00	1,00	1,00
5	Xã Nhân Đạo	1,00	1,00	1,00
6	Xã Đắk Sin	1,00	1,00	1,00
7	Xã Hưng Bình			
8	Xã Nghĩa Thắng	1,00	1,00	1,00
9	Xã Đạo Nghĩa	1,00	1,00	1,00
10	Xã Quảng Tín	1,00	1,00	1,00
11	Xã Đắk Ru	1,00	1,00	1,00
II.2	Đất trồng cây hàng năm khác			
1	Thị trấn Kiến Đức	1,20	1,20	1,00
2	Xã Kiến Thành	1,00	1,00	1,00
3	Xã Nhân Cơ	1,20	1,00	1,00
4	Xã Đắk Wer	1,00	1,00	1,00
5	Xã Nhân Đạo	1,00	1,00	1,00
6	Xã Đắk Sin	1,00	1,00	1,00
7	Xã Hưng Bình	1,00	1,00	1,00
8	Xã Nghĩa Thắng	1,20	1,00	1,00
9	Xã Đạo Nghĩa	1,00	1,00	1,00
10	Xã Quảng Tín	1,00	1,00	1,00
11	Xã Đắk Ru	1,00	1,00	1,00
II.3	Đất trồng cây lâu năm			
1	Thị trấn Kiến Đức	1,20	1,00	1,00
2	Xã Kiến Thành	1,20	1,00	1,00
3	Xã Nhân Cơ	1,20	1,00	1,00
4	Xã Đắk Wer	1,20	1,00	1,00
5	Xã Nhân Đạo	1,20	1,00	1,00
6	Xã Đắk Sin	1,00	1,00	1,00
7	Xã Hưng Bình	1,00	1,00	1,00
8	Xã Nghĩa Thắng	1,20	1,20	1,20
9	Xã Đạo Nghĩa	1,00	1,00	1,00
10	Xã Quảng Tín	1,00	1,00	1,00
11	Xã Đắk Ru	1,00	1,00	1,00
II.4	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Thị trấn Kiến Đức	1,00	1,00	1,00
2	Xã Kiến Thành	1,00	1,00	1,00
3	Xã Nhân Cơ	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đắk Wer	1,00	1,00	1,00
5	Xã Nhân Đạo	1,00	1,00	1,00
6	Xã Đắk Sin	1,00	1,00	1,00
7	Xã Hưng Bình	1,00	1,00	1,00
8	Xã Nghĩa Thắng	1,20	1,20	1,20
9	Xã Đạo Nghĩa	1,00	1,00	1,00
10	Xã Quảng Tín	1,00	1,00	1,00
11	Xã Đắk Ru	1,00	1,00	1,00

Stt	Tên phường/xã	Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022		
		VT1	VT2	VT3
II.5	Đất rừng sản xuất	1,00		
III	HUYỆN ĐẮK MIL			
III.1	Đất trồng lúa			
1	Thị trấn Đắk Mil			
2	Xã Thuận An	1,00	1,00	1,00
3	Xã Đắk Lao			
4	Xã Đức Minh	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk Sắk	1,00	1,00	1,00
6	Xã Đức Mạnh	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Rlă	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đắk N'Drot	1,00	1,00	1,00
9	Xã Đắk Găn	1,00	1,00	1,00
10	Xã Long Sơn	1,00	1,00	1,00
III.2	Đất trồng cây hàng năm khác			
1	Thị trấn Đắk Mil	1,00	1,00	1,00
2	Xã Thuận An	1,00	1,00	1,00
3	Xã Đắk Lao	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đức Minh	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk Sắk	1,00	1,00	1,00
6	Xã Đức Mạnh	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Rlă	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đắk N'Drot	1,00	1,00	1,00
9	Xã Đắk Găn	1,00	1,00	1,00
10	Xã Long Sơn	1,00	1,00	1,00
III.3	Đất trồng cây lâu năm			
1	Thị trấn Đắk Mil	1,00	1,00	1,00
2	Xã Thuận An	1,00	1,00	1,00
3	Xã Đắk Lao	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đức Minh	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk Sắk	1,00	1,00	1,00
6	Xã Đức Mạnh	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Rlă	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đắk N'Drot	1,00	1,00	1,00
9	Xã Đắk Găn	1,00	1,00	1,00
10	Xã Long Sơn	1,00	1,00	1,00
III.4	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Thị trấn Đắk Mil	1,00	1,00	1,00
2	Xã Thuận An	1,00	1,00	1,00
3	Xã Đắk Lao	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đức Minh	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk Sắk	1,00	1,00	1,00
6	Xã Đức Mạnh	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Rlă	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đắk N'Drot	1,00	1,00	1,00

Stt	Tên phường/xã	Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022		
		VT1	VT2	VT3
9	Xã Đắk Găn	1,00	1,00	1,00
10	Xã Long Sơn	1,00	1,00	1,00
III.5	Đất rừng sản xuất	1,00		
IV	HUYỆN TUY ĐỨC			
IV.1	Đất trồng lúa			
1	Xã Quảng Tân	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đắk R'tih	1,00	1,00	1,00
3	Xã Đắk Ngo	1,00	1,00	1,00
4	Xã Quảng Tâm	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk Búk So	1,00	1,00	1,00
6	Xã Quảng Trục	1,00	1,00	1,00
IV.2	Đất trồng cây hàng năm khác			
1	Xã Quảng Tân	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đắk R'tih	1,00	1,00	1,00
3	Xã Đắk Ngo	1,00	1,00	1,00
4	Xã Quảng Tâm	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk Búk So	1,00	1,00	1,00
6	Xã Quảng Trục	1,00	1,00	1,00
IV.3	Đất trồng cây lâu năm			
1	Xã Quảng Tân	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đắk R'tih	1,00	1,00	1,00
3	Xã Đắk Ngo	1,00	1,00	1,00
4	Xã Quảng Tâm	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk Búk So	1,00	1,00	1,00
6	Xã Quảng Trục	1,00	1,00	1,00
IV.4	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Xã Quảng Tân	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đắk R'tih	1,00	1,00	1,00
3	Xã Đắk Ngo	1,00	1,00	1,00
4	Xã Quảng Tâm	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk Búk So	1,00	1,00	1,00
6	Xã Quảng Trục	1,00	1,00	1,00
IV.5	Đất rừng sản xuất	1,00		
V	HUYỆN ĐẮK G'LONG			
V.1	Đất trồng lúa			
1	Xã Quảng Khê	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đắk Ha	1,00	1,00	1,00
3	Xã Quảng Sơn	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đắk Som	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk R'măng	1,00	1,00	1,00
6	Xã Quảng Hòa	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Plao	1,00	1,00	1,00
V.2	Đất trồng cây hàng năm khác			
1	Xã Quảng Khê	1,00	1,00	1,00

Stt	Tên phường/xã	Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022		
		VT1	VT2	VT3
2	Xã Đắk Ha	1,00	1,00	1,00
3	Xã Quảng Sơn	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đắk Som	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk R'măng	1,00	1,00	1,00
6	Xã Quảng Hòa	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Plao	1,00	1,00	1,00
V.3	Đất trồng cây lâu năm			
1	Xã Quảng Khê	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đắk Ha	1,00	1,00	1,00
3	Xã Quảng Sơn	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đắk Som	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk R'măng	1,00	1,00	1,00
6	Xã Quảng Hòa	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Plao	1,00	1,00	1,00
V.4	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Xã Quảng Khê	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đắk Ha	1,00	1,00	1,00
3	Xã Quảng Sơn	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đắk Som	1,00	1,00	1,00
5	Xã Đắk R'măng	1,00	1,00	1,00
6	Xã Quảng Hòa	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Plao	1,00	1,00	1,00
V.5	Đất rừng sản xuất	1,00		
VI	HUYỆN ĐẮK SONG			
VI.1	Đất trồng lúa			
1	Thị trấn Đức An			
2	Xã Nam Bình	1,00	1,00	1,00
3	Xã Thuận Hà	1,00	1,00	1,00
4	Xã Năm N'Jang	1,00	1,00	1,00
5	Xã Thuận Hạnh	1,00	1,00	1,00
6	Xã Trường Xuân	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Mol	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đắk N'Drung	1,00	1,00	1,00
9	Xã Đắk Hòa	1,00	1,00	1,00
VI.2	Đất trồng cây hàng năm khác			
1	Thị trấn Đức An	1,00	1,00	1,00
2	Xã Nam Bình	1,00	1,00	1,00
3	Xã Thuận Hà	1,00	1,00	1,00
4	Xã Năm N'Jang	1,00	1,00	1,00
5	Xã Thuận Hạnh	1,00	1,00	1,00
6	Xã Trường Xuân	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đắk Mol	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đắk N'Drung	1,00	1,00	1,00
9	Xã Đắk Hòa	1,00	1,00	1,00

Stt	Tên phường/xã	Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022		
		VT1	VT2	VT3
VI.3	Đất trồng cây lâu năm			
1	Thị trấn Đức An	1,00	1,00	1,00
2	Xã Nam Bình	1,00	1,00	1,00
3	Xã Thuận Hà	1,20	1,10	1,00
4	Xã Năm N'Jang	1,00	1,00	1,00
5	Xã Thuận Hạnh	1,00	1,00	1,00
6	Xã Trường Xuân	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đăk Mol	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đăk N'Drưng	1,20	1,10	1,00
9	Xã Đăk Hòa	1,20	1,00	1,00
VI.4	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Thị trấn Đức An	1,00	1,00	1,00
2	Xã Nam Bình	1,00	1,00	1,00
3	Xã Thuận Hà	1,00	1,00	1,00
4	Xã Năm N'Jang	1,00	1,00	1,00
5	Xã Thuận Hạnh	1,00	1,00	1,00
6	Xã Trường Xuân	1,00	1,00	1,00
7	Xã Đăk Mol	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đăk N'Drưng	1,00	1,00	1,00
9	Xã Đăk Hòa	1,00	1,00	1,00
VI.5	Đất rừng sản xuất	1,00		
VII	HUYỆN CƯ JUT			
VII.1	Đất trồng lúa			
1	T.T Ea Tling	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đăk Drông	1,00	1,00	1,00
3	Tâm Thắng	1,00	1,00	1,00
4	Ea Pô	1,00	1,00	1,00
5	Xã Nam Dong	1,00	1,00	1,00
6	Xã Trúc Sơn	1,00	1,00	1,00
7	Xã Cư Knia	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đăk Wil	1,00	1,00	1,00
VII.2	Đất trồng cây hàng năm khác			
1	T.T Ea Tling	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đăk Drông	1,00	1,00	1,00
3	Tâm Thắng	1,00	1,00	1,00
4	Ea Pô	1,00	1,00	1,00
5	Xã Nam Dong	1,00	1,00	1,00
6	Xã Trúc Sơn	1,00	1,00	1,00
7	Xã Cư Knia	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đăk Wil	1,00	1,00	1,00
VII.3	Đất trồng cây lâu năm			
1	T.T Ea Tling	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đăk Drông	1,00	1,00	1,00
3	Tâm Thắng	1,00	1,00	1,00

Stt	Tên phường/xã	Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022		
		VT1	VT2	VT3
4	Ea Pô	1,00	1,00	1,00
5	Xã Nam Dong	1,00	1,00	1,00
6	Xã Trúc Sơn	1,00	1,00	1,00
7	Xã Cư Knia	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đăk Wil	1,00	1,00	1,00
VII.4	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	T.T Ea Tling	1,20	1,00	1,00
2	Xã Đăk Drông	1,00	1,00	1,00
3	Tâm Thắng	1,00	1,00	1,00
4	Ea Pô	1,00	1,00	1,00
5	Xã Nam Dong	1,00	1,00	1,00
6	Xã Trúc Sơn	1,00	1,00	1,00
7	Xã Cư Knia	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đăk Wil	1,00	1,00	1,00
VII.5	Đất rừng sản xuất	1,00		
VIII	HUYỆN KRÔNG NÔ			
VIII.1	Đất trồng lúa			
1	Thị trấn Đăk Mâm	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đăk Drô	1,00	1,00	1,00
3	Xã Nam Đà	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đăk Sôr	1,00	1,00	1,00
5	Xã Tân Thành	1,00	1,00	1,00
6	Xã Năm N'Đir	1,00	1,00	1,00
7	Xã Quảng Phú	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đức Xuyên	1,00	1,00	1,00
9	Xã Buôn Choah	1,00	1,00	1,00
10	Xã Năm Nung	1,00	1,00	1,00
11	Xã Nam Xuân	1,00	1,00	1,00
12	Xã Đăk Nang	1,00	1,00	1,00
VIII.2	Đất trồng cây hàng năm khác			
1	Thị trấn Đăk Mâm	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đăk Drô	1,00	1,00	1,00
3	Xã Nam Đà	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đăk Sôr	1,00	1,00	1,00
5	Xã Tân Thành	1,00	1,00	1,00
6	Xã Năm N'Đir	1,00	1,00	1,00
7	Xã Quảng Phú	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đức Xuyên	1,00	1,00	1,00
9	Xã Buôn Choah	1,00	1,00	1,00
10	Xã Năm Nung	1,00	1,00	1,00
11	Xã Nam Xuân	1,00	1,00	1,00
12	Xã Đăk Nang	1,00	1,00	1,00
VIII.3	Đất trồng cây lâu năm			
1	Thị trấn Đăk Mâm	1,00	1,00	1,00

Stt	Tên phường/xã	Hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2022		
		VT1	VT2	VT3
2	Xã Đắk Drô	1,00	1,00	1,00
3	Xã Nam Đà	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đắk Sôr	1,00	1,00	1,00
5	Xã Tân Thành	1,00	1,00	1,00
6	Xã Năm N'Đir	1,00	1,00	1,00
7	Xã Quảng Phú	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đức Xuyên	1,00	1,00	1,00
9	Xã Buôn Choah	1,00	1,00	1,00
10	Xã Năm Nung	1,00	1,00	1,00
11	Xã Nam Xuân	1,00	1,00	1,00
12	Xã Đắk Nang	1,00	1,00	1,00
VIII.4	Đất nuôi trồng thủy sản			
1	Thị trấn Đắk Mâm	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đắk Drô	1,00	1,00	1,00
3	Xã Nam Đà	1,00	1,00	1,00
4	Xã Đắk Sôr	1,00	1,00	1,00
5	Xã Tân Thành	1,00	1,00	1,00
6	Xã Năm N'Đir	1,00	1,00	1,00
7	Xã Quảng Phú	1,00	1,00	1,00
8	Xã Đức Xuyên	1,00	1,00	1,00
9	Xã Buôn Choah	1,00	1,00	1,00
10	Xã Năm Nung	1,00	1,00	1,00
11	Xã Nam Xuân	1,00	1,00	1,00
12	Xã Đắk Nang	1,00	1,00	1,00
VIII.5	Đất rừng sản xuất	1,00		

2

S K N A